



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG



DDCI
HẢI PHÒNG

2020



Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

UBND Thành phố Hải Phòng

Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng

Cục Thống kê thành phố Hải Phòng

Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

Phạm Minh Tuyết

Phạm Tiến Dũng

Trần Thị Phương

Nguyễn Thúy Nhị

Lê Duy Bình

Ngô Vĩnh Bạch Dương

HẢI PHÒNG

ĐIỂM ĐẾN CỦA CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ KINH DOANH



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG



Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Hải Phòng,
đề nghị truy cập trang web:

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR dưới đây:



Tháng 5/2021



LỜI CẢM ƠN

Chi số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2020 là công trình đánh giá thực tiễn về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của thành phố Hải Phòng. Công ty CP Tư vấn về Quản lý Kinh tế (Economica Vietnam) chịu trách nhiệm về xây dựng bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2020, phối hợp với Cục Thống kê thành phố Hải Phòng thực hiện khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 và xây dựng báo cáo đánh giá và xếp hạng DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo UBND thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành tại Hải Phòng, cũng như lãnh đạo tại các địa phương của thành phố đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện DDCI tại Hải Phòng.

Báo cáo này sẽ không thể hoàn thành nếu như không có những đóng góp quan trọng của Cục Thống kê thành phố Hải Phòng. Toàn bộ công tác điều tra, khảo sát trực tiếp tại các địa phương được thực hiện bởi nhóm điều tra viên của Cục Thống kê trên cơ sở phương pháp luận, bộ công cụ và phần mềm do Economica xây dựng và cung cấp. Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các lãnh đạo của Cục Thống kê thành phố, nhóm chuyên gia và các cán bộ khảo sát của Cục Thống kê đã trực tiếp tổ chức công việc khảo sát và nhập dữ liệu từ hoạt động điều tra ở từng địa phương. Chúng tôi trân trọng cảm ơn những nỗ lực của các cán bộ Cục Thống kê và tinh thần trách nhiệm của các điều tra viên để đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện khách quan, chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về mặt phương pháp luận từ các chuyên gia Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu và Quản lý Kinh tế Trung ương) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về mặt nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, Hiệp hội Doanh nghiệp thành phố và các cơ quan khác trong quá trình xây dựng phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.



MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	4
Danh mục bảng, biểu, hình vẽ	9
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG	12
1.1. DDCI - Sự cần thiết và những điểm mới	12
1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu	14
CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH.....	21
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	21
2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương	24
CHƯƠNG 3. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH.....	29
3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI Sở, ban, ngành	29
3.2. Hồ sơ DDCI Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần	31
3.2.1. Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	31
3.2.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin	34
3.2.3. Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành.....	37
3.2.4. Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ pháp luật.....	39
3.2.5. Chi phí không chính thức	41
3.2.6. Cạnh tranh bình đẳng	43
3.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh.....	45
3.2.8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí	48
3.2.9. Vai trò của người đứng đầu Sở, ban, ngành	50
CHƯƠNG 4. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG	56
4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp địa phương	56
4.2. Hồ sơ DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần	60
4.2.1. Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép	60
4.2.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin	62
4.2.3. Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương.....	65
4.2.4. Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ pháp luật.....	68
4.2.5. Chi phí không chính thức	71
4.2.6. Cạnh tranh bình đẳng	73
4.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh.....	75



4.2.8. Hiệu lực thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	78
4.2.9. Vai trò đứng đầu của lãnh đạo địa phương.....	80
4.2.10. Tiếp cận đất đai	82
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	86
PHỤ LỤC.....	89

Danh mục từ viết tắt

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BQL KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
CCHC	Cải cách hành chính
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông thôn & Phát triển nông thôn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật

VCCI Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

VH&TT Văn hóa và Thể thao

Danh mục bảng, biểu, hình vẽ

Danh mục bảng, hình vẽ

Bảng 4.1. Điểm số CSTP theo DDCI cấp địa phương năm 2020 (theo thang điểm 10).....	58
Hình 4.1. Bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế theo DDCI cấp địa phương năm 2020.....	59

Danh mục biểu đồ

Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ số phiếu trong mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2020.....	17
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ HKD trong mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2020.....	19
Biểu đồ 2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh của DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	22
Biểu đồ 2.2. Tác động dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của DN/HTX.....	23
Biểu đồ 2.3. Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động của DN/HTX.....	24
Biểu đồ 2.4. Tình hình và triển vọng sản xuất kinh doanh của các HKD trong DDCI cấp địa phương năm 2020.....	24
Biểu đồ 2.5. Tác động của dịch Covid-19 đến các HKD.....	26
Biểu đồ 2.6. Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động.....	26
Biểu đồ 3.1. DDCI Sở, ban, ngành năm 2020 – Thành phố Hải Phòng.....	30
Biểu đồ 3.2. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép”.....	31
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết để chính thức đi vào hoạt động.....	33
Biểu đồ 3.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin”.....	34
Biểu đồ 3.5. Điểm số của chỉ tiêu “DN/HTX ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC ở các Sở, ban, ngành”.....	36
Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành”.....	37
Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển ở các sở, ban, ngành.....	39
Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật”.....	40
Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ số lần thanh tra, kiểm tra của các sở, ban, ngành mà DN/HTX phải tiếp trong năm qua.....	41
Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”.....	42
Biểu đồ 3.11. Tỷ lệ DN/HTX nhận định về xu thế tăng/giảm của chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC hoặc các công việc liên quan ở các Sở, ban, ngành.....	43
Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”.....	44
Biểu đồ 3.13. Tỷ lệ DN/HTX nhận định về “Công bằng, không có sự phân biệt trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, tài chính...)”.....	45
Biểu đồ 3.14. Điểm số CSTP “Hỗ trợ sản xuất kinh doanh”.....	46
Biểu đồ 3.15. Tỷ lệ DN/HTX được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX do Sở, ban, ngành tổ chức.....	47
Biểu đồ 3.16. Điểm số của chỉ tiêu “Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ các DN/HTX trong trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (Ví dụ dịch Covid-19)”.....	48
Biểu đồ 3.17. Điểm số CSTP “Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lý”.....	49
Biểu đồ 3.18. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo minh bạch, công bằng”.....	50
Biểu đồ 3.19. Điểm số CSTP “Vai trò của người đứng đầu Sở, ban, ngành”.....	51
Biểu đồ 3.20. Điểm số chỉ tiêu “Tính thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi nhằm giải quyết các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh”.....	52
Biểu đồ 4.1. Thứ hạng và điểm số DDCI cấp địa phương năm 2020.....	59
Biểu đồ 3.2. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường và cấp phép”.....	60
Biểu đồ 4.3. Thời gian HKD bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức đi vào hoạt động.....	62
Biểu đồ 4.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT”.....	63
Biểu đồ 4.5. Mức độ ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC của các HKD.....	65
Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương”.....	66
Biểu đồ 4.7. Điểm số chỉ tiêu “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của cơ quan chính quyền địa phương khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”.....	67

Biểu đồ 4.8. Tỷ lệ được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận, huyện, phường/xã, ngành	68
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật”	69
Biểu đồ 4.10. Tỷ lệ HKD đánh giá về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND quận, huyện nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các HKD khi tuân thủ các quy định pháp luật	70
Biểu đồ 4.11. Đánh giá về chất lượng của các cuộc thanh tra, kiểm tra	71
Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”	72
Biểu đồ 4.13. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC, dịch vụ công hoặc các công việc khác tại các địa phương	73
Biểu đồ 4.14. Điểm số của CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”	74
Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh”	75
Biểu đồ 4.16. Điểm số của chỉ tiêu hiệu quả hỗ trợ các HKD trong các trường hợp biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (Vd như dịch Covid-19).....	77
Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP “Hiệu lực thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự”	78
Biểu đồ 4.18. Điểm số chỉ tiêu “công tác an ninh trật tự tại quận, huyện đã được đảm bảo, tạo ra sự yên tâm cho các HKD”	79
Biểu đồ 4.19. Điểm số CSTP “Vai trò đứng đầu của lãnh đạo địa phương”	80
Biểu đồ 4.20. Điểm số chỉ tiêu “Lãnh đạo địa phương tích cực và trực tiếp tham gia vào các hoạt động đối thoại và thực hiện các cam kết đầy đủ, nghiêm túc”	81
Biểu đồ 4.21. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai”	82
Biểu đồ 4.22. Mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh	83



01

GIỚI THIỆU CHUNG



CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. DDCI - Sự cần thiết và những điểm mới

Sự cần thiết của việc đánh giá năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh cấp Sở, ban, ngành và địa phương

Những năm qua, việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo thuận lợi cho các cơ sở kinh tế luôn được thành phố Hải Phòng coi trọng và trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Đặc biệt vào năm 2020, trên cơ sở chỉ số PCI áp dụng cho cấp tỉnh, thành phố Hải Phòng đã ban hành Kế hoạch số 240/KH-UBND về việc triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) năm 2020. Đây là một trong những sáng kiến giúp thúc đẩy sự chuyển biến mạnh mẽ trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương trên toàn thành phố. Mục tiêu cuối cùng của Kế hoạch này chính là tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, mang lại lợi ích thiết thực cho cộng đồng dân doanh, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Hải Phòng. Hơn thế nữa, điểm đổi mới và toàn diện hơn là cách tiếp cận toàn diện tới các vấn đề phát triển bao trùm (chuyển đổi số, xã hội, môi trường sinh thái...), từ đó, đưa ra những giải pháp toàn diện với mục đích “không ai bị bỏ lại phía sau” nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

Việc đánh giá DDCI là một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của Hải Phòng hướng tới cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh một cách toàn diện. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 vẫn đang diễn ra phức tạp, nền kinh tế chịu nhiều tác động, đặt ra rất nhiều thách thức không chỉ cho cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh mà còn đối với cả hệ thống chính quyền trước bài toán cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, cải cách hành chính, chính sách phù hợp, kịp thời và hiệu quả theo hướng bền vững hơn, giảm tác động tiêu cực từ những cú “sốc” như vậy. Kết quả đánh giá DDCI sẽ là một trong những công cụ hữu hiệu để đưa ra bức tranh chung về môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố, là đầu vào cho những đánh giá, cải thiện chính sách sau này.

DDCI và những điểm mới

DDCI dựa trên quan điểm nền tảng là cộng đồng dân doanh kỳ vọng như thế nào đối với các cơ quan chính quyền, cụ thể là các Sở, ban, ngành, chính quyền cấp địa phương trong công tác quản lý và điều hành kinh tế. DDCI cũng được xây dựng trên cơ sở vai trò, nhiệm vụ và chức năng quản lý của các Sở, ban, ngành và các cơ quan chính quyền địa phương theo các quy định hiện hành của Việt Nam về tổ chức chính quyền cấp huyện và tỉnh, thành. Do vậy, chỉ số này được xây dựng nhằm thúc đẩy nhận thức và hành động nhằm cải thiện công tác và quản lý, điều hành kinh tế tại thành phố, với mục đích mang lại lợi ích tốt nhất cho cộng đồng dân doanh và các nhà đầu tư.

Phát triển bền vững và bao trùm

Các yếu tố về phát triển bền vững, bao trùm cũng được xây dựng và lồng ghép bổ sung trong phương pháp luận DDCI về các vấn đề chuyển đổi số, xã hội, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các giá trị văn hóa, lịch sử truyền thống. Bằng cách đó, DDCI sẽ khuyến khích các hoạt động điều hành kinh tế tại Hải Phòng chú ý và quan tâm đúng mức tới các vấn đề này, đảm bảo rằng các cơ quan ở cấp thành phố cũng như các quận, huyện sẽ có hành động cụ thể để đảm bảo hài hòa các vấn đề về kinh tế, xã hội và môi trường trong phát triển kinh tế. Điều này được thể hiện qua sự đồng tình của phần lớn các DN, HTX, HKD về việc các cơ quan chính quyền đã chú trọng các vấn đề trên trong quá trình quản lý, điều hành kinh tế và tin tưởng cao về khả năng ứng dụng CNTT của các cơ quan trong quá trình chuyển đổi số.

Tác động của dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 tác động sâu rộng đến toàn bộ nền kinh tế của cả nước nói chung và Hải Phòng nói riêng. Ngay khi có những ca nhiễm xuất hiện, cả hệ thống chính quyền thành phố đã vào cuộc quyết liệt để phòng chống dịch, nhiều biện pháp đã được đưa ra nhằm giảm nguy cơ lây lan dịch bệnh đồng thời đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn. Khảo sát DDCI 2020 của Hải Phòng cũng diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh do đó đã có sự điều chỉnh, bổ sung nhằm nhanh chóng nắm bắt thực tế ảnh hưởng của dịch bệnh gây ra. Trong khảo sát DDCI của Hải Phòng đã đánh giá tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của cộng đồng dân doanh cũng như cảm nhận của các DN, HTX, HKD về sự hỗ trợ của chính quyền tại thành phố. Kết quả cho thấy tác động tiêu cực của dịch Covid-19 lên đa số các cơ sở và các lĩnh vực kinh tế. Qua phản ánh của các DN, HTX, HKD, các chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh được đánh giá đã có hiệu quả song mức độ tiếp cận còn hạn chế và chưa đạt kì vọng của cộng đồng dân doanh.

Tính năng động và tiên phong

Trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng có 2 chỉ số thành phần là tính năng động và hiệu lực của cơ quan chính quyền và vai trò của người đứng đầu nhằm đánh giá hiệu quả thực thi, sự năng động, sáng tạo trong quá trình triển khai các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề cho cộng đồng dân doanh. DDCI Hải Phòng 2020 cũng nhấn mạnh vào một số vấn đề đang được Hải Phòng và nhiều địa phương quan tâm như hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi giải quyết/chủ trương và việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các cơ quan. Kết quả khảo sát cho thấy các DN, HTX, HKD nhận định các hiện tượng trên không quá phổ biến ở các cơ quan.

Ứng dụng CNTT trong quá trình triển khai DDCI

Việc ứng dụng công nghệ thông tin và Internet cho việc triển khai DDCI cũng được tăng cường nhằm đảm bảo tính chính xác, nhanh chóng, khả năng khai thác dữ liệu DDCI thuận tiện và giảm dần chi phí triển khai. Trên kinh nghiệm và thực tiễn triển khai DDCI của các tỉnh khác, DDCI Hải Phòng tiếp tục được nâng cấp và cải thiện phương pháp luận cũng như cách thức triển khai DDCI với mục tiêu đảm bảo DDCI phản ánh chính xác hơn, kịp thời hơn, toàn diện hơn các mặt quản lý, điều hành kinh tế tại các Sở, ban, ngành và các địa phương. Phương pháp luận được cải tiến cũng cho phép sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai DDCI, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho việc triển khai, thực hiện, khai thác và sử dụng kết quả DDCI, phục vụ cho công tác điều hành, lập kế hoạch cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của Sở, ban, ngành, các địa phương, qua đó nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Mặc dù năm đầu tiên triển khai nhưng Hải Phòng đã thực hiện khảo sát trực tuyến với sự tham gia của nhiều DN, HTX, HKD. Khảo sát trực tuyến cho phép triển khai Kế hoạch DDCI một cách nhanh chóng, thuận tiện đặc biệt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp. Bằng các ứng dụng này, toàn bộ quá trình thực hiện DDCI có thể được thực hiện trên nền tảng điện toán đám mây và trên nền tảng Internet, bao gồm từ quá trình điều tra, xử lý số liệu, hiển thị kết quả và sử dụng kết quả phục vụ cho công tác quản lý, điều hành kinh tế tại Hải Phòng. Đồng thời, công nghệ tiên tiến này cũng cho phép thành phố tham gia nắm bắt được kết quả về đánh giá chất lượng công tác điều hành trên mọi mặt một cách gần như tức thời sau khi hoạt động điều tra, khảo sát được hoàn thành.

1.2. Chỉ số thành phần và các chỉ tiêu

1.2.1. Hệ thống chỉ số thành phần và các chỉ tiêu trong DDCI

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các Sở, ban, ngành có sự khác biệt rất lớn so với các cơ quan chính quyền cấp địa phương. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương cũng rất khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các Sở, ban, ngành là doanh nghiệp (và một phần nhỏ là các HTX, HKD) thì các địa phương, đối tượng phục vụ chính lại là HKD (và một phần là với các DN, HTX). Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, DDCI được xây dựng gồm hai bộ chỉ số: (i) bộ chỉ số DDCI đối với cấp Sở, ban, ngành và (ii) bộ chỉ số DDCI cấp địa phương. Các chỉ số thành phần này có tính phổ quát chung và phù hợp với tất cả các đơn vị và do vậy là thang điểm chung với tất cả các đối tượng trong từng nhóm cơ quan chính quyền được đánh giá. Những chỉ số này được mô tả tóm tắt dưới đây:

- (1) *Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép*: Chỉ số này liên quan đến tất cả các thủ tục mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường...
- (2) *Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin*: Chỉ số này đánh giá khả năng và sự dễ dàng khi DN, HTX, HKD có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.
- (3) *Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật*: Chi phí này đo lường thời gian mà các DN, HTX, HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể được đo lường bằng thời gian hay số lần đi lại cho việc tìm hiểu quy định, thủ tục, chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện TTHC hoặc quy định của pháp luật, hoặc bằng thời gian DN phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra bởi các cơ quan quản lý.
- (4) *Chi phí không chính thức*: Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các DN, HTX, HKD phải bỏ ra khi thực hiện các TTHC, khi

thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.

- (5) *Tính năng động và hiệu lực của các cơ quan chính quyền*: Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND thành phố và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các DN, HTX, HKD.
- (6) *Cạnh tranh bình đẳng*: Chỉ số thành phần này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh khi gia nhập thị trường, khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất kinh doanh, khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ. Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu, theo quy mô của cơ sở sản xuất kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa DNNN với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa DN, HTX, HKD lớn với DN, HTX, HKD nhỏ, giữa DN, HTX, HKD với DN, HTX, HKD “thân hữu” với chính quyền, giữa HKD với DN, HTX).
- (7) *Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh*: Nội dung chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở kinh tế phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các DN, HTX, HKD.
- (8) *Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lý*: Chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả của các cơ quan chính quyền trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách (một nội dung quan trọng của thể chế) và cơ chế xử lý các khiếu nại, tố cáo từ phía cộng đồng dân doanh và các nhà đầu tư liên quan tới quá trình thực thi các quy định pháp luật.
Ngoài ra, riêng với DDCI cấp địa phương chỉ số này còn đánh giá thêm khía cạnh “*an ninh trật tự*” trong việc đảm bảo an ninh trật tự đảm bảo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây nhiễu, phiền hà cho các DN, HTX, HKD hoạt động trên địa bàn từ góc độ an ninh, trật tự.
- (9) *Vai trò của người đứng đầu*: Nội dung chỉ số thành phần này tập trung vào đo lường tính năng động, sáng tạo của cán bộ lãnh đạo trong quá trình điều hành và triển khai, thực thi chính sách, pháp luật cũng như việc tích cực tham gia vào các hoạt động đối thoại, hỗ trợ giải quyết các vướng mắc cho các DN, HTX, HKD.
- (10) *“Tiếp cận đất đai”*: Chỉ số này chỉ áp dụng đối với DDCI địa phương (quận, huyện). Chỉ số này chỉ đo lường mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và tính minh bạch, hiệu quả của cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại các quận, huyện trên địa bàn thành phố.

Các chỉ số thành phần của DDCI

DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp Sở, ban, ngành bao gồm 9 chỉ số cốt lõi như sau:

1. Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép*
2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin
3. Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành
4. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật
5. Chi phí không chính thức.
6. Cạnh tranh bình đẳng
7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lý
9. Vai trò của người đứng đầu Sở, ban, ngành

DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

Chỉ số thành phần của DDCI được sử dụng nhằm đánh giá năng lực điều hành của cấp địa phương gồm 10 chỉ số cốt lõi như sau:

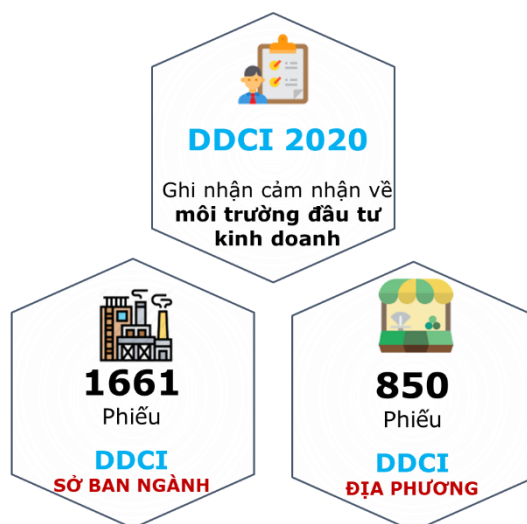
1. Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép**
2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin
3. Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương
4. Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật
5. Chi phí không chính thức
6. Cạnh tranh bình đẳng
7. Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh
8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự
9. Vai trò của người đứng đầu ở địa phương
10. Tiếp cận đất đai

*, **: Trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng, chỉ số “gia nhập thị trường và cấp phép” được hiểu là chỉ số liên quan đến tất cả các thủ tục mà các cơ sở kinh tế phải thực hiện để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động. Cách tiếp cận này phù hợp với xu thế chung và được sử dụng nhiều trong các phương pháp đánh giá như chỉ số “khởi sự kinh doanh” trong báo cáo Doing business của World Bank, chỉ số “gia nhập thị trường” trong báo cáo PCI của VCCI, chỉ số “khởi sự doanh nghiệp” trong báo cáo APCI của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

1.2.2. Đặc điểm của mẫu khảo sát DDCI 2020

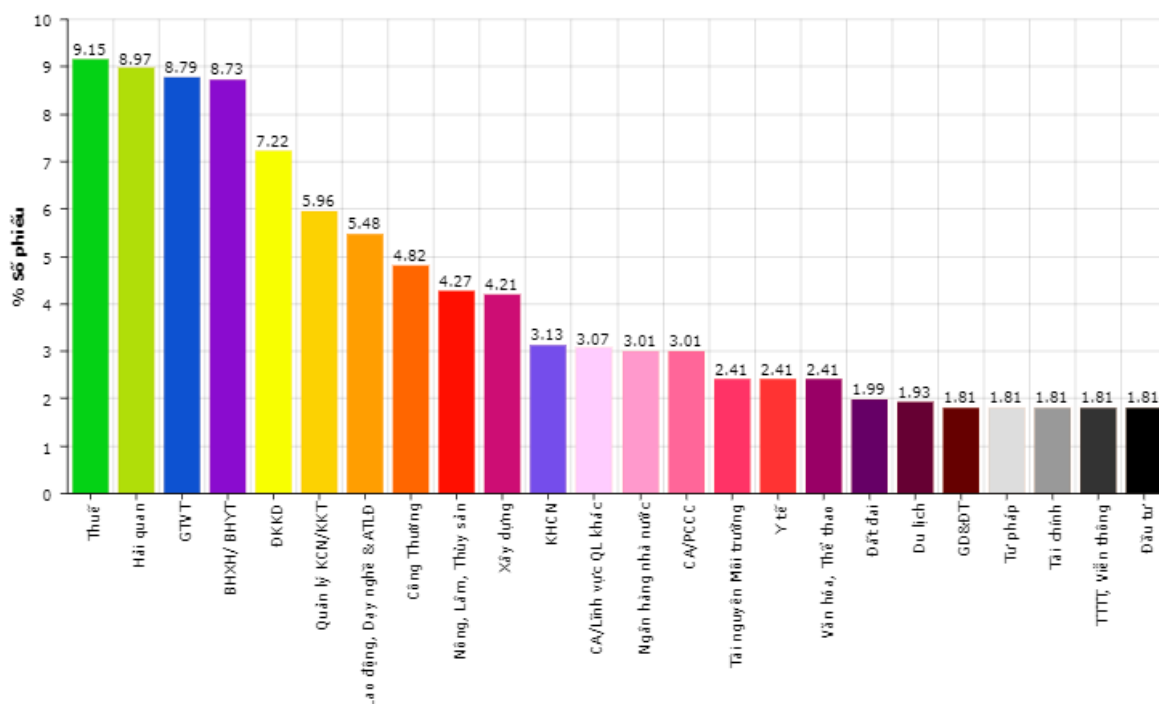
Báo cáo DDCI Hải Phòng năm 2020 là kết quả điều tra năm đầu tiên tại thành phố, đã ghi nhận sự tham gia của 2.511 DN, HTX, HKD với 1.661 mẫu cấp Sở, ban, ngành và 850 mẫu cấp địa phương. Các DN, HTX, HKD được lựa chọn điều tra theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhằm đảm bảo tính đại diện của mẫu điều tra. Trong báo cáo này, các dữ liệu nếu không chú thích gì thêm sẽ được hiểu lấy từ kết quả của DN, HTX, HKD tham gia cuộc khảo sát DDCI Hải Phòng 2020, không phải số liệu thứ cấp thống kê toàn bộ tại địa phương. Tuy nhiên, với phương pháp chọn mẫu khoa học và đảm bảo nguyên tắc thống kê, kết quả DDCI Hải Phòng vẫn phản ánh tiếng nói chung cho cộng đồng DN, HTX, HKD trên địa bàn thành phố về chất lượng điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành và địa phương.

DDCI Hải Phòng 2020 được phối hợp thực hiện bởi UBND thành phố Hải Phòng - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố chủ trì, Cục Thống kê thành phố thực hiện điều tra khảo sát và Economica Vietnam là đơn vị tư vấn chuẩn bị các công tác chuẩn bị, xử lý số liệu, phân tích, xếp hạng và viết báo cáo.



○ MẪU KHẢO SÁT DDCI SỞ, BAN, NGÀNH

Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ số phiếu trong mẫu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2020



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Cùng với khảo sát các HKD về chất lượng điều hành kinh tế của chính quyền địa phương, DDCI Hải Phòng cũng tiến hành khảo sát với các DN/HTX trong thành phố về chất lượng điều hành của các Sở, ban, ngành. Đối tượng trả lời phiếu DDCI cấp Sở, ban, ngành chủ yếu là DN và HTX. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu Sở, ban, ngành khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với Sở, ban, ngành. Trong DDCI Sở, ban, ngành, báo cáo sẽ sử dụng thống nhất thuật ngữ “DN/HTX” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI Sở, ban, ngành.

Các DN/HTX được lựa chọn để đánh giá những lĩnh vực mà họ đã từng làm việc hoặc có đủ hiểu biết về các Sở, ban, ngành thông qua 24 mẫu phiếu đánh giá 24 lĩnh vực của 21 Sở, ban, ngành¹. Mẫu khảo sát sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỷ lệ DN/HTX có tương tác với Sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các Sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó), đối với một số Sở, ban, ngành có ít DN/HTX tương tác, danh sách mẫu sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu gần như toàn bộ danh sách mà Sở, ban, ngành cung cấp cũng như bổ sung thêm dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về Sở, ban, ngành đó. Đồng thời, nhằm cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các Sở, ban, ngành, mẫu khảo sát cũng điều chỉnh số lượng mẫu đối với các Sở, ban, ngành có số lượng DN/HTX tương tác lớn (Thuế, Bảo hiểm xã hội, Hải quan...). Số lượng DN/HTX tham gia khảo sát năm 2020 là 1.661 cơ sở, trong đó, DN chiếm chủ yếu với tỷ lệ 94,28%, còn lại 5,72% là HTX và HKD.

Phân theo giới tính, DN/HTX tham gia khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 cũng có phần lớn là do nam giới làm chủ, chiếm khoảng 68% gấp khoảng 2 lần so với tỷ lệ 32% DN/HTX do nữ giới làm chủ. Về thời gian thành lập, tỷ lệ DN/HTX đăng ký kinh doanh mới dưới 2 năm chiếm 15,7% DN/HTX khảo sát, cách đây 2-5 năm là 25,12%, cách đây 6-10 năm là 23,79%, cách đây 11-15 năm là

¹ Sau quá trình rà soát quần thể mẫu các DN/HTX/HKD thực hiện thủ tục hành chính và sử dụng dịch vụ công tại các sở, ban, ngành, số lượng DN/HTX/HKD thực hiện TTHC tại hai đơn vị Sở Ngoại vụ và Thanh tra thành phố là không đáng kể, chưa đủ ý nghĩa thống kê về mặt khoa học nên chưa đủ cơ sở để đưa vào đánh giá và xếp hạng.

18,0%, cách đây trên 15 năm là 17,39%. Ngoài ra, phần lớn các DN/HTX đều được đăng kí thành lập mới hoàn toàn và chỉ có 2,84% DN/HTX được chuyển đổi từ HKD cá thể/tổ hợp tác.

Theo lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh, DN/HTX tham gia khảo sát chủ yếu hoạt động ở lĩnh vực thương mại - dịch vụ (66,62%), tỉ lệ DN/HTX ở lĩnh vực công nghiệp - xây dựng là 30,48% và còn lại 2,90% DN/HTX hoạt động ở lĩnh vực nông/lâm nghiệp/thủy sản.

DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

DDCI Sở, ban, ngành sẽ tập trung đánh giá các **Sở, ban, ngành và cơ quan cấp thành phố** chính như sau:

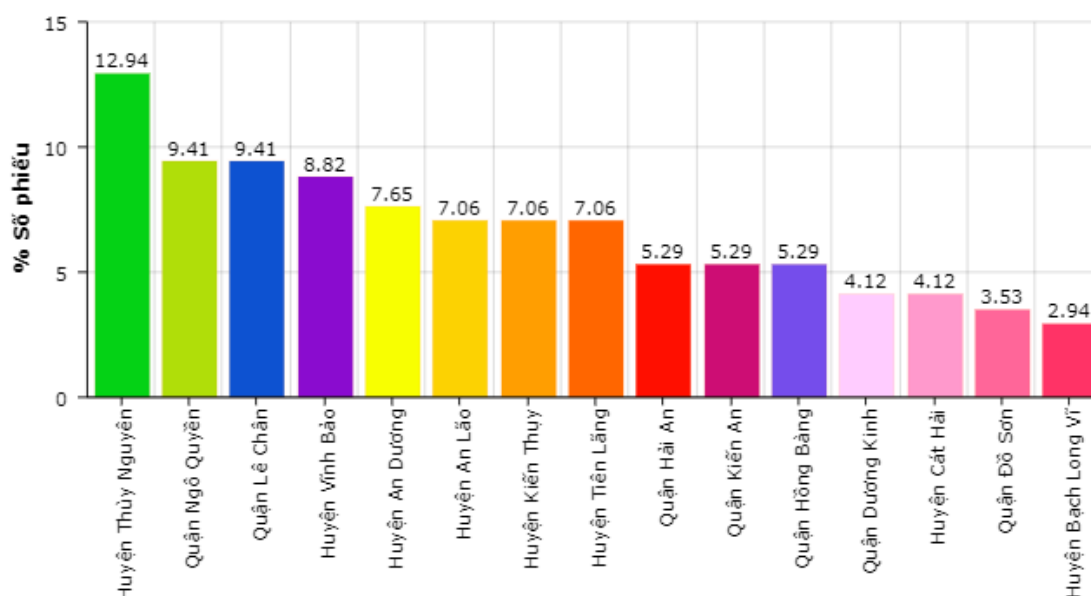
1. Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Sở Xây dựng
3. Công an thành phố
4. Sở Tài nguyên và Môi trường
5. Cục Thuế thành phố
6. Cục Hải quan thành phố
7. Sở Giao thông Vận tải
8. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
9. Bảo hiểm Xã hội thành phố
10. Sở Công Thương
11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
12. Sở Y Tế
13. Sở Giáo dục và Đào tạo
14. Sở Khoa học và Công nghệ
15. Sở Văn hóa và Thể thao
16. Sở Thông tin và Truyền thông
17. Sở Tư pháp
18. Sở Du lịch
19. BQL Khu kinh tế Hải Phòng
20. Sở Tài chính
21. Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng

Thông qua điều tra DDCI, có thể dễ dàng chẩn đoán được về chất lượng điều hành trong các **lĩnh vực cụ thể** như sau:

1. Đăng ký kinh doanh
2. Đầu tư
3. Xây dựng
4. CA/Phòng cháy chữa cháy
5. CA/Lĩnh vực quản lý khác ngoài phòng cháy chữa cháy
6. Đất đai
7. Tài nguyên môi trường
8. Thuế
9. Hải quan
10. Giao thông, vận tải
11. Lao động, dạy nghề và an toàn lao động
12. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế
13. Công nghiệp, thương mại
14. Nông, lâm nghiệp, thủy sản
15. Y tế
16. Giáo dục, Đào tạo
17. Khoa học, công nghệ.
18. Văn hóa, thể thao
19. Thông tin, truyền thông, viễn thông
20. Tư pháp
21. Du lịch
22. Quản lý các khu công nghiệp
23. Tài chính
24. Ngân hàng, tín dụng

○ **MẪU KHẢO SÁT DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG**

Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ HKD trong mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2020



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Đối tượng trả lời phiếu DDCI cấp địa phương chủ yếu là các HKD. Ngoài ra, các HTX hoặc DN có đăng ký hoặc hoạt động ở quận, huyện và có tương tác với chính quyền cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên năm 2020, sau khi rà soát danh sách các đối tượng tương tác và thực hiện TTHC ở các địa phương, số lượng DN/HTX có tương tác với chính quyền địa phương khá thấp nên năm 2020 đối tượng khảo sát DDCI cấp địa phương vẫn chủ yếu là HKD. Do đó, trong DDCI địa phương, báo cáo sẽ sử dụng thống nhất thuật ngữ “HKD” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp địa phương.

Phương pháp chọn mẫu khảo sát của DDCI cấp địa phương cũng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm HKD theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ này được tính toán dựa trên tỷ lệ số HKD ở địa phương đó trên tổng số HKD của thành phố. Với các địa phương có số lượng HKD hạn chế, mẫu HKD sẽ được điều chỉnh nhằm đảm bảo số lượng mẫu tối thiểu về mặt thống kê và cân đối với các địa phương có số lượng HKD lớn.

DDCI cấp địa phương năm 2020 đã khảo sát 850 HKD từ 15 quận, huyện của thành phố. Trong đó, 65,8% HKD do nam giới làm chủ còn lại 34,2% là tỷ lệ HKD do nữ làm chủ. Về thời gian đăng ký hoạt động, các HKD đăng ký kinh doanh mới trong 2 năm gần đây là 7,14%, từ 2-5 năm chiếm 26,79%, từ 6-10 năm là 23,1% và trên 10 năm là 27,17%, tuy vậy vẫn còn khoảng 15,12% HKD cho biết họ không đăng ký kinh doanh.

Xét theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm tỷ lệ lớn trong mẫu điều tra là các hộ kinh doanh trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ chiếm tới 77,38%, tiếp theo là các HKD trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng chiếm 14,64%. Còn lại là các HKD hoạt động trong lĩnh vực nông/lâm nghiệp/thủy sản chiếm tỷ lệ thấp hơn với 7,98%.



02

**CẢM NHẬN CHUNG VỀ
MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ,
KINH DOANH**

CHƯƠNG 2. CẢM NHẬN CHUNG VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH



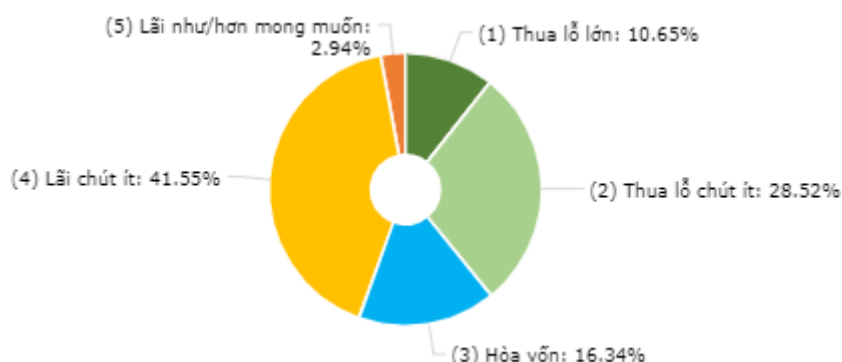
Ngoài việc xây dựng bộ chỉ số đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế của các đơn vị, kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 còn đưa ra bức tranh khái quát về môi trường đầu tư, kinh doanh và triển vọng kinh doanh của 1.661 DN/HTX trong phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành và 850 HKD trong phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Chương 2 này của báo cáo sẽ tập trung phân tích những khía cạnh trên.

2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp Sở, ban, ngành

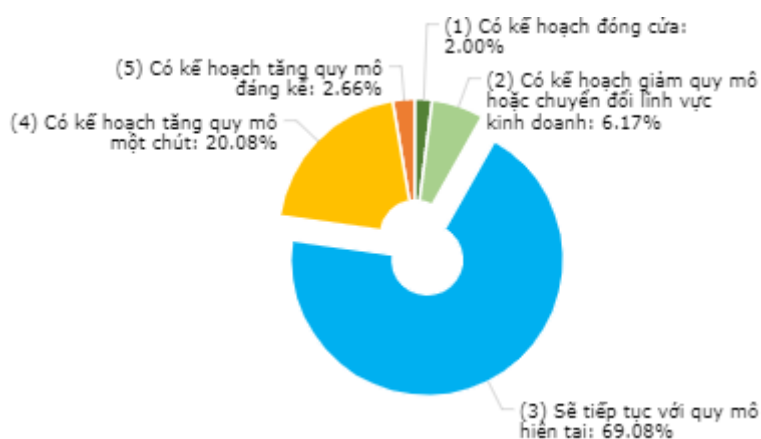
Tiếp tục khẳng định vị trí và vai trò quan trọng của mình đối với nền kinh tế tại thành phố Hải Phòng trong những năm qua, cộng đồng DN, HTX tại thành phố đã không ngừng phát triển. Thông qua khảo sát 1.661 DN/HTX trên địa bàn, DDCI Hải Phòng cũng khắc họa một phần môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố qua cảm nhận của các DN/HTX, góp phần đưa ra những dự báo kinh tế trong thời gian tới.

Biểu đồ 2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh của DN/HTX qua DDCI cấp Sở, ban, ngành

Tình hình kinh doanh



Triển vọng kinh doanh



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Một năm sản xuất kinh doanh đối mặt với nhiều khó khăn đã khiến tình hình sản xuất kinh doanh của DN/HTX trên địa bàn thành phố có phần ảm đạm khi chỉ có 44,49% DN/HTX có lãi. Cụ thể, 41,55% DN/HTX cho biết họ có lãi chút ít và chỉ 2,94% DN/HTX có lãi như/hơn mong muốn. Tỷ lệ DN/HTX kinh doanh ở mức hòa vốn là 16,34%. Tỷ lệ thua lỗ cũng ở mức cao với 39,17%, trong đó tỷ lệ DN/HTX thua lỗ lớn là 10,65% và thua lỗ chút ít là 28,52%.

Dữ liệu DDCI 2020 cho thấy dưới áp lực duy trì hoạt động bình thường trong diễn biến dịch bệnh phức tạp cũng như những yếu tố rủi ro khác, phần lớn (69,08%) các DN/HTX khảo sát vẫn thận trọng khi tiếp tục hoạt động với quy mô hiện tại. Mặc dù vậy những tín hiệu khả quan về triển vọng kinh doanh trong vòng 1-2 năm tới vẫn được truyền đi khi có 22,74% DN/HTX dự định mở rộng quy mô kinh doanh. Trong đó có 20,08% DN/HTX có dự định sẽ tăng quy mô lên một chút và 2,66% sẽ tăng lên đáng kể. Tỷ lệ DN/HTX phải giảm quy mô hoặc đóng cửa 8,17% với 6,17% DN/HTX sẽ giảm nhẹ quy mô và 2% sẽ có dự định đóng cửa. Tổng kết lại một năm 2020 vừa qua, có thể thấy các DN/HTX đang dần phải thích nghi và tìm cho mình sự thay đổi thích hợp với bối cảnh mới - một bối cảnh nhiều bất định để tồn tại và phát triển.

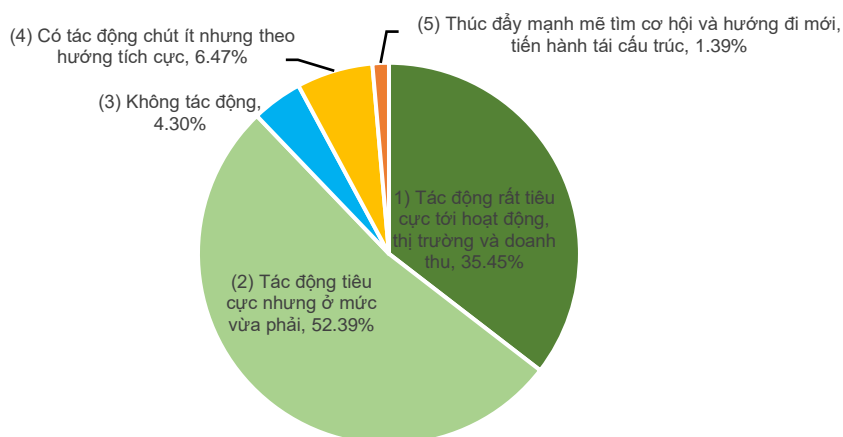
Nhận định chung về môi trường đầu tư, kinh doanh, theo đại diện của các DN/HTX trong khảo sát thì chất lượng quản lý và điều hành kinh tế của các cơ quan cấp Sở, ban, ngành tại thành phố đã có cải thiện (chiếm 90,21% số lượng người trả lời). Ngoài ra, phần lớn các DN/HTX tham gia khảo

sát DDCI cho biết các Sở, ban, ngành, chính quyền đã chú ý tới các vấn đề về xã hội, môi trường sinh thái và các giá trị văn hóa truyền thống với tỉ lệ đồng thuận cao khoảng 98%.

Tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh

Bối cảnh kinh doanh tại thành phố đã thay đổi theo chiều hướng tiêu cực hơn trước tác động nghiêm trọng của đại dịch Covid-19 đến hầu hết các DN/HTX ở tất cả các quy mô, đặt các DN/HTX dưới nhiều thách thức và áp lực duy trì hoạt động bình thường. Kết quả khảo sát cho thấy gần 88% DN/HTX cho biết họ bị ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch bệnh. Đặc biệt có 35,45% DN/HTX chịu thiệt hại lớn từ dịch bệnh và 52,39% bị thiệt hại ở mức vừa phải, chỉ có 4,3% DN/HTX không bị tác động bởi dịch bệnh. Tuy nhiên, cũng giống như khu vực HKD, một số DN/HTX cũng chuyển những thách thức này thành cơ hội khi có 7,86% DN/HTX tham gia trả lời nhận được tác động tích cực từ dịch bệnh và có hướng đi mới trong sản xuất kinh doanh. Việc tìm ra những cơ hội mới, ứng phó kịp thời và hiệu quả trong bối cảnh khó khăn chung của các DN/HTX cho thấy sự nỗ lực, năng động và sáng tạo của khu vực này trong việc thích ứng và phục hồi kinh tế. Qua đó, một lần nữa cũng nhấn mạnh các biện pháp kịp thời và hỗ trợ của chính quyền thành phố cho các DN/HTX trong và hậu Covid-19 sẽ giữ vai trò lực đẩy trong thời gian tới.

Biểu đồ 2.2. Tác động dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh của DN/HTX



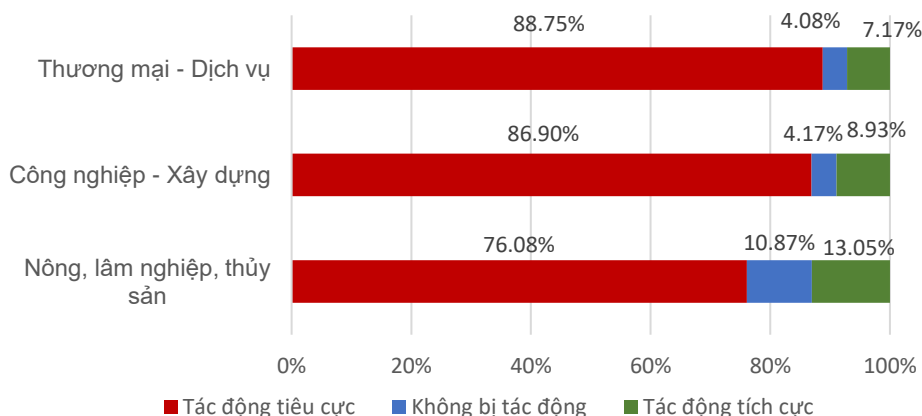
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động

Khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành đối với các DN/HTX trên địa bàn thành phố có những nét tương đồng về mức độ chịu tác động của 3 nhóm lĩnh vực chính như khảo sát với các HKD. Trong số các nhóm doanh nghiệp, đối tượng chịu ảnh hưởng tiêu cực lớn nhất là các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực thương mại - dịch vụ với tỉ lệ 88,75%, tiếp theo là các DN/HTX ở lĩnh vực công nghiệp - xây dựng với 86,9%, tỉ lệ này ở lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản thấp hơn một chút là 76,08%. Dịch Covid-19 cũng tạo ra nhiều cơ hội mới với tác động tích cực như 13,05% DN/HTX ở lĩnh vực lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản cho biết. Mức độ tác động tích cực lên các DN/HTX ở lĩnh vực công nghiệp - xây dựng cao thứ hai với 8,93% và ít có tác động tích cực là nhóm các DN/HTX ở thương mại, dịch vụ với 7,17%. Khảo sát cũng chỉ ra rằng tỉ lệ rất thấp các DN/HTX không chịu tác động từ dịch Covid-19 ở 3 nhóm ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ - thương mại lần lượt là 10,87%, 4,17%, 4,08%. Qua khảo sát, DN/HTX cho biết gián đoạn, ngưng trệ hoạt động, thậm chí dừng hoạt động do tình hình dịch và đứng trước bờ vực phá sản là những khó khăn trong năm qua họ đã phải đối mặt, đặc biệt là các DN/HTX trong lĩnh vực dịch vụ như du lịch, lưu trú. Do đó, việc đưa ra các giải pháp phù hợp để hỗ trợ doanh

ng nghiệp cũng là một trong những trọng tâm cần thực hiện để giúp nền kinh tế phục hồi như mong đợi, nhất là tháo gỡ các nút thắt về thủ tục hành chính để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và thúc đẩy các doanh nghiệp khởi nghiệp.

Biểu đồ 2.3. Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động của DN/HTX



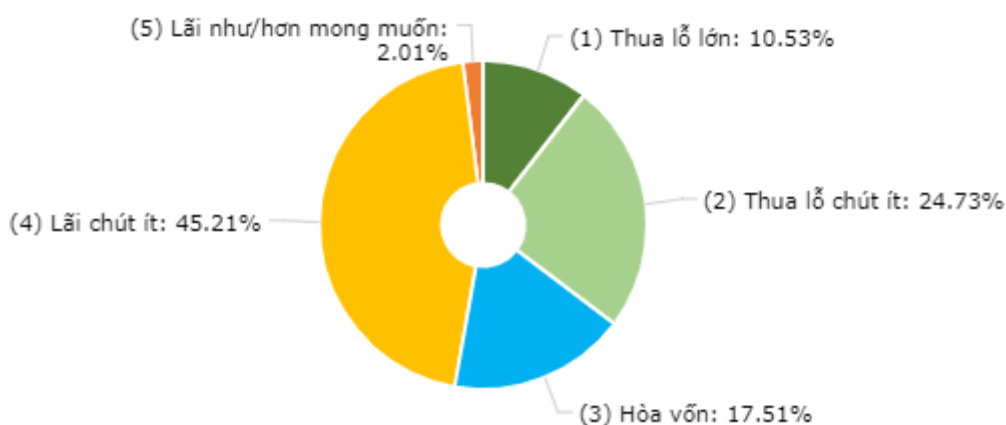
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

2.2. Tình hình và triển vọng kinh doanh nhìn từ DDCI cấp địa phương

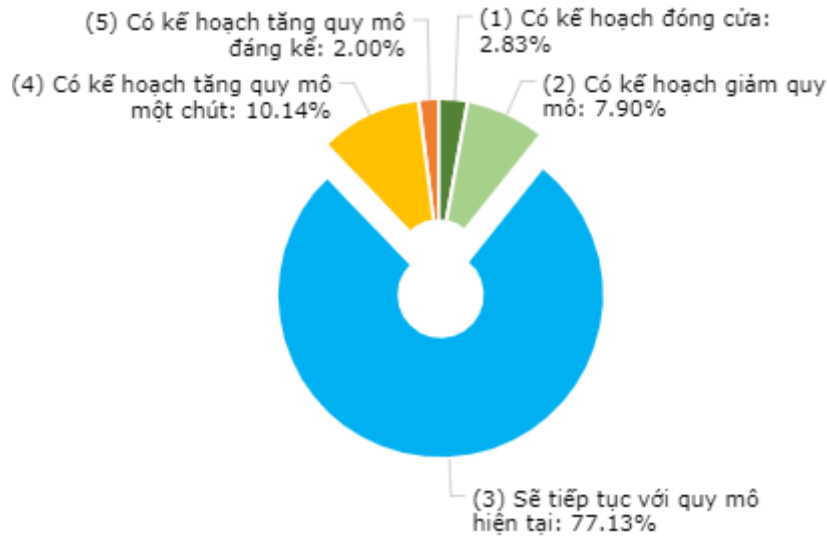
Trong nhiều năm qua, phát triển khu vực kinh tế tư nhân là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ cũng như thành phố Hải Phòng. Đặc biệt, khu vực này cũng đang là yếu tố quan trọng không những trong tăng trưởng kinh tế, mà còn giải quyết các vấn đề khác hiệu quả như tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, nhóm người yếu thế. Khảo sát DDCI cấp địa phương đã phần nào cung cấp một bức tranh tương đối tổng thể về thực trạng hoạt động của các HKD tại thành phố trong một năm với nhiều biến động.

Biểu đồ 2.4. Tình hình và triển vọng sản xuất kinh doanh của các HKD trong DDCI cấp địa phương năm 2020

Tình hình sản xuất kinh doanh



Triển vọng kinh doanh



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Trải qua một năm với nhiều biến động lớn từ thiên tai, dịch bệnh (đại dịch Covid-19) đã ảnh hưởng không nhỏ tới phần lớn các HKD, nhìn chung hiệu quả sản xuất kinh doanh chủ yếu vẫn có lãi. Cụ thể, 45,21% các HKD cho biết có lãi chút ít và chỉ 2,01% báo có lãi như mong muốn. Trong khi đó, có 24,73% HKD thua lỗ trong năm qua, đặc biệt có 10,53% HKD có mức thua lỗ lớn và chỉ có 17,51% HKD ở mức hòa vốn. Kết quả này cho thấy các HKD đã trải qua một năm với đầy những khó khăn khi chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh cũng như các yếu tố thời tiết, thiên tai.

Dưới tác động lớn của dịch Covid-19, triển vọng sản xuất kinh doanh trong vòng 1-2 năm tới của các HKD tham gia khảo sát nhìn chung vẫn khá thận trọng. Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 ghi nhận 10,73% HKD sẽ phải cắt giảm quy mô hoặc đóng cửa do áp lực kinh doanh lớn. Trong khi đó, có 77,13% HKD còn “dè dặt” và an toàn tiếp tục kinh doanh với quy mô như hiện tại nhưng cũng có 10,14% HKD tự tin mở rộng quy mô trong năm sau và 2% HKD mạnh dạn chuyển đổi sang mô hình DN. Đây là những tín hiệu tích cực hiếm hoi nhưng rất ý nghĩa trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, cho thấy nỗ lực “vượt khó” của các HKD trong năm qua, niềm tin kinh doanh và khả năng phục hồi tiếp tục được duy trì trong thời gian tới.

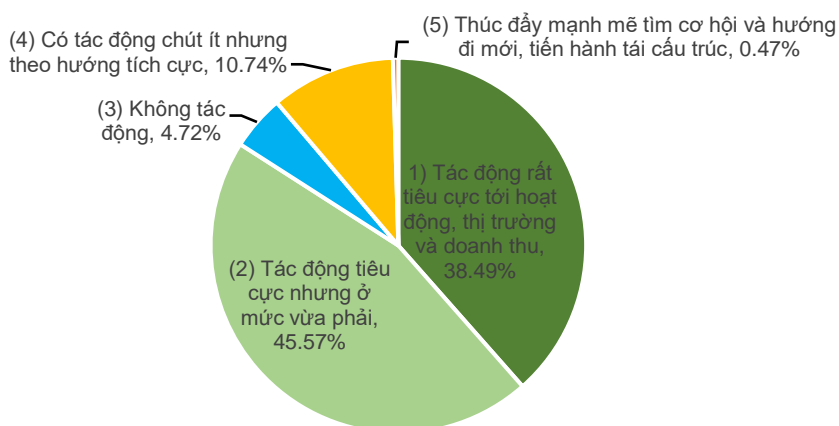
Kết quả khảo sát DDCI cấp địa phương cũng ghi nhận có 89,95% HKD đánh giá chất lượng hoạt động quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền đã có cải thiện, chỉ có 7,45% HKD cho rằng không có cải thiện. Bên cạnh đó, đa số các HKD cũng đồng ý rằng chính quyền địa phương đã chú trọng đến các yếu tố vấn đề xã hội như bình đẳng giới, nhóm người yếu thế, phát triển bền vững, bao trùm và đảm bảo cân bằng các yếu tố môi trường, sinh thái, các giá trị văn hóa, truyền thống trong quá trình điều hành của mình. Điều này cho thấy những nỗ lực của các cơ quan chính quyền địa phương trong thời gian qua đã được cộng đồng HKD ghi nhận và đánh giá tích cực.

Tác động của dịch Covid-19 tới hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2020 với sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19 đã tạo ra nhiều thách thức chưa từng có tới hoạt động sản xuất kinh doanh của cả nền kinh tế nói chung và khu vực HKD nói riêng. Theo kết quả khảo sát trong DDCI cấp địa phương 2020, báo cáo ghi nhận 84,06% hoạt động của các HKD chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19, cụ thể 45,57% cho biết chịu tác động ở mức vừa phải, 38,49% chịu tác động ở mức độ rất lớn, đặc biệt là trong lĩnh vực du lịch. Tuy vậy vẫn có 4,72% HKD duy trì hoạt động bình thường và nhận định không chịu ảnh hưởng trong bối cảnh dịch bệnh diễn biến phức tạp. Bên cạnh đó, kết quả khảo sát cũng chỉ ra rằng, không phải HKD nào cũng

chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh. Bên cạnh những khó khăn chung, 10,74% HKD nhận ra tác động tích cực và 0,47% tìm thấy những cơ hội, hướng đi mới sau thời gian qua.

Biểu đồ 2.5. Tác động của dịch Covid-19 đến các HKD

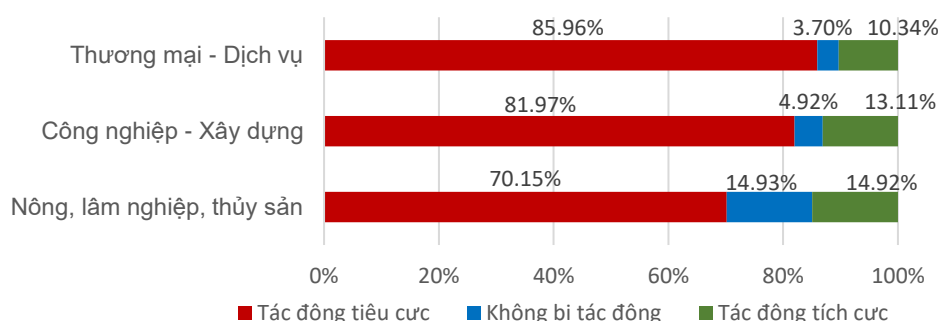


Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động

Trong ba lĩnh vực chính khảo sát DDCI cấp địa phương, với nhóm đối tượng kinh doanh chủ yếu là các HKD, kết quả khảo sát cũng ghi nhận được những tác động khác nhau ở các lĩnh vực. Cụ thể, xét về chịu tác động tiêu cực nặng nề nhất là các HKD thuộc nhóm lĩnh vực thương mại - dịch vụ với 85,96% tổng số HKD khảo sát, tiếp theo là lĩnh vực công nghiệp - xây dựng với tỉ lệ chịu tác động tiêu cực là 81,97%, các HKD trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản có tỉ lệ thấp hơn là 70,15%. Tỉ lệ các HKD không chịu tác động của dịch Covid-19 ở ba lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ lần lượt là 14,93%, 4,92% và 3,7%. Một số HKD đã chuyển cách thức thành cơ hội, thành công ở lĩnh vực nông, lâm nghiệp thủy sản là cao nhất với 14,93%, công nghiệp - xây dựng là 13,11% và thương mại - dịch vụ là 10,34%. Như vậy, có thể thấy nhóm các HKD ở lĩnh vực thương mại - dịch vụ là nhóm chịu tác động tiêu cực nhiều nhất, sau đó là nhóm công nghiệp - xây dựng và nhóm HKD thuộc nông, lâm nghiệp, thủy sản chịu tác động tiêu cực thấp hơn so với 2 nhóm trên. Kết quả này cũng phản ánh thực tế trong năm qua dịch Covid-19 đã gây ra nhiều áp lực với các nhóm kinh doanh thương mại - dịch vụ, đặc biệt là nhóm ngành du lịch, lưu trú.

Biểu đồ 2.6. Tác động của dịch Covid-19 theo lĩnh vực hoạt động



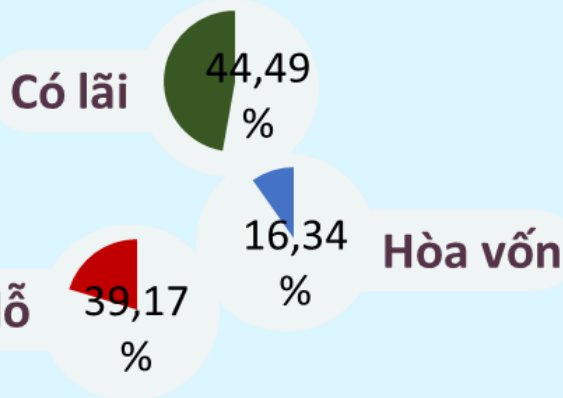
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

DDCI HẢI PHÒNG 2020

TÌNH HÌNH VÀ TRIỂN VỌNG KINH DOANH

DDCI SỞ, BAN, NGÀNH

→ Tình hình kinh doanh

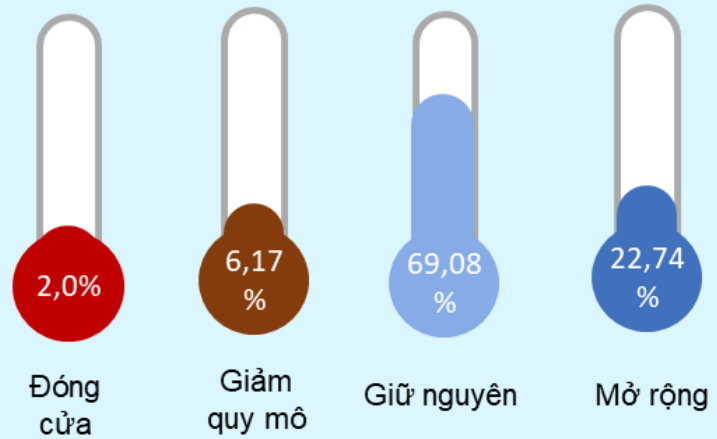


→ Chủ DN



Nữ: 32,0%
Nam: 68,0%

→ Triển vọng kinh doanh



87,84%

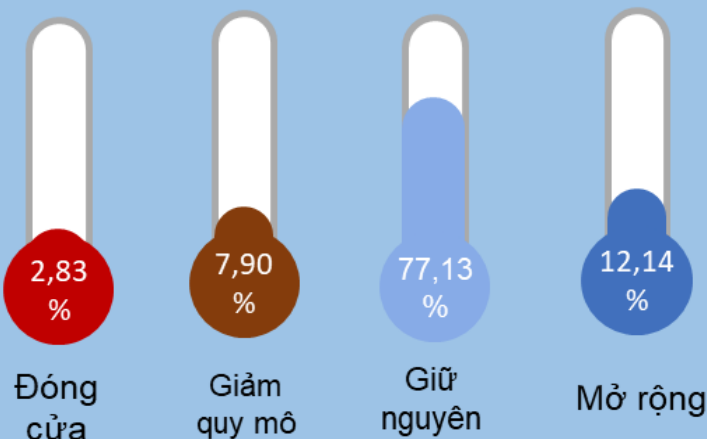
Chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19



DV-TM chịu tác động tiêu cực **cao nhất (88,75%)**

DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

→ Triển vọng kinh doanh



Tình hình kinh doanh



47,22%
Có lãi



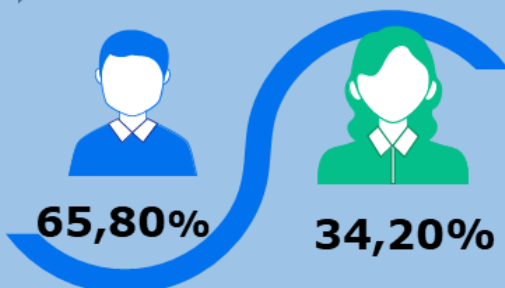
35,26%
Thua lỗ



84,06%

Chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19

→ Chủ HKD



DV-TM chịu tác động tiêu cực **cao nhất (85,96%)**



03

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP
SỞ, BAN, NGÀNH**

CHƯƠNG 3.

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH



3.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành

Song song với đánh giá và xếp hạng DDCI cấp địa phương, DDCI cấp Sở, ban, ngành được xây dựng nhằm đánh giá và chấm điểm theo chức năng quản lý nhà nước và dịch vụ công của từng Sở, ban, ngành cung cấp cho DN/HTX. DDCI không đánh giá toàn bộ các chức năng, nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành mà đánh giá theo lĩnh vực chính có liên quan trực tiếp tới DN/HTX. Cách này đem nhiều lợi thế về lựa chọn mẫu điều tra khảo sát, đánh giá Sở, ban, ngành toàn diện hơn đồng thời cũng có tính dự báo, sẵn sàng thích ứng với các thay đổi và cải cách có thể của bộ máy chính quyền thành phố đang diễn ra.

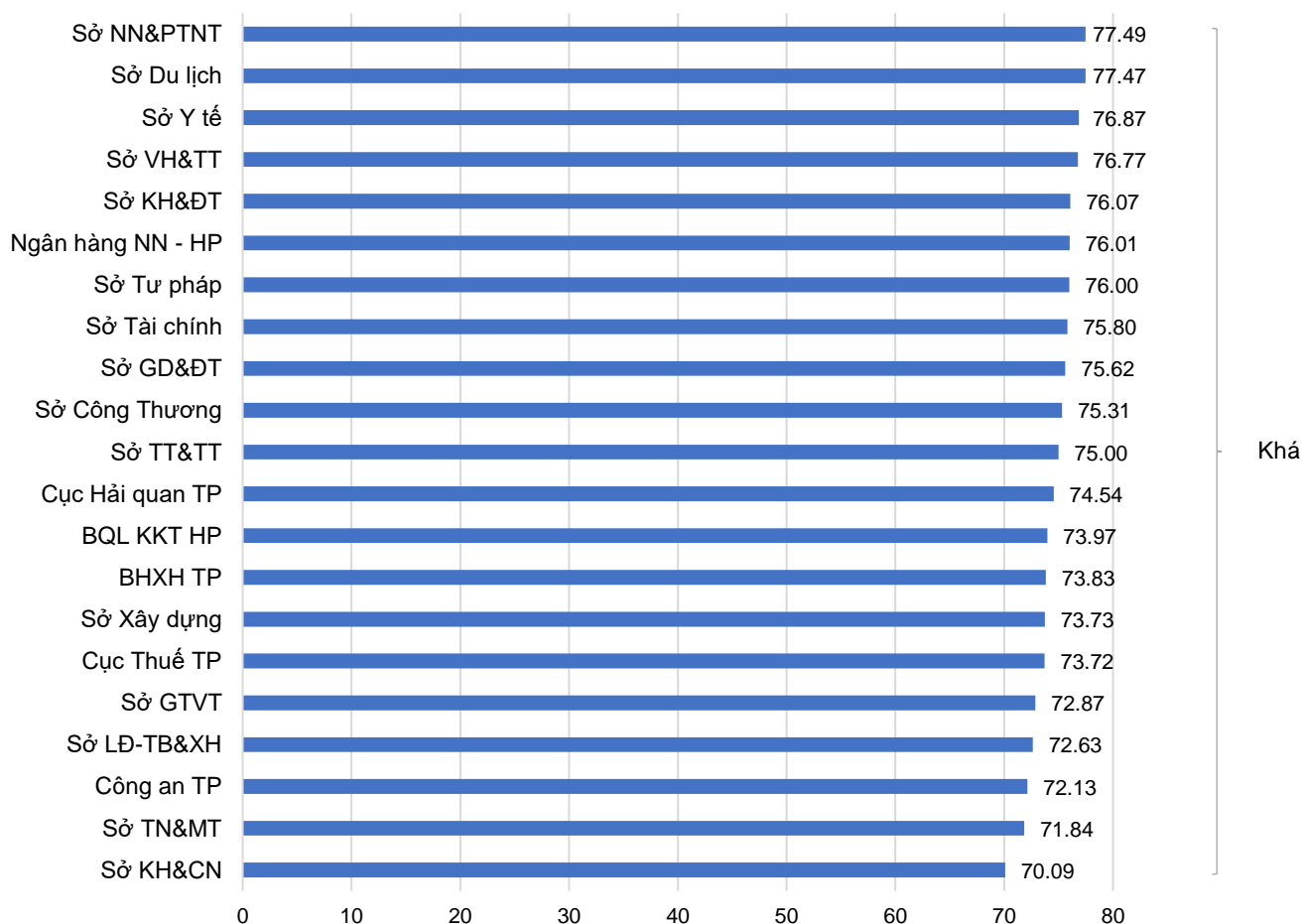
Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh Sở, ban, ngành tại Hải Phòng được tổng hợp từ điểm số của 9 chỉ số thành phần (CSTP). Điểm số của mỗi CSTP lại được tổng hợp từ hệ thống các chỉ tiêu. Điểm số của các CSTP và các chỉ tiêu cũng được chuẩn hóa trên thang điểm 10. Sau đó điểm số DDCI Sở, ban, ngành sẽ tiếp tục được quy chuẩn theo thang điểm 100 để thuận lợi cho việc xếp hạng cũng như thấy rõ được sự cạnh tranh của các Sở, ban, ngành được đánh giá. Biểu đồ 4.1 thể hiện điểm số và xếp hạng của các Sở, ban, ngành trên thang điểm 100.

Kết quả xếp hạng cho thấy Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đứng đầu xếp hạng DDCI Sở, ban, ngành 2020 với 77,49 điểm. Chỉ cách vị trí đứng đầu 0,02 điểm là Sở Du lịch với 77,47 điểm. Ngay tiếp sau đó là sự bám đuổi khá gay gắt của 5 Sở nằm trong biên độ điểm 76 điểm gồm: Sở Y tế đạt 76,87 điểm ở vị trí thứ 3, Sở Văn hóa và Thể thao với 76,77 điểm ở vị trí thứ 4, Sở Kế hoạch và Đầu tư đứng ở vị trí thứ 5 khi đạt 76,07 điểm, 76,01 điểm là điểm số của Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng ở vị trí thứ 6. Tiếp theo là các Sở, ban, ngành cạnh tranh ở mức điểm 75 điểm: Sở Tài chính (75,8 điểm), Sở Giáo dục và Đào tạo (75,62 điểm), Sở Công Thương (75,31 điểm) và Sở Thông tin và Truyền thông (75,0). Còn lại là các Sở, ban, ngành có mức điểm

thấp hơn trung vị: Cục Hải quan thành phố (74,54 điểm), Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng (73,97 điểm), Bảo hiểm xã hội thành phố (73,83 điểm), Sở Xây dựng (73,73 điểm), Cục Thuế thành phố (73,72 điểm), Sở Giao thông vận tải (72,87 điểm), Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (72,63 điểm), Công an thành phố (72,13 điểm) và Sở Tài nguyên và Môi trường (71,84 điểm). Sở Khoa học và Công nghệ đứng ở vị trí cuối khi chỉ đạt 70,09 điểm. Một điểm thú vị là chênh lệch điểm số giữa đơn vị đầu bảng và cuối bảng không quá lớn, chỉ cách nhau 7,4 điểm, giữa các Sở, ban, ngành phổ biến trong khoảng 0,01 điểm - 0,3 điểm. Điều này cho thấy sự cạnh tranh, bám đuổi sát sao của các Sở, ban, ngành. Tuy nhiên trong năm tới, nếu Sở, ban, ngành nào có nhiều cải thiện hơn thì điểm số và xếp hạng sẽ hứa hẹn tạo ra nhiều hoán đổi bất ngờ.

Trên bình diện chung toàn thành phố, điểm số DDCI Sở, ban, ngành ghi nhận ở mức điểm “khá” với 74,66 điểm, góp phần khẳng định thêm nhận xét chung của các DN/HTX trên địa bàn thành phố trong năm qua. Đó là phần lớn các Sở, ban, ngành đều có những nỗ lực cải thiện nhất định trong việc tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, thuận lợi hơn cho cộng đồng DN/HTX trên địa bàn thành phố. Trong 9 CSTEP, chỉ số chi phí không chính thức được các DN/HTX ghi nhận đã cắt giảm đáng kể khi đạt kết quả điểm số cao nhất với 8,16 điểm và là chỉ số duy nhất đạt mức đánh giá “tốt”. Ở chiều ngược lại, các chỉ số cần đẩy mạnh cải thiện trong thời gian tới là tính minh bạch và ứng dụng CNTT (7,05 điểm), hỗ trợ sản xuất kinh doanh (7 điểm), gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép (6,87 điểm) khi chưa đáp ứng được kì vọng từ cộng đồng DN/HTX.

Biểu đồ 3.1. DDCI Sở, ban, ngành năm 2020 - Thành phố Hải Phòng



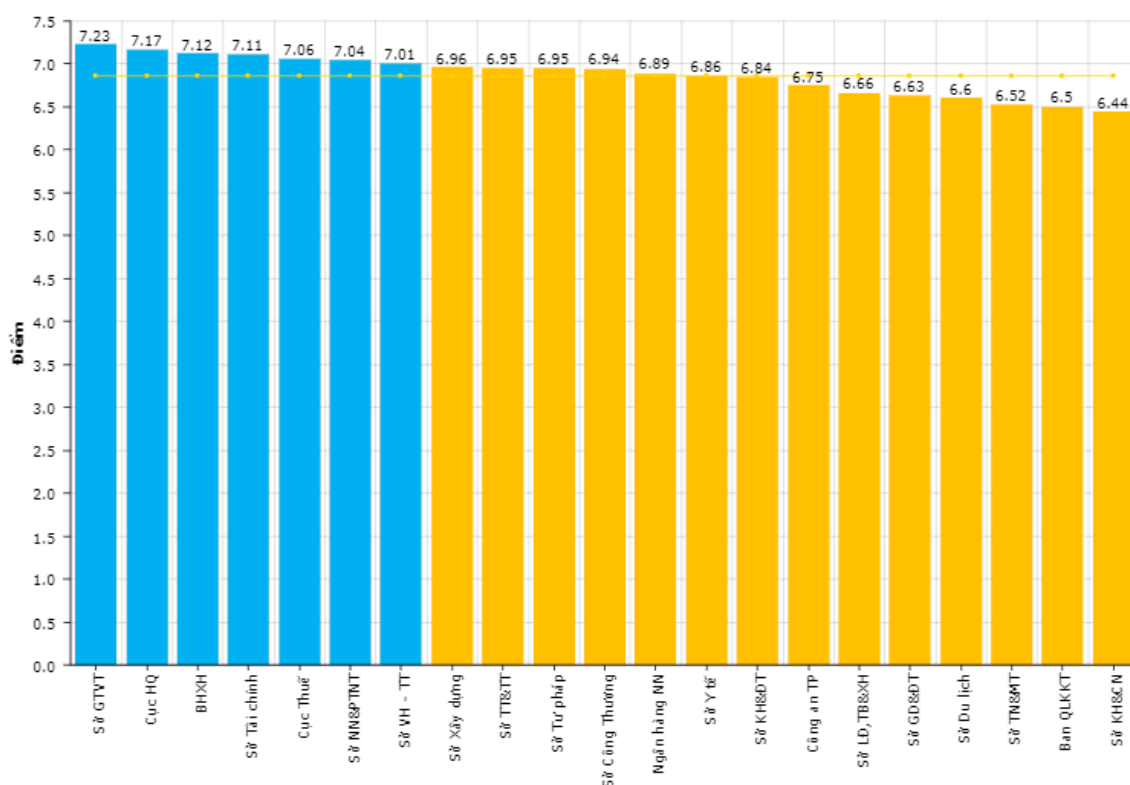
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

3.2. Hồ sơ DDCI Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần

3.2.1. Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép

Trong quá trình gia nhập thị trường, các DN/HTX trong giai đoạn bắt đầu thường gặp nhiều khó khăn khi thực hiện các thủ tục đăng kí và đề nghị được cấp các loại giấy phép đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Để các DN/HTX nhanh chóng và thuận lợi gia nhập thị trường, tiếp tục tháo gỡ những rào cản gia nhập thị trường là những ưu tiên hàng đầu nhằm giảm chi phí gia nhập thị trường đồng thời cũng khuyến khích và tạo cơ hội kinh doanh. Đặc biệt, đặt trong bối cảnh Việt Nam đang xây dựng “hệ sinh thái kinh doanh” trong đó vai trò của các cơ quan như thuế, bảo hiểm xã hội, lao động, ngân hàng, công ty cung cấp dịch vụ hỗ trợ (thanh toán điện tử) là cùng phối hợp với cơ quan đăng kí kinh doanh để triển khai đăng kí liên thông trong thời gian tới sẽ là xu thế bắt buộc mà các cơ quan cần lưu ý. Do đó, DDCI cấp Sở, ban, ngành đưa chỉ số gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép vào đánh giá về tất cả các thủ tục mà DN/HTX phải thực hiện để đi vào hoạt động hoặc để dự án của mình đi vào hoạt động, như đăng kí kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng kí lao động, bảo hiểm xã hội, cấp phép đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện... ở tất cả các Sở, ban, ngành, chứ không chỉ đơn thuần đánh giá một lĩnh vực đăng kí kinh doanh. Cách tiếp cận này phù hợp với xu thế chung và được sử dụng rộng rãi trong các phương pháp đánh giá như chỉ số khởi sự kinh doanh trong báo cáo Doing business của World Bank, chỉ số gia nhập thị trường trong báo cáo PCI của VCCI, chỉ số khởi sự doanh nghiệp trong báo cáo APCI của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ.

Biểu đồ 3.2. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và *Economica Vietnam*, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng 2020 chưa cho thấy những kết quả tích cực từ chỉ số này khi đây là chỉ số thấp điểm nhất trong 9 CSTP của bộ chỉ số, chỉ đạt 6,87 điểm ở mức điểm “trung bình khá”. Gam màu chủ đạo của chỉ số này cũng là gam màu nóng ở phần lớn các Sở, ban, ngành, có tới 14 cơ quan chỉ nhận được những đánh giá ở mức “trung bình khá” với mức điểm

dưới 7 điểm và 7 đơn vị có mức điểm trên tiệm cận dưới của mức điểm “khá”. Các đơn vị được đánh giá cao hơn với mức điểm trên 7 điểm gồm: Sở Giao thông vận tải đứng đầu chỉ số này với 7,23 điểm khi có nhiều sáng kiến trong thực hiện cải cách như sử dụng dịch vụ bưu chính công ích đứng đầu toàn thành phố, xây dựng dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực quản lý phương tiện và người lái xe, chỉ bằng thiết bị kết nối internet, có thể dễ dàng đổi được giấy phép lái xe và được trả tận nhà². Xếp thứ hai là Cục Hải quan thành phố đạt 7,17 điểm. Tiếp theo trong nhóm điều hành “khá” là 5 đơn vị có mức điểm khá sát nhau là: Bảo hiểm xã hội thành phố (7,12 điểm), Sở Tài chính (7,11 điểm), Cục Thuế thành phố (7,06 điểm), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (7,04 điểm) và Sở Văn hóa và Thể thao (7,01 điểm). Sở Tài nguyên và Môi trường (6,52 điểm), BQL Khu kinh tế (6,5 điểm) và Sở Khoa học và Công nghệ (6,44 điểm) đang là các đơn vị theo đánh giá của các DN/HTX vẫn còn khá nhiều rào cản gia nhập thị trường và cũng đang là nhóm đứng cuối bảng chỉ số. Khoảng cách giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối bảng xếp hạng là 0,79 điểm và các đơn vị trong thành phố cũng không có quá nhiều chênh lệch về điểm số khi chỉ cách nhau trong khoảng 0,1 điểm.

Phản ánh của các DN/HTX đối với thời gian dành ra để tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục gia nhập thị trường, các DN/HTX phải mất khá nhiều thời gian để tìm hiểu. Có tới 36,62% DN/HTX cho biết họ phải bỏ ra hơn 5 ngày để tìm hiểu, trong đó 23,97% DN/HTX thậm chí mất hơn 7 ngày. Ở một số lĩnh vực, thông tin về trình tự, thủ tục gia nhập thị trường còn khá phức tạp nên nhiều DN/HTX mất nhiều thời gian hơn như các thủ tục về bảo hiểm xã hội, thuế, đăng kí kinh doanh, lao động, thủ tục thực hiện tại BQL KKT. Tỷ lệ DN/HTX dành 3-4 ngày tìm hiểu chiếm 28,58%, 34,80% DN/HTX dành ra dưới 3 ngày để tìm hiểu. Điểm số trung bình của chỉ tiêu này khá thấp, chỉ đạt 5,53 điểm, phản ánh những khó khăn chung của doanh nghiệp tại thành phố đang gặp phải trong hiểu rõ quy trình, yêu cầu gia nhập thị trường. Các cơ quan ở thành phố cần có những hướng dẫn cụ thể về thành phần, giấy tờ của bộ hồ sơ, cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục phức tạp, các điều kiện kinh doanh không cần thiết và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp thực hiện nhanh các thủ tục đăng ký thông qua tăng cường công khai, minh bạch các thủ tục hành chính có liên quan đến đăng ký doanh nghiệp.

Những tín hiệu tích cực được ghi nhận ở các chỉ tiêu số lần đi lại để hoàn thành hồ sơ đăng kí và nhận được giấy đăng kí hoặc các loại giấy tờ gia nhập thị trường. Cụ thể, đối với số lần đi lại để hoàn thành hồ sơ nộp cho các cơ quan, 65,10% DN/HTX cho biết chỉ đi lại từ 0-2 lần nhưng cũng có tới 6,09% DN/HTX cho biết họ phải đi lại hơn 5 lần mới xong bộ hồ sơ. Phải đi lại nhiều lần hơn đang là bức xúc của nhiều DN/HTX khi thực hiện quy trình thủ tục ở một số cơ quan như Sở TN&MT (24,01% DN/HTX khảo sát phải đi lại hơn 5 lần), BQL KKT (14,29%), Sở KH&CN (14,29%), Công an thành phố (17,96%), Sở KH&ĐT (10,87%). Tuy nhiên, nhìn chung việc trả kết quả ở các Sở, ban, ngành vẫn đang đảm bảo đúng hạn với tỷ lệ DN/HTX chia sẻ rằng họ có được giấy đăng kí hoặc cấp phép đúng hạn là 82,07% và sớm hơn hạn là 2,56%. Phần trăm DN/HTX bị trễ hạn sau hơn 3 lần mới có cũng khá thấp chỉ 2,32%. Các kết quả trên cũng phản ánh khá tương đồng theo số liệu thống kê về thụ lí hồ sơ ở các Sở, ban, ngành trong năm 2020 có tỷ lệ trả đúng hạn là khoảng 86%³. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện các thủ tục ở các Sở, ban, ngành, 77,36% DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc các cơ quan đã ứng dụng CNTT và sử dụng nhiều phương thức mới hiệu quả như phối hợp với Bưu điện thành phố nhận hồ sơ tại các Bưu cục và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tận nhà.

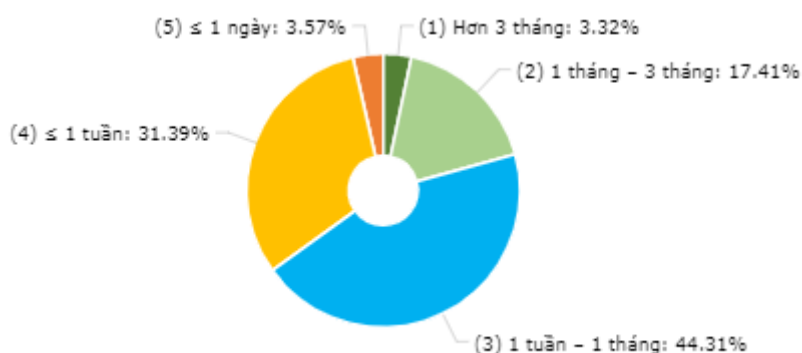
Tổng thời gian mà các DN/HTX cần để đăng kí và có được mọi loại giấy phép, hoàn tất mọi thủ tục cần thiết để chính thức đi vào hoạt động vẫn mất khá nhiều thời gian. Cụ thể, thời gian mà các DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành mọi thủ tục thường chủ yếu phải mất từ 1 tuần - 1 tháng với 44,31% tổng số DN/HTX trả lời, từ 1-3 tháng là 17,41%. Khảo sát cũng cho thấy vẫn còn 3,32%

² <https://haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Nang-cao-hon-nua-hieu-qua-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-va-chat-luong-phuc-vu-nguoi-dan-to-chuc-57978.html>

³ <http://dichvucong.haiphong.gov.vn/>

DN/HTX phải mất đến hơn 3 tháng mới đi vào hoạt động chính thức, tập trung ở một số Sở, ban, ngành như Sở TN&MT, Sở Xây dựng, Sở KH&ĐT, Sở LĐ-TB&XH. Điểm trung bình của chỉ tiêu này ở thành phố đạt mức “trung bình khá” 6,23 điểm. Thực tế việc thực hiện các Nghị quyết của Chính phủ về hỗ trợ DN, tháo gỡ khó khăn cho DN, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh có thủ tục hành chính liên quan đến DN đã được cắt giảm, các thủ tục thành lập DN dễ dàng hơn (gồm đăng ký thành lập DN và công bố nội dung đăng ký DN) nhưng những thủ tục liên quan đến gia nhập thị trường vẫn còn rắc rối, quy định pháp lý khó hiểu, tốn thời gian để chuẩn bị đầy đủ theo đúng yêu cầu quy định. Lưu ý rằng, thời gian này đo từ thực tế, tính cả thời gian để doanh nghiệp chuẩn bị, sửa đổi, bổ sung giấy tờ trước khi có được một bộ hồ sơ hoàn chỉnh gửi tới cơ quan thụ lý và được chấp nhận hợp lệ, chứ không chỉ tính mỗi thời gian xử lý hồ sơ của các cơ quan Nhà nước. Đặc biệt, sự phối hợp đồng bộ của các Sở, ban, ngành trong việc hỗ trợ DN thực hiện các thủ tục trên là rất quan trọng. Thời gian qua để triển khai đồng bộ, một số cơ quan đã có sự phối hợp như Sở Tư pháp và Bảo hiểm xã hội thành phố thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu điện tử từ Hệ thống cơ sở dữ liệu hộ tịch dùng chung. Sắp tới, ba cơ quan Sở KH&ĐT, BQL KKT Hải Phòng và Cục Thuế thành phố ký cam kết phối hợp trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp gia nhập thị trường và công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp, đầu tư. Việc ký cam kết với những nội dung cụ thể được kì vọng sẽ mang lại những hiệu quả thiết thực trong thời gian tới⁴.

Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ DN/HTX phải bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết để chính thức đi vào hoạt động



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, những năm qua, Chính phủ đã yêu cầu các bộ, ngành phải nỗ lực cắt giảm các điều kiện kinh doanh và thành phố cũng đã tích cực thực hiện các sáng kiến cải cách. Tuy nhiên, theo đánh giá của cộng đồng DN/HTX tại Hải Phòng, việc cắt giảm này vẫn chưa đáp ứng được kỳ vọng. Điều tra PCI các năm gần đây cũng đưa ra kết quả tương tự khi chỉ số gia nhập thị trường của Hải Phòng thường ở nhóm thấp điểm cho thấy thực trạng khó khăn khi gia nhập thị trường ở cả khu vực HKD và DN. Có thể thấy điểm nghẽn lớn nhất trong gia nhập thị trường là sự khó khăn trong tìm hiểu quy trình thủ tục của DN và thời gian chờ đợi giai đoạn hậu đăng kí doanh nghiệp. Bởi vì thời gian xử lý hồ sơ về cơ bản không phải là vấn đề DN/HTX cảm thấy phiền hà khi thời gian trung bình xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là 1,75 ngày làm việc, rút ngắn hơn nhiều so với quy định là 3 ngày làm việc và đa số DN/HTX cho biết được trả đúng hẹn.

Do đó, thời gian tới các quy định về gia nhập thị trường cần đơn giản hóa tối đa trình tự, thủ tục, minh bạch các điều kiện kinh doanh theo hướng định lượng cụ thể, giúp giảm gánh nặng tuân thủ thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Đặc biệt, có những giải pháp hỗ trợ sâu sát, quyết liệt hơn, đi vào thực chất thay vì chỉ nêu ra số lượng TTHC cắt giảm một cách cơ học, nhằm tiếp tục cải

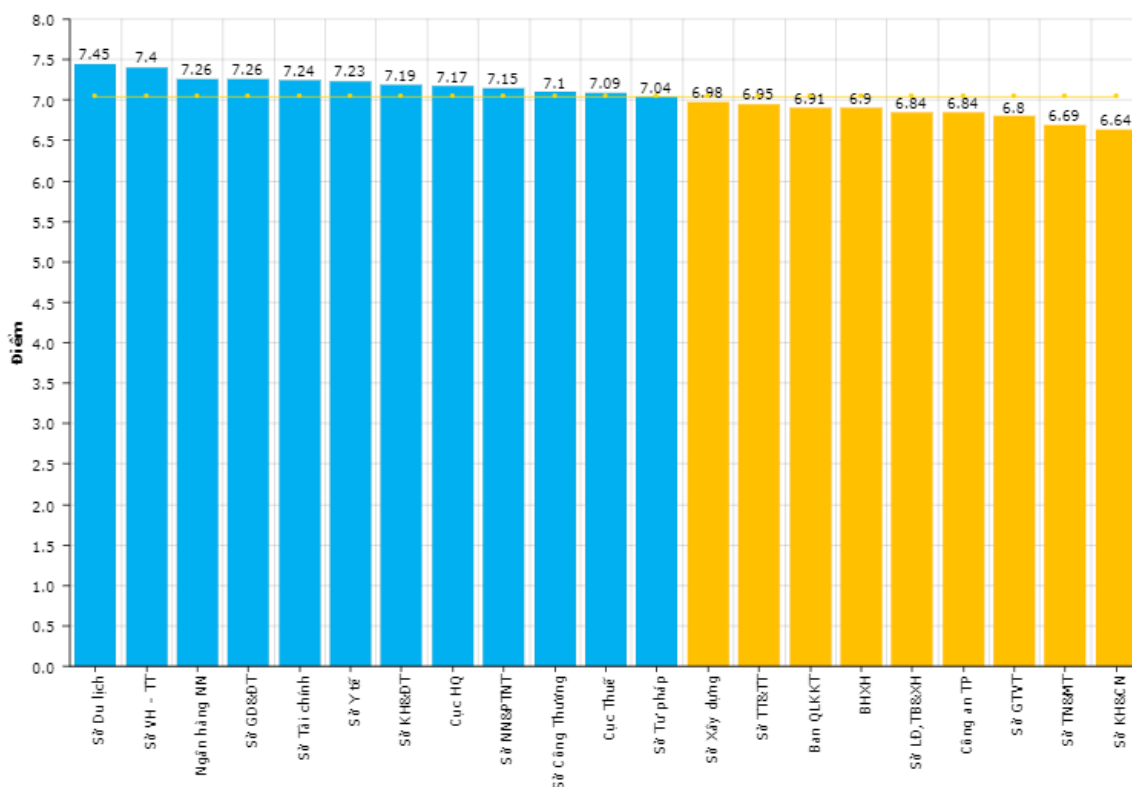
⁴ <https://baodautu.vn/ket-qua-pci-nam-2020-hai-phong-lay-lai-dang-cap-d141302.html>

thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, giúp DN giảm chi phí khi gia nhập thị trường. Vai trò này cần được san sẻ và phối hợp đồng bộ giữa tất cả các Sở, ban, ngành có liên quan, tạo thuận lợi nhất cho DN trong quá trình tìm hiểu, chuẩn bị hồ sơ, đặc biệt là các hồ sơ liên quan đến hậu đăng kí doanh nghiệp như giấy phép đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành, thủ tục thuế, lao động, BHXH.... Chỉ khi quá trình chuẩn bị hồ sơ này được rút ngắn thì thời gian chờ đợi để chính thức đi vào hoạt động mới được rút ngắn, từ đó cảm nhận của DN sẽ tích cực hơn và chỉ số này hứa hẹn sẽ có nhiều thay đổi tích cực hơn.

3.2.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin

Minh bạch thông tin là một trong những yếu tố quan trọng để tạo thuận lợi môi trường đầu tư, kinh doanh cho sự phát triển của cộng đồng DN/HTX. Đặc biệt trong bối cảnh sự gia tăng mạnh mẽ của chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0, cơ hội kinh doanh được phát hiện và trở thành hiện thực dựa trên việc nắm bắt thông tin kịp thời và tận dụng tối đa những sáng kiến chính sách của các cấp chính quyền. Nhằm phản ánh đầy đủ về chỉ số này, DDCI cấp Sở, ban, ngành đưa ra những nội dung chính như khả năng tiếp cận thông tin và mức độ hữu dụng của ứng dụng CNTT trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.

Biểu đồ 3.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Qua lăng kính của DDCI, kết quả của chỉ số minh bạch thông tin và ứng dụng CNTT cho thấy đây cũng sẽ là chỉ số cần “tăng tốc” cải thiện trong thời gian tới ở toàn bộ các cấp các ngành khi cả ở bộ chỉ DDCI địa phương và Sở, ban, ngành, chỉ số này đứng ở nhóm cuối bảng điểm. Mặc dù điểm trung bình của các Sở, ban, ngành đạt 7,05 điểm, thuộc nhóm điểm “khá” nhưng vẫn có tới 9 đơn vị đang có điểm số dưới 7 điểm ở mức “trung bình khá”. Trong đó, Sở KH&CN (6,64 điểm), Sở TN&MT (6,69 điểm) đang là hai đơn vị bị đánh giá thấp điểm nhất trong 21 Sở, ban, ngành khi có nhiều chỉ tiêu mà nhiều DN/HTX trong lĩnh vực đó phản ánh khó khăn trong tiếp cận thông tin. Ở chiều ngược lại, các Sở, ban, ngành được đánh giá tích cực hơn trong việc cung cấp các thông

tin hiệu quả. Với điểm số đạt trên 7,4 điểm, Sở Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao đang ở trong nhóm dẫn đầu về chỉ số này. Khoảng cách điểm số giữa đơn vị đứng đầu và đứng cuối đang là 0,81 điểm, không phải mức chênh lệch quá lớn. Đặc biệt quan sát giữa các đơn vị liền kề trên bảng điểm, có thể thấy rõ sự cạnh tranh gay gắt từng 0,01 điểm như nhóm NHNN - Chi nhánh Hải Phòng, Sở GD&ĐT, Sở Tài chính, Sở Y tế. Điều này cũng thể hiện qua các con số thống kê khi điểm trung vị (7,04 điểm) và điểm trung bình (7,05 điểm) gần như bằng nhau.

Tính minh bạch và ứng dụng CNTT bao gồm 11 chỉ tiêu nhìn chung mức điểm các chỉ tiêu này còn “ảm đạm” khi chưa chỉ tiêu nào có cải cách sắc nét nhưng lại có nhiều chỉ tiêu bị đánh giá tri trệ, cách xa kì vọng của cộng đồng DN/HTX. Đi sâu vào phân tích một số chỉ tiêu cụ thể, năm 2020 ghi nhận hơn một nửa DN/HTX (54,82%) đồng ý/hoàn toàn đồng ý về sự thuận lợi trong việc tiếp cận các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách và chất lượng thông tin được cung cấp khá rõ ràng, cụ thể. Trong đó, các DN/HTX đánh giá cao một số đơn vị trong năm qua đã tích cực phổ biến các thông tin sâu rộng, dễ dàng tiếp cận như Sở Y tế, Sở GD&ĐT, Sở Du lịch song Sở KH&CN, Sở TN&MT lại chưa được đánh giá cao như các Sở, ban, ngành khác.

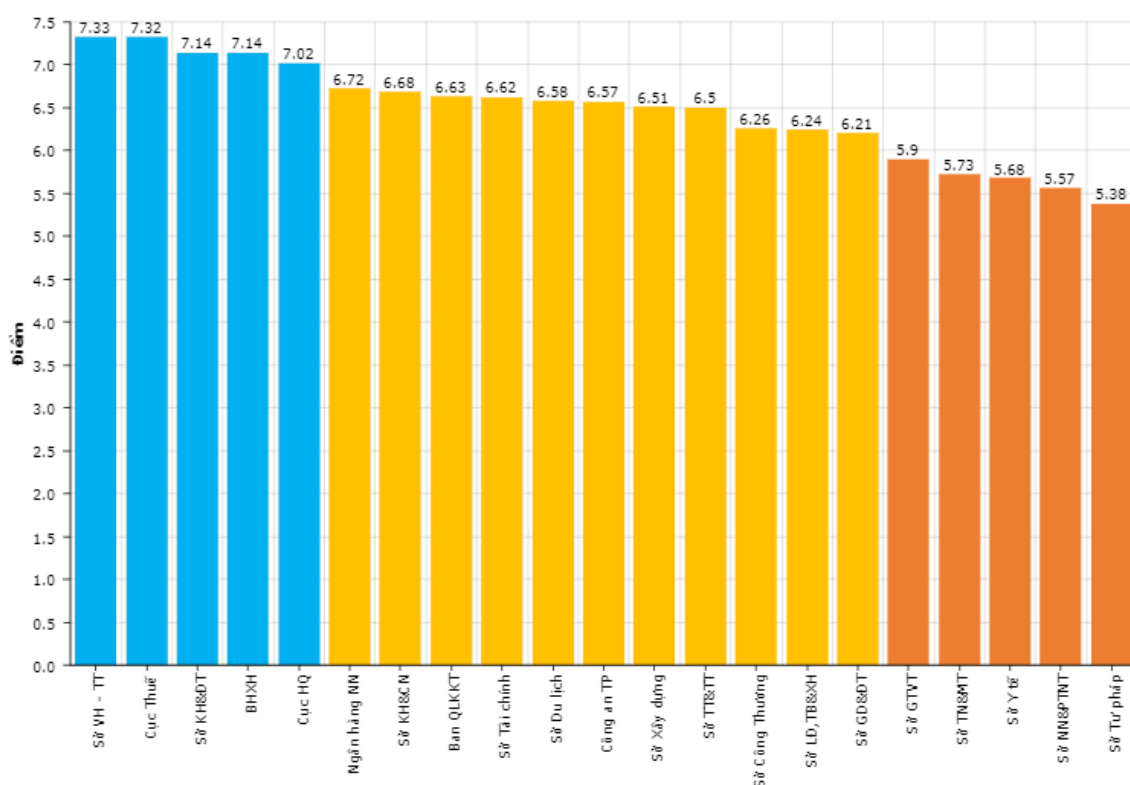
Ngoài việc cung cấp những tài liệu sẵn có, DDCI cấp Sở, ban, ngành còn đi sâu vào hỏi các DN/HTX về khả năng cung cấp thông tin, tài liệu không sẵn có của các Sở, ban, ngành nhằm đánh giá tính chủ động cung cấp của các cơ quan và việc các DN/HTX có cần phải có mối quan hệ để có được thông tin. Nhìn nhận từ góc độ này giúp DDCI đánh giá một cách cụ thể về tính minh bạch thông tin mà các cơ quan nhà nước sẵn sàng cung cấp. Thực tế khảo sát cho thấy 61,96% DN/HTX nhận được thông tin đúng thời hạn, 27,62% DN/HTX nhận được nhanh chóng và 10,42% cho rằng sẽ nhận được nhưng khá chậm trễ hoặc không nhận được. Thay vì hỏi trực tiếp DN/HTX nhận định về việc có mối quan hệ sẽ tiếp cận thông tin dễ dàng hơn dễ dẫn đến cảm nhận mang tính chất mặc định, khảo sát đã hỏi ngược lại rằng DN/HTX không cần phải có mối quan hệ mới có được thông tin, tài liệu. Kết quả chỉ ra 52,06% DN/HTX đồng tình cao về việc có được các thông tin, tài liệu, thực hiện TTHC thuận lợi ở các Sở, ban, ngành mà không cần phải có mối quan hệ. Ngược lại, vẫn còn hơn 15,15% DN/HTX cho rằng có mối quan hệ sẽ thuận lợi hơn cho họ. Quan sát từ DDCI cho thấy thực tế thông tin cung cấp đã tiếp cận đến được với các DN/HTX nhưng mức độ và chất lượng cung cấp vẫn còn chưa đáp ứng được kì vọng từ phía DN.

Tính ứng dụng CNTT được đánh giá qua cảm nhận của DN/HTX trong việc tận dụng các sáng kiến ứng dụng CNTT nhằm minh bạch hóa thông tin trên mạng. Tiếp tục triển khai các Nghị quyết của Chính phủ trong nỗ lực xây dựng chính phủ điện tử, sắp tới là chính phủ số, thành phố đã tăng cường triển khai áp dụng các ứng dụng mới trong dịch vụ công thông qua việc các Sở, ban, ngành đầu tư vào nâng cấp hệ thống thông tin trên website. Đẩy mạnh công khai thông tin trên các website của các cơ quan đã bước đầu cho thấy hiệu quả khi khảo sát ghi nhận có 61,01% DN/HTX đánh giá thông tin trên các website hữu ích, 27,84% đánh giá ở mức “bình thường”, còn lại tỉ lệ khá thấp khoảng 9,10% DN/HTX cho rằng chưa hữu ích nhiều. Thực tế cũng cho thấy dù các Sở, ban, ngành đầu tư vào nâng cấp và cải thiện chất lượng trang web nhưng DN/HTX dường như lại không quan tâm và ít khi sử dụng dẫn đến đánh giá chưa hài lòng.

Để đánh giá chính xác các website của các Sở, ban, ngành có cung cấp được các thông tin thực sự cần thiết cho DN/HTX hay không. DDCI cấp Sở, ban, ngành đã đi sâu vào hỏi một số nội dung quan trọng như hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các văn bản chính sách, quy định pháp luật và hỏi đáp trực tuyến, giải đáp thắc mắc cho DN/HTX. Do đây là các chỉ tiêu thể hiện những thông tin, tài liệu hữu ích mà DN/HTX cần nhất và là những thông tin cần minh bạch nhất. Trong khi hệ thống cơ sở dữ liệu mở được 76,08% DN/HTX đánh giá cập nhật thường xuyên thì việc giải đáp thắc mắc và hỏi đáp trực tuyến chỉ được 68,69% DN/HTX hài lòng, đạt 5,01 điểm, mức điểm thấp nhất trong số các chỉ tiêu. Theo phản ánh của các DN/HTX, hỏi đáp trực tuyến và công khai giải đáp thắc mắc chưa hiệu quả như mong đợi tại hầu hết các Sở, ban, ngành, đây là chỉ tiêu cần nhiều cải thiện mạnh mẽ trong thời gian tới. Song song với khảo sát nhanh ở website của các địa

phương, DDCI cũng tiến hành đánh giá mục hỏi đáp trực tuyến nhưng kết quả cũng tương tự như ở khối địa phương, mục hỏi đáp không có nhiều nội dung. Để khắc phục khoảng trống này, nhiệm vụ sắp tới của các Sở, ban, ngành nên tập trung vào truyền thông về các tiện ích sử dụng trên website cũng như kịp thời giải đáp thắc mắc để DN biết về những cải thiện trong công tác điều hành điện tử nhất là khi thành phố đang dành khá nhiều nguồn lực để đầu tư vào chuyển đổi số mà DN/HTX lại gần như không biết nhiều về sự thay đổi này.

Biểu đồ 3.5. Điểm số của chỉ tiêu “DN/HTX ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC ở các Sở, ban, ngành”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Để đo lường hiệu quả của ứng dụng CNTT, DDCI cấp Sở, ban, ngành không chỉ đánh giá mức độ ứng dụng từ phía các Sở, ban, ngành mà còn tìm hiểu thực trạng ứng dụng CNTT của các DN khi thực hiện các thủ tục phát sinh ở các cơ quan. Nếu như chỉ số ứng dụng CNTT của khối HKD trong DDCI địa phương là rất thấp thì ở chỉ tiêu này đối với các DN/HTX có sự tiến bộ hơn, có 20,27% DN cho biết thực hiện toàn bộ quy trình và thanh toán trên môi trường mạng (tương đương với mức độ dịch vụ công cấp 4), điều này cho thấy sự nhanh nhạy trong việc sử dụng các phần mềm, ứng dụng của DN/HTX thực hiện dịch vụ công ở các cơ quan. Đặc biệt, tỉ lệ DN/HTX sử dụng thành thạo các ứng dụng CNTT khi thực hiện thủ tục tập trung ở một số đơn vị như Sở Văn hóa và Thể thao, Cục Thuế thành phố, BHXH thành phố, Sở KH&ĐT và Cục Hải quan thành phố.

Song song với đó, DDCI cũng đánh giá về hiệu quả của ứng dụng CNTT từ phía các Sở, ban, ngành tại bộ phận một cửa. Theo DDCI năm 2020, 76,63% DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định “CNTT được ứng dụng hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa” và đặc biệt đặt trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và xu thế chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, các DN/HTX cũng đặt sự tin tưởng về việc tích cực ứng dụng CNTT vào công tác điều hành, quản lý. Có thể thấy rõ hiệu quả việc ứng dụng CNTT là sự vào cuộc của cả hệ thống chính quyền và sự hưởng ứng của cộng đồng DN/HTX trong việc triển khai. Qua đó, DDCI một lần nữa nhấn mạnh vào vai trò của các Sở, ban, ngành trong việc khuyến khích và thúc

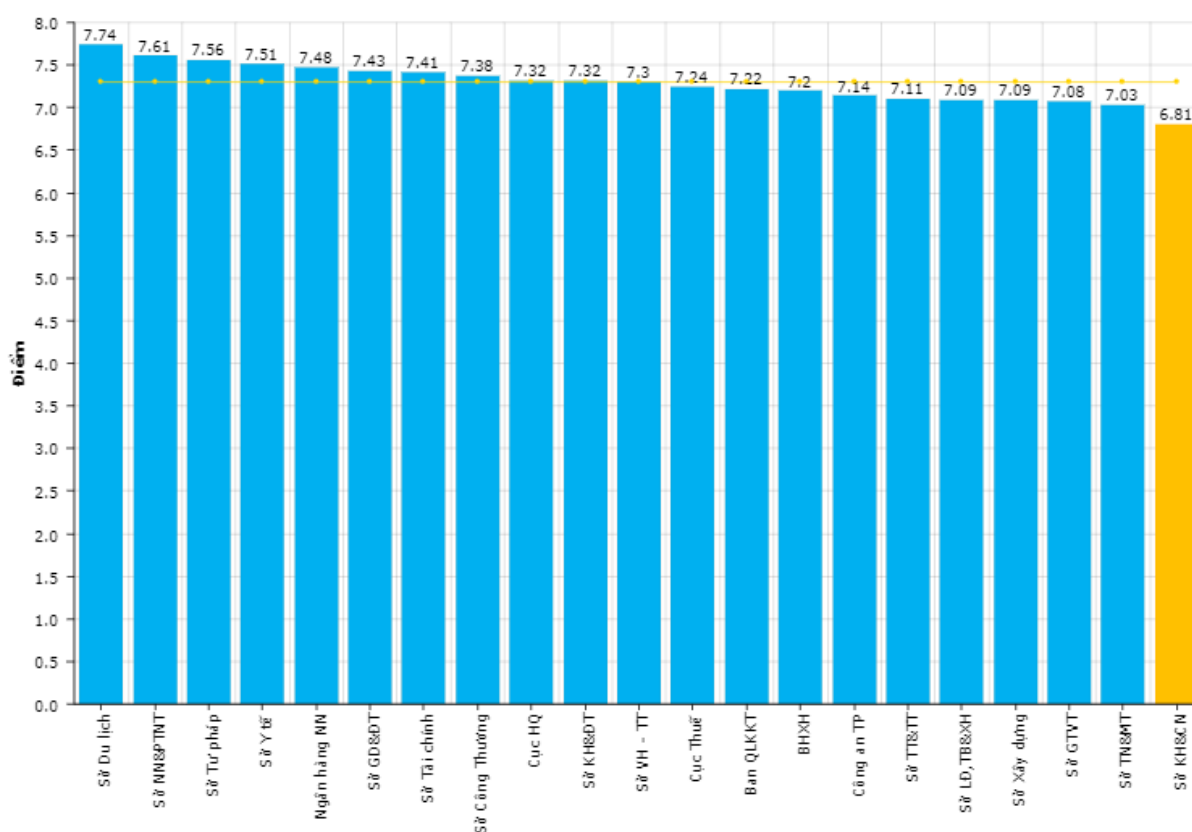
đẩy các DN/HTX chuyển đổi cách thức thực hiện thủ tục tại chính các Sở, ban, ngành đó. Ví dụ tiêu biểu là Hải Phòng đã một trong những địa phương có sáng kiến triển khai Cổng tin tức thành phố Hải Phòng trên nền tảng mạng xã hội như Facebook, giúp người dân và cộng đồng dân doanh tiếp cận thông tin chính thống, nhanh chóng và tiện lợi. Đó là một trong những sáng kiến vừa tăng lượng tương tác, vừa đảm bảo cung cấp thông tin, vừa giúp DN/HTX truy cập, tìm hiểu trên website chính thức. Khảo sát DDCI Hải Phòng cũng cho thấy 74,66% DN/HTX đánh giá việc thông báo nơi công cộng, đài phát thanh, phương tiện điện tử trong cung cấp thông tin khá hiệu quả.

Như vậy, đánh giá chung về chỉ số này cho thấy không gian cải cách vẫn còn khá lớn với tất cả các Sở, ban, ngành ở thành phố. Tiếp tục quá trình minh bạch hóa thông tin và hiệu quả trong ứng dụng CNTT nhất là khuyến khích sự tham gia của DN/HTX trong sử dụng dịch vụ công trên hệ thống dịch vụ công của thành phố sẽ là lực đẩy quan trọng trong việc cải thiện chỉ số này.

3.2.3. Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành

Tính năng động và hiệu lực của các Sở, ban, ngành là yếu tố quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và phát triển những sáng kiến chính sách được thông qua. Các Sở, ban, ngành đang cho thấy những tín hiệu tích cực gần hơn sự năng động, sáng tạo và chính DN/HTX là những người cảm nhận điều này rõ hơn cả.

Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của Sở, ban, ngành”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Mặc dù so với hai chỉ số trước, bức tranh chung ở chỉ số này mang gam màu xanh nhiều hơn, thể hiện đánh giá của các DN/HTX tốt hơn đối với các Sở, ban, ngành. Cụ thể có 20/21 Sở, ban, ngành đạt mức điểm “khá” trên 7 điểm và chỉ có 1 cơ quan có điểm số dưới 7 điểm là Sở KH&CN (6,81 điểm) đang ở cuối bảng xếp hạng nhưng tiệm cận rất gần với mức điểm “khá”. Ở nhóm đứng

đầu của bảng điểm là Sở Du lịch (7,74 điểm), Sở NN&PTNT (7,61 điểm). Bảng điểm của chỉ số này vẫn cho thấy sự cạnh tranh về điểm số của các cơ quan khi không có quá nhiều khác biệt về điểm số giữa các Sở, ban, ngành. Khoảng cách giữa Sở đứng đầu và Sở đứng cuối là khoảng 0,9 điểm. Điểm số trung bình của các cơ quan ở chỉ số này là 7,29 điểm, thấp hơn điểm trung vị của toàn thành phố, điều này cho thấy các Sở, ban, ngành cần phải tiếp tục nỗ lực, năng động và sáng tạo hơn đối với quản lý và điều hành trong thời gian tới.

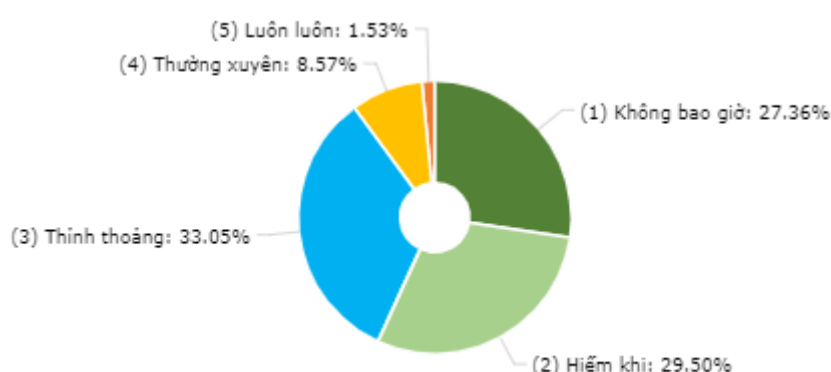
Thước đo của chỉ số này là nhìn vào các khía cạnh năng động, sáng tạo của Sở, ban, ngành trong bối cảnh triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và UBND thành phố. Nghiên cứu sâu các dữ liệu khảo sát trong chỉ số này đã hé lộ nhiều vấn đề. Khảo sát DDCI chỉ ra các DN/HTX có cảm nhận tương đối tích cực về sự năng động, sáng tạo của các Sở, ban, ngành. Nhận định được thể hiện qua con số 75,55% DN/HTX cho biết các cơ quan đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX. Có 75,72% DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định “chủ động tham mưu UBND thành phố các đề xuất/giải pháp hỗ trợ các DN/HTX nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại thành phố”. Đặc biệt, khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, nhiều Sở, ban, ngành đã sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới với tỉ lệ DN/HTX đồng tình cao là 70,22%. Một số đơn vị nổi bật được DN/HTX đánh giá cao sự năng động ở những chỉ tiêu này là Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở GD&ĐT, Sở Tư pháp. DN/HTX ít hài lòng với nhóm đứng cuối là Sở KH&CN, Sở TN&MT, Sở GTVT, Sở XD trong việc triển khai các chính sách, quy định pháp luật.

Trên thực tế, DN/HTX không chỉ làm việc với một ngành mà thường xuyên tương tác với nhiều Sở, ban, ngành và đôi khi nhiều thủ tục cần giải quyết liên ngành. Do đó, DDCI cấp Sở, ban, ngành cũng đi sâu vào đánh giá việc phối hợp giữa các Sở, ban, ngành liên quan và việc đùn đẩy trách nhiệm hoặc trì hoãn giải quyết các vấn đề cho DN/HTX. Kết quả khảo sát đưa ra tỉ lệ các DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện quyết định/chủ trương của UBND thành phố và TW và không có sự đùn đẩy trách nhiệm giữa các Sở, ban, ngành hoặc sang địa phương hoặc lên cấp thẩm quyền cao hơn trong giải quyết các đề liên quan cho DN/HTX là hơn 75% tổng số DN/HTX được hỏi. Tuy vẫn còn sự chênh lệch về đánh giá ở các Sở, ban, ngành nhưng kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành là đáng ghi nhận và thể hiện tinh thần chủ động và phối hợp hiệu quả của các Sở, ban, ngành. Nhìn vào điểm số của các chỉ tiêu dễ dàng nhận thấy các chỉ tiêu đều nhận được phản hồi tương đối hài lòng từ phía DN/HTX với mức điểm trên 7,45 điểm.

Cảm biến cho sự năng động, sáng tạo của các cơ quan là thước đo được lấy từ chính DN/HTX thường xuyên làm việc và tương tác với các cơ quan chính quyền. Hạn chế đối thoại hình thức, trong suốt giai đoạn 2016-2020, một điểm sáng đáng ghi nhận là thành phố đã duy trì tổ chức hoạt động đối thoại với DN hàng tháng, hàng quý với sự tham gia của các cơ quan chính quyền các cấp nhằm hướng dẫn, giải đáp cơ chế, kịp thời tháo gỡ khó khăn cho cộng đồng dân doanh. Nội dung các kiến nghị của doanh nghiệp tập trung vào các lĩnh vực như đất đai, bồi thường giải phóng mặt bằng, bồi hoàn giá trị đầu tư hợp pháp, giới thiệu địa điểm mới, đấu giá đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quy hoạch, quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, các nghĩa vụ tài chính, xem xét giảm tiền thuê đất, đầu tư xây dựng đường giao thông... Đặc biệt, trong các kì đối thoại có báo cáo tiến độ giải quyết cụ thể như các kiến nghị đã đủ điều kiện để kết thúc giải quyết, không đưa vào trả lời hàng tháng và gửi thông báo tới doanh nghiệp. Những kiến nghị không có cơ sở để giải quyết thì trả lời và yêu cầu DN chấp hành quy định. Những kiến nghị khác cần sự phối hợp liên ngành sẽ được chia nhóm, tập trung giải quyết, một số trường hợp sẽ có cuộc làm việc cụ thể để tìm giải pháp tháo gỡ cũng như trả lời các DN. Những nỗ lực trên đã được hơn 73,37% DN/HTX đánh giá tốt việc xử lý các khó khăn, vướng mắc của DN và khoảng 68-70% DN/HTX cho biết tích cực tham gia đối thoại và nội dung các buổi đối thoại được giải quyết tốt.

Tuy nhiên, đáng quan ngại vẫn là chỉ tiêu DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển có mức điểm thấp nhất chỉ đạt 4,57 điểm. Trong đó, 27,36% DN/HTX cho biết họ không được mời góp ý. Tỷ lệ này cũng khá tương đồng khi đối chiếu sang kết quả của DDCI cấp địa phương đối với các HKD, chỉ ra thực tế chung là hiện nay các dự thảo chính sách, pháp luật vẫn đang thiếu vắng tiếng nói của cộng đồng dân doanh trong khi hoạt động phản biện chính sách là chỉ dấu quan trọng minh chứng về xây dựng nhà nước kiến tạo và phát triển. Trung tâm của cải cách là người dân, DN nhưng những chính sách quan trọng chưa được khu vực dân doanh biết đến thì rất dễ dẫn đến hiệu quả triển khai kém. Đây là chỉ tiêu mà các cơ quan ở cấp thành phố cần tiếp tục cải thiện, có nhiều sáng kiến khuyến khích sự tham gia của cộng đồng DN/HTX với vai trò phản biện chính sách, hoạt động đối thoại được diễn ra một cách thực chất và cần đảm bảo có sự tham gia của khu vực tư nhân trong quá trình dự thảo.

Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ DN/HTX được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển ở các Sở, ban, ngành



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Trong kế hoạch cải thiện thời gian tới, các Sở, ban, ngành nên đưa ra những giải pháp, sáng kiến mới có tính ứng dụng cao, nhân rộng các mô hình thực tiễn tốt, các mô hình thân thiện trong thực tế, tăng cường tương tác liên tục với khu vực dân doanh qua hoạt động đối thoại, nâng cao tiếng nói của cộng đồng dân doanh trong quá trình xây dựng các chính sách, văn bản pháp luật.

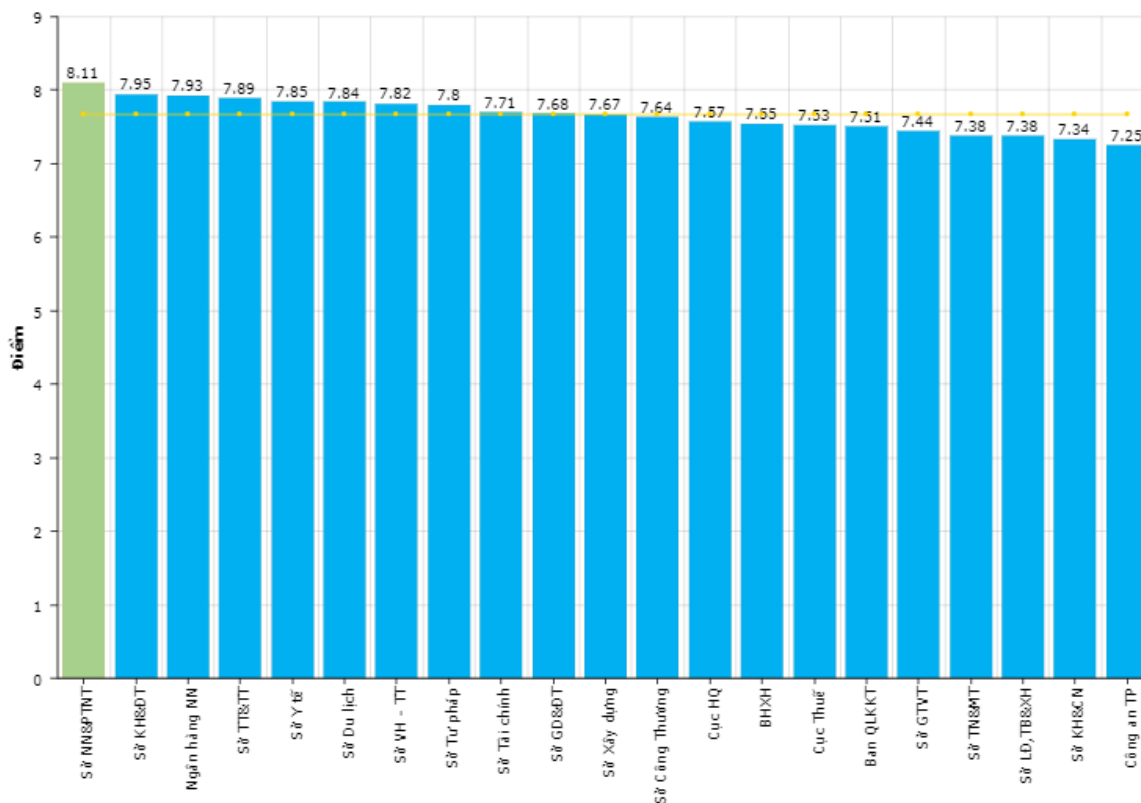
3.2.4. Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ pháp luật

Cải cách TTHC và dịch vụ công là một trong những mục tiêu hàng đầu mà tất cả các địa phương trên cả nước đang nỗ lực thực hiện với nhiều sáng kiến, đổi mới để cắt giảm chi phí, thời gian, gánh nặng tuân thủ quy định pháp luật cho các DN. Với mục tiêu đánh giá chi tiết những thành tích và điểm hạn chế trong công cuộc cải cách này, DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng đã đưa chỉ số này vào để các DN/HTX đánh giá. Nội dung chính hướng tới phản ánh chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước, đo lường thời gian mà các DN phải bỏ ra khi thực hiện các thủ tục hành chính, cũng như mức độ thường xuyên và thời gian DN phải tạm dừng để các cơ quan thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Lưu ý là chi phí thời gian thông qua đo lường về thời gian cần thiết của mỗi doanh nghiệp kể từ khi bắt đầu tìm hiểu về TTHC (tìm hiểu thông tin về TTHC) cho đến khi hoàn tất việc thực hiện TTHC theo quy định hiện hành (nhận kết quả TTHC).

Trong bảng xếp hạng của chỉ số này chỉ có duy nhất một đơn vị thuộc nhóm xếp hạng “tốt” là Sở NN&PTNT, đây cũng là đơn vị được đánh giá cao về tính năng động. Theo sau là các Sở, ban, ngành cũng đều thuộc nhóm điểm “khá” trong phổ điểm từ 7,2-7,9 điểm. Một số đơn vị theo phản ánh của DN là vẫn còn nhiều gánh nặng chi phí khi thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật như Công an thành phố, Sở KH&CN, Sở LĐ-TB&XH. Theo quan sát của DDCI, dải tần khoảng cách điểm số dao động tương đối thấp khi điểm số giữa hai đơn vị liền kề sát sao và điểm số của

hai đơn vị đứng đầu và đứng cuối là 0,86 điểm. Điều này cho thấy sự “đồng điệu” trong xu thế chung về thực hiện cải cách cắt giảm chi phí thời gian, qua đó báo hiệu khả năng thu hẹp khoảng cách, vươn lên của nhóm đứng cuối là tương đối khả quan.

Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật”

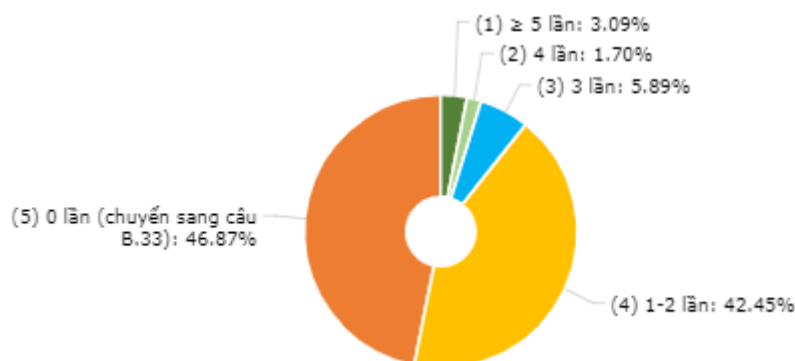


Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Tinh thần cải cách của các cấp chính quyền tại thành phố đã được cộng đồng DN/HTX ghi nhận khi sự nỗ lực đưa ra các sáng kiến nhằm giảm bớt thời gian khi thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật được 87,96% DN/HTX đồng tình. Trong đó, Cục Thuế thành phố, Cục Hải quan thành phố và Bảo hiểm xã hội thành phố là những đơn vị được các DN/HTX đánh giá là có nhiều sáng kiến mới trong năm qua. Đặc biệt đặt trong năm 2020 với sự bùng phát của dịch Covid-19, các cơ quan trên đã có nhiều sáng kiến hỗ trợ cho DN/HTX như giãn thời gian nộp hồ sơ, tăng cường thực hiện thủ tục qua môi trường mạng... Song những cải cách trên dường như vẫn chưa đủ để các DN/HTX hài lòng về cắt giảm chi phí thời gian mà DN/HTX phải bỏ ra khi trong 87,96% DN kể trên chỉ có 32,52% cho biết có nhiều sáng kiến. Nhìn vào thời gian mà DN/HTX thực hiện TTHC, có 60,69% DN/HTX cho biết thời gian thực hiện chủ yếu ở mức “bình thường, phù hợp” và 28,41% DN/HTX mất ít thời gian thực hiện nhưng vẫn còn tới 10,9% DN/HTX cho rằng vẫn phải bỏ ra nhiều thời gian để thực hiện. Đáng lưu ý là gánh nặng chi phí thời gian mà nhiều DN/HTX ở một số lĩnh vực gặp phải như đất đai của Sở TN&MT, đăng kí, quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đăng kí và quản lí ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công an thành phố, đăng kí đầu tư của Sở KH&ĐT với tỉ lệ DN/HTX mất rất nhiều thời gian lên tới hơn 20%.

Việc triển khai bộ phận một cửa rộng rãi ở các cơ quan tại thành phố đã được đánh giá là mang lại hiệu quả cho DN/HTX khi thực hiện TTHC. Do đó, DDCI cấp Sở, ban, ngành cũng đi sâu vào hỏi cảm nhận của các DN/HTX một cách cụ thể về hiệu quả của bộ phận một cửa, chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ công chức phục vụ. Kết quả cho thấy trên 69% DN/HTX hài lòng về cán bộ nhân viên phục vụ và dịch vụ tại bộ phận một cửa.

Biểu đồ 3.9. Tỷ lệ số lần thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành mà DN/HTX phải tiếp trong năm qua



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Một trong những điểm sáng ở chỉ số này đến từ số lần thanh tra, kiểm tra mà DN/HTX phải tiếp trong năm qua khá thấp với 46,87% DN cho biết không phải tiếp lần nào, 42,45% DN tiếp 1-2 lần trong năm qua. Song cũng cần lưu ý về tác động của dịch Covid-19 vừa qua trong việc thực hiện các chỉ thị của Chính phủ về hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và một số giai đoạn giãn cách xã hội. Trong bối cảnh bình thường mới, nếu các Sở, ban, ngành duy trì được kết quả trên đây, sẽ góp phần không nhỏ giảm bớt gánh nặng cho các cơ sở kinh tế phục hồi và phát triển sản xuất, kinh doanh. Tuy vậy, tỷ lệ DN/HTX phải tiếp trên 5 lần cũng vẫn còn ở mức 3,09%. Theo kết quả của DDCI, thực tế cho thấy vẫn còn nhiều DN/HTX cho biết sự gia tăng gánh nặng thanh tra, kiểm tra đang xảy ra ở một số lĩnh vực của một số cơ quan như Sở LĐ-TB&XH, Cục Thuế thành phố và PCCC của Công an thành phố. Đáng chú ý là, mặc dù thanh tra, kiểm tra ở các lĩnh vực trên không phải vấn đề chung của toàn bộ DN, nhưng gánh nặng do các hoạt động này tạo ra không đồng đều, dẫn đến tình trạng một số DN phải chịu gánh nặng hơn nhiều so với các DN khác.

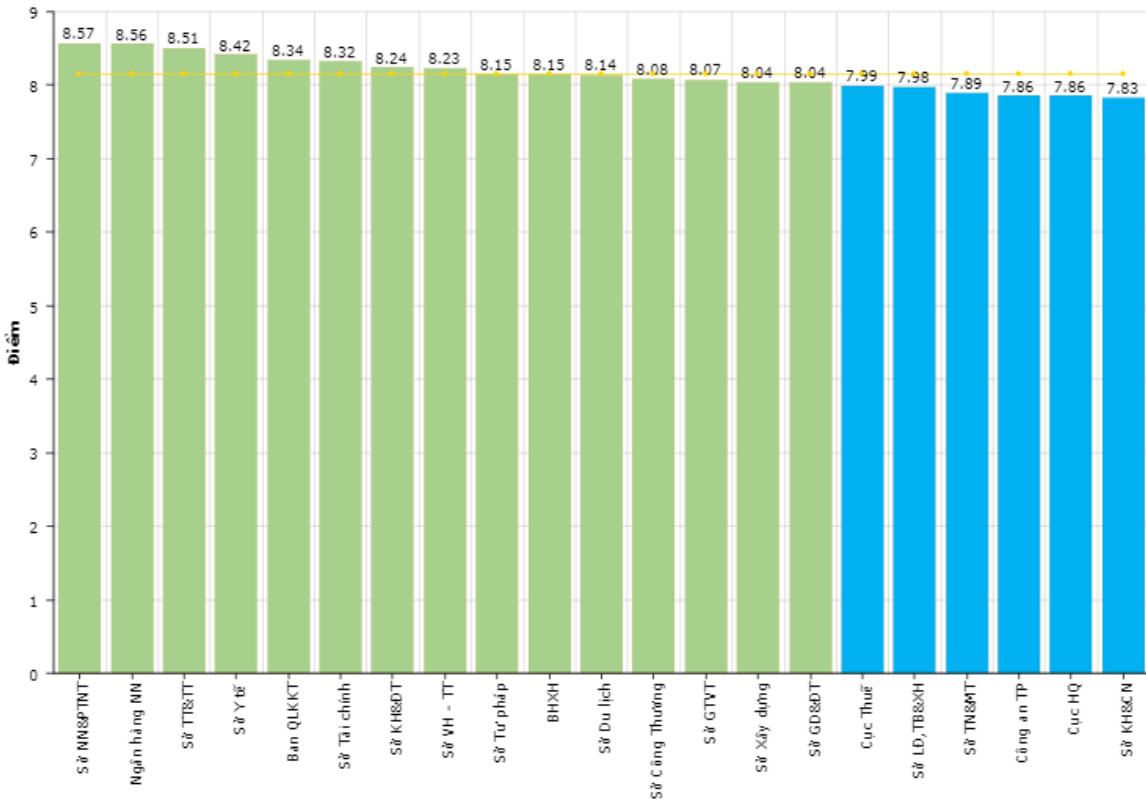
Ngoài ra, dù số lần thanh tra, kiểm tra đã giảm cơ bản nhưng vẫn còn nhiều DN/HTX gặp phải nhiều phiền hà từ công tác này khi chỉ có 25,76% DN/HTX cho biết thời gian thanh tra, kiểm tra “không mất quá nhiều thời gian” và 4,51% DN/HTX cho rằng nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra còn trùng lặp. Đánh giá về việc thanh tra, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều DN/HTX, tỷ lệ DN/HTX cho rằng không bao giờ xảy ra hiện tượng trên là 32,03% trong khi vẫn có 25,4% DN/HTX cho rằng thỉnh thoảng vẫn xảy ra và 4,93% DN/HTX cho biết cũng khá thường xuyên xảy ra.

Nhìn chung, đánh giá về gánh nặng chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật của các DN/HTX không quá áp lực, khó khăn nhưng điểm số trung bình không cao, chuyển biến chậm, chưa rõ nét. Điều này cho thấy vẫn còn thiếu nhiều đột phá trong cải cách hành chính, quy trình thực hiện vẫn còn rườm rà, nặng thủ tục, chất lượng các cuộc thanh tra, kiểm tra thấp, cách xa kỳ vọng của các DN/HTX.

3.2.5. Chi phí không chính thức

Chi phí không chính thức ở các Sở, ban, ngành được ghi nhận đang có những tín hiệu khả quan khi chính các DN cảm nhận rõ nét nhất và phản ánh thông qua điểm số của chỉ số này với 8,16 điểm, điểm cao nhất trong hệ thống các chỉ số cấu thành DDCI Sở, ban, ngành Hải Phòng. Điều này thể hiện qua biểu đồ về điểm số CSTP không chính thức chiếm chủ đạo là gam màu xanh lá thể hiện điểm số ở mức “tốt”, còn lại một số ít ở gam màu xanh dương của một vài Sở, ban, ngành có điểm số “khá”. Mức độ, tần suất và xu hướng của chi phí không chính thức cũng thể hiện nhiều sự khác biệt và đa dạng. Tuy nhiên, những thông tin qua đánh giá của DDCI Hải Phòng đã một phần đưa đến những thông điệp chung nhất về thực trạng chi phí không chính thức tại thành phố là đang được nỗ lực cắt giảm cho DN/HTX.

Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Phân tích cụ thể theo các Sở, ban, ngành, đây cũng là CSTP đạt điểm số cao nhất ở hầu hết các Sở, ban, ngành, mang lại sự thay đổi rõ nét trong điểm số chung năng lực cạnh tranh Sở, ban, ngành Hải Phòng năm 2020. Bằng chứng là có tới 15/21 Sở, ban, ngành đạt trên 8 điểm, thuộc nhóm “tốt” với Sở NN&PTNT, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng và Sở TT&TT là 3 cơ quan đạt điểm cao nhất trên 8,5 điểm. Nhóm đứng cuối gồm một số cơ quan theo DN/HTX phản ánh là chi phí không chính thức vẫn gây ra gánh nặng gồm Cục Thuế thành phố, Sở LĐ-TB&XH, Sở TN&MT, Công an thành phố, Cục Hải quan thành phố, Sở KH&CN. Nhóm cuối bảng này cần tăng tốc mạnh mẽ hơn nữa trong việc đẩy lùi chi phí không chính thức và ngay cả nhóm có điểm số cao cũng cần nỗ lực tiếp tục duy trì và làm tốt hơn nữa trong những năm tiếp theo. Bởi lẽ, cải cách không mang tính thời điểm mà nên có một nỗ lực dài hạn và bền vững.

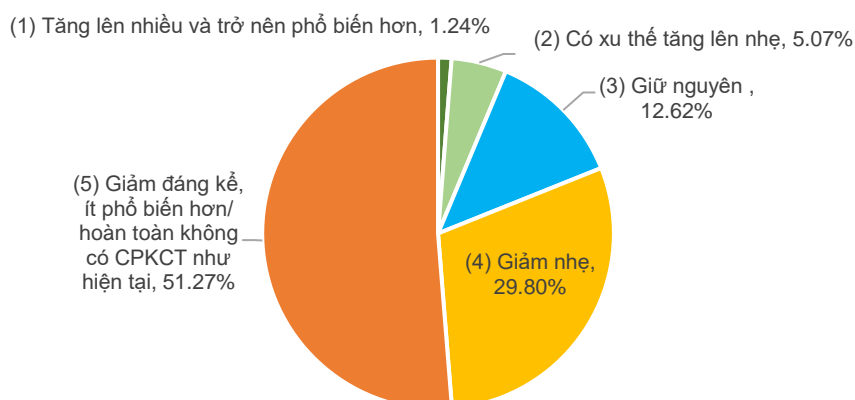
Khi được hỏi về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức mà DN/HTX phải trả khi làm việc ở các Sở, ban, ngành, 57,98% DN/HTX cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính thức, tức là cứ 10 DN đến làm việc tại các cơ quan thì có đến gần 6 DN nhận thấy vẫn xảy ra hiện tượng chi trả chi phí không chính thức. Đặc biệt là ở một số cơ quan theo phản ánh của DN mức độ này khá cao như Công an thành phố, Sở GD&ĐT, Sở KH&CN, Cục Hải quan thành phố. Con số này cho thấy còn cần nhiều thay đổi từ các Sở, ban, ngành trong công tác đẩy lùi chi phí không chính thức để không tạo gánh nặng cho DN/HTX, yên tâm sản xuất kinh doanh.

Mặc dù vẫn còn tồn tại chi phí không chính thức nhưng quy mô của chi phí này hiện tại không quá lớn, gây sức ép cho DN. Nhằm tìm hiểu kỹ về thực trạng chi trả chi phí này ở các cơ quan, DDCI đã hỏi các DN về việc chi trả này do DN tự nguyện hay do cán bộ gợi ý để đánh giá chính xác hiện tượng trên. Khảo sát cho thấy có 51,86% DN/HTX không chi trả khoản phí này, 10,77% DN/HTX chủ động chi trả nhưng cán bộ từ chối và nhắc nhở, 31,07% DN/HTX chủ động chi trả cho công việc nhanh chóng và còn lại tỉ lệ thấp với 6,3% DN/HTX phải chi trả do cán bộ gợi ý hoặc đã thành mặc định ngầm. Tức là cứ 10 DN/HTX làm việc với các cơ quan nhà nước thì có hơn 5

DN không phải chi trả, 4 DN chủ động chi trả dù không yêu cầu và 1 DN bắt buộc phải trả khoản này cho cán bộ thực hiện. Đặc biệt, đối với các trường hợp đã chi trả khoản chi phí không chính thức thì vẫn có đến 11,54% DN/HTX cho biết công việc không được xử lý đúng như mong muốn. Những con số trên cho thấy chi phí này đang diễn ra ở quy mô nhỏ nhưng vẫn tồn tại âm ỉ, không những tạo ra tâm lý “e ngại” cho DN khi giao dịch với các cơ quan nhà nước mà còn không mang lại hiệu quả kinh doanh dù các DN và nhà đầu tư đã phải bỏ ra chi phí này, từ đó làm xấu đi hình ảnh của các cơ quan chính quyền và làm môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố kém thông thoáng, minh bạch.

Khi phân tích về xu thế của chi phí không chính thức, 81,07% DN/HTX cho rằng chi phí không chính thức đã giảm và trở nên kém phổ biến hơn. 12,62% DN/HTX cho rằng chi phí này không có thay đổi và 6,31% nhận định rằng chi phí dường như đang có xu hướng gia tăng trong thời gian gần đây. Lĩnh vực đầu tư, công thương, giáo dục và đào tạo, quản lý và đăng ký phương tiện giao thông, ngành nghề kinh doanh có điều kiện của Công an thành phố đang là những lĩnh vực “nóng” mà DN/HTX cho rằng chi phí không chính thức đang gia tăng. Nhìn bao quát cả 21 Sở, ban, ngành, những con số và nhận định trên vẫn cho thấy niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp vào các Sở, ban, ngành trong việc giảm chi phí không chính thức là tương đối cao. Đây cũng là lý do mà các Sở, ban, ngành tại Hải Phòng phần lớn đạt được mức điểm ở thang điểm “tốt” trong chỉ số thành phần này.

Biểu đồ 3.11. Tỷ lệ DN/HTX nhận định về xu thế tăng/giảm của chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC hoặc các công việc liên quan ở các Sở, ban, ngành



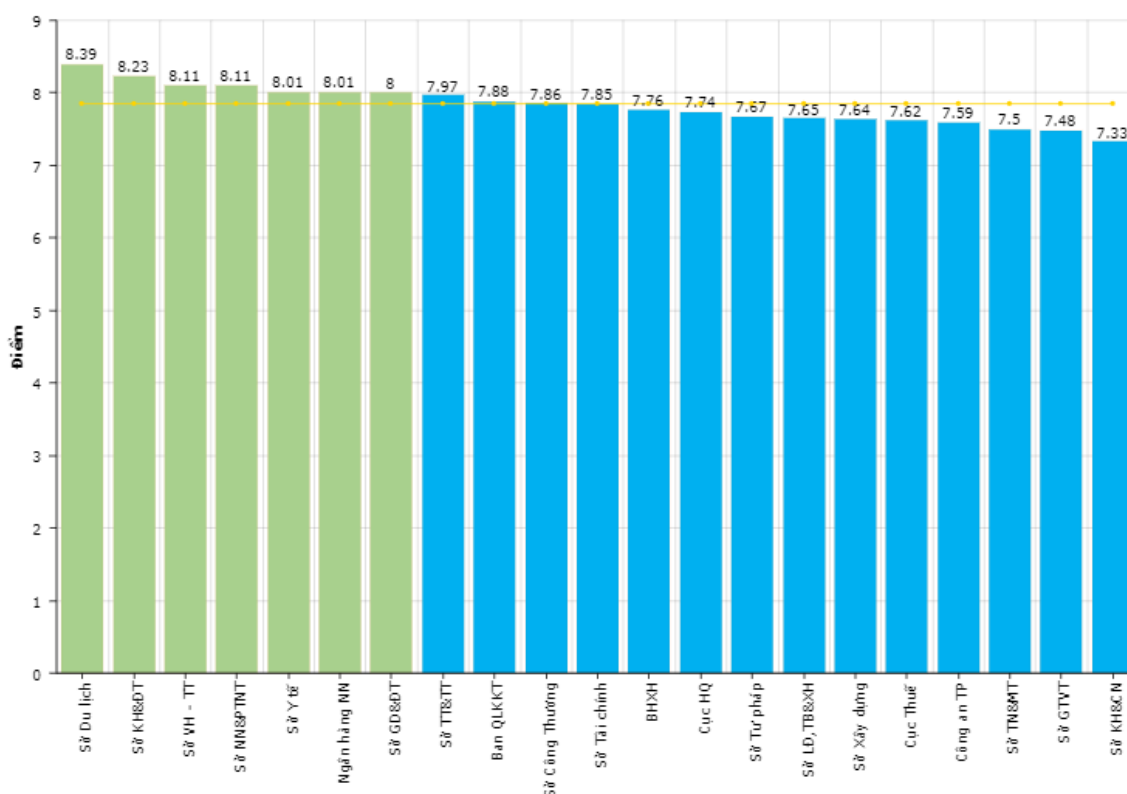
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Về tổng thể các xu hướng của chi phí không chính thức giảm và ít phổ biến hơn theo hướng tích cực, song các DN vẫn phản ánh rằng họ đang phải đối mặt với nhiều thách thức đáng kể ở một số lĩnh vực. Như vậy, cắt giảm chi phí không chính thức cho DN để hướng tới xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch, đồng thời xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện với người dân, DN, các Sở, ban, ngành, đặc biệt là các cơ quan xếp thứ hạng cuối cần phải kiên trì, nỗ lực và quyết tâm cao hơn nữa để cải thiện chỉ số này.

3.2.6. Cạnh tranh bình đẳng

Cạnh tranh bình đẳng là một trong những yếu tố quan trọng để thúc đẩy cạnh tranh và phát triển khu vực DN/HTX. Bất kì sự phân biệt đối xử nào cũng sẽ là rào cản vô cùng khó khăn đối với DN/HTX, đặc biệt trong tiếp cận nguồn lực và quyền kinh doanh. Cạnh tranh bình đẳng trong DDCI Hải Phòng được đánh giá thông qua hệ thống 4 chỉ tiêu, nhằm so sánh giữa các DN/HTX trong tiếp cận thông tin, nguồn lực nhà nước, cơ hội kinh doanh, giải quyết vướng mắc, thanh tra, kiểm tra...

Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

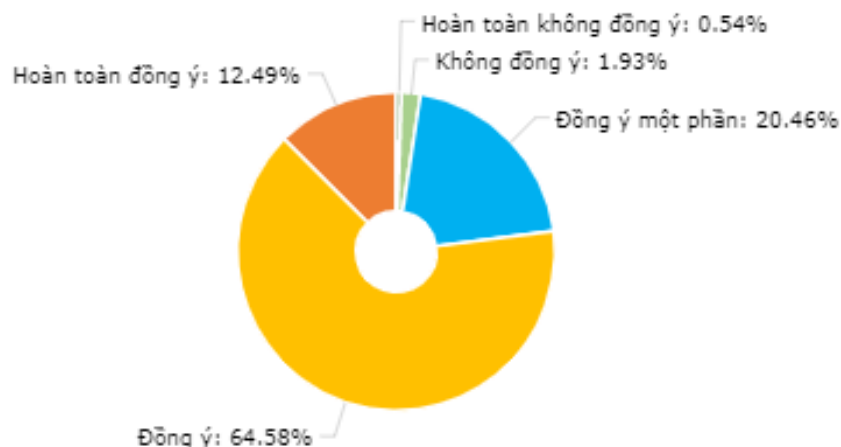
Khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2020 ghi nhận cộng đồng DN/HTX đã có những đánh giá tương đối tích cực về môi trường cạnh tranh của thành phố trong năm qua. Điều này thể hiện khá rõ qua điểm số trung bình toàn thành phố ở chỉ số “cạnh tranh bình đẳng” đạt 7,83 điểm, cao thứ 2/9 CSTP của bộ chỉ số và đang tiến khá sát tới mức điểm “tốt”. So sánh giữa các đơn vị trong bảng điểm, dễ dàng nhận thấy hai nhóm điều hành được phân chia gồm nhóm có kết quả “tốt” như Sở Du lịch, Sở KH&ĐT, Sở VH&TT, Sở NN&PTNT, Sở Y tế, Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng, Sở GD&ĐT và nhóm xếp hạng “khá” gồm 14 Sở, ban, ngành còn lại. Trong đó, Sở GTVT và Sở KH&CN chưa được nhiều DN/HTX đánh giá tạo môi trường bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, cần cải thiện chỉ số này trong thời gian tới vì không gian cải thiện chỉ số này khá lớn. Trong khi đó, khác biệt điểm số giữa các đơn vị không nhiều vừa cho thấy cạnh tranh bình đẳng đã mang lại những tích cực khá đồng đều vừa thể hiện sự ganh đua trên bảng điểm khá cao.

DDCI cấp Sở, ban, ngành quan tâm đến việc đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế, tức là không có sự phân biệt đối xử giữa các DN với nhau (giữa DNNN, DN FDI với DN khu vực tư nhân, giữa DN lớn và DNNTV, giữa DN với DN “thân hữu” với cơ quan chính quyền, giữa DN, HTX và HKD). Tìm hiểu về thực trạng có tồn tại sự ưu ái, phân biệt đối xử giữa các DN trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, tài chính...), 77,07% DN/HTX đồng thuận cao về việc tiếp cận bình đẳng.

Tiếp cận các thông tin, cơ hội kinh doanh, chương trình, chính sách ưu đãi, hỗ trợ là một trong những yếu tố quan trọng đối với các DN để khai thác và tận dụng các cơ hội từ các ưu đãi chính sách, quy định của Nhà nước. Do đó, DDCI cấp Sở, ban, ngành cũng đi sâu vào tìm hiểu về việc có cần phải có mối quan hệ “thân hữu” hay có sự ưu ái nào giữa các DN khi tiếp cận các thông tin trên hay không. Khảo sát DDCI 2020 cho thấy các DN/HTX đánh giá khá tốt việc tiếp cận các

loại thông tin trên từ các cơ quan nhà nước là công bằng, không có sự phân biệt với tỉ lệ đồng ý/hoàn toàn đồng ý lên tới gần 80% và tỉ lệ không đồng ý rất thấp chỉ khoảng 2%.

Biểu đồ 3.13. Tỉ lệ DN/HTX nhận định về “Công bằng, không có sự phân biệt trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, tài chính...)”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

DDCI xác định rằng mỗi DN/HTX tham gia khảo sát là một cảm biến về môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố. Do đó, chỉ số này cũng đánh giá việc đối xử của các cơ quan trong việc giải quyết các kiến nghị, khó khăn và thực hiện TTHC thông qua cảm nhận của DN/HTX có được bình đẳng hay có sự thiên vị nào không. Năm 2020 có 78,41% DN/HTX cho biết họ hài lòng với cách đối xử công bằng của các Sở, ban, ngành. Về chỉ tiêu cuối cùng “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong công tác thanh tra, kiểm tra”, có 78,48% DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định trên. Tính điểm trung bình của các chỉ tiêu trên thì điểm số trung bình đều đạt trên 7,7 điểm và dự định năm sau các chỉ tiêu này có vượt qua thang điểm “khá” tiến vào mức điểm “tốt” là rất tiềm năng và còn nhiều không gian cải thiện.

Cạnh tranh bình đẳng là chỉ số mà các DN/HTX rất quan tâm liên quan đến quyền lợi kinh doanh. Chỉ khi có đối xử công bằng giữa các thành phần kinh tế thì môi trường đầu tư, kinh doanh mới thực sự được cải thiện, tăng thu hút đầu tư vào thành phố. Qua những con số đáng khích lệ kể trên có thể thấy môi trường đầu tư, kinh doanh tại thành phố đang trở nên bình đẳng hơn, song các cơ quan chính quyền vẫn cần phải tiếp tục nỗ lực nhiều hơn trong việc cải tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng cho các DN/HTX.

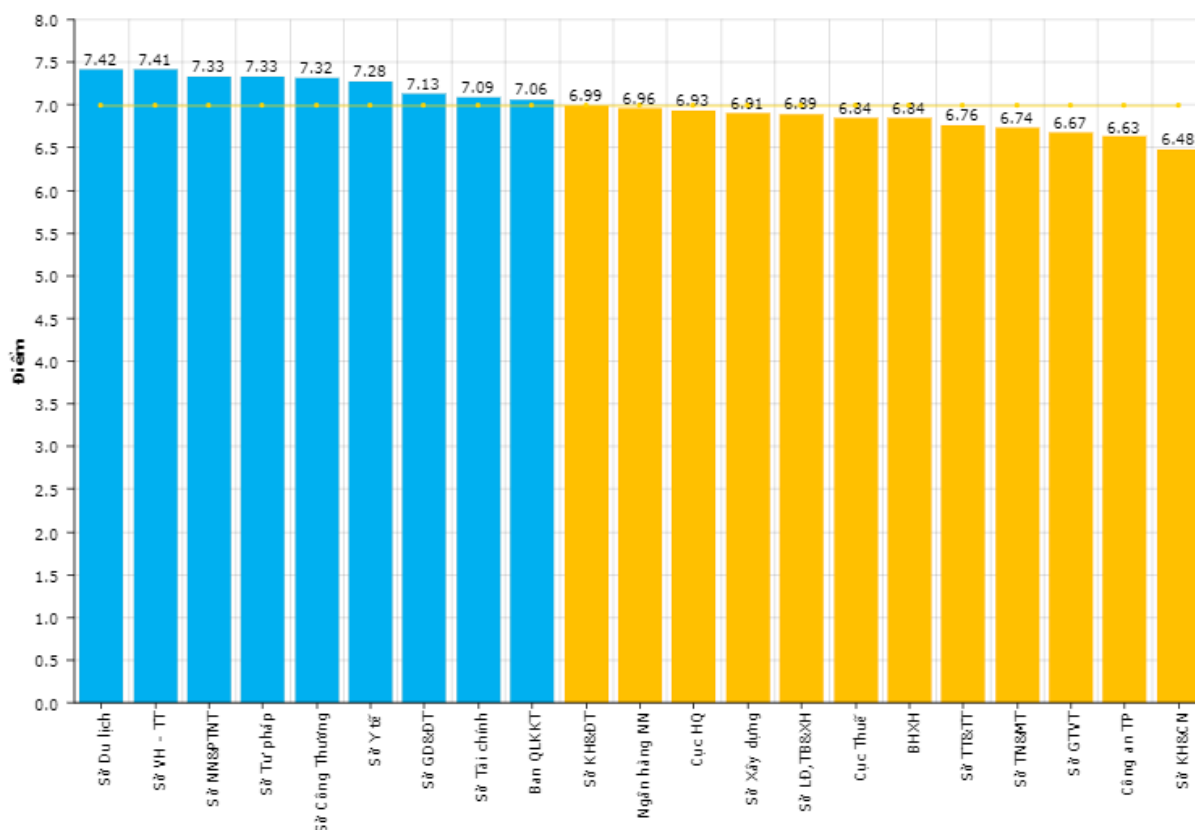
3.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

Dễ dàng nhận thấy rằng, nhu cầu hỗ trợ các khó khăn, vướng mắc, các biện pháp trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh, các sáng kiến, hỗ trợ liên kết... là nhu cầu quan trọng của các DN/HTX. Một số chương trình, chính sách đã được các Sở, ban, ngành đưa ra, song việc thực thi còn rất nhiều hạn chế nên số lượng DN/HTX được thụ hưởng chính sách còn khiêm tốn, hiệu quả của các chính sách hỗ trợ chưa được như kỳ vọng của doanh nghiệp. Đây cũng là một trong những CSTP thấp điểm nhất theo đánh giá DDCI Hải Phòng 2020.

Điểm số trung bình chung cho CSTP này là 7,0 điểm, bằng đúng điểm cận dưới của mức điểm “khá” và là chỉ số thấp điểm thứ 2 chỉ sau chỉ số “gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép”. So sánh đường trung vị có thể thấy rằng, nỗ lực hỗ trợ kinh doanh của các Sở, ban, ngành không có nhiều khác biệt, chỉ dao động xung quanh đường trung vị. Sự nổi bật của Sở Du lịch, Sở VH&TT và một số Sở, ban, ngành khác trong nhóm “khá” cũng không tạo ra khác biệt lớn đáng kể nào so với các Sở, ban, ngành còn lại khi điểm số cao nhất chỉ đạt 7,42 điểm. Trong khi đó, các biện pháp hỗ trợ của nhiều Sở, ban, ngành dường như thiếu hiệu quả khi chỉ đạt dưới 7 điểm, thuộc nhóm

“trung bình khá”. Quan sát của DDCI cho thấy điểm số giữa các Sở, ban, ngành gó nhau liên tục do khoảng cách điểm số không quá cao và bức tranh tổng thể của chỉ số này là gam màu nóng cho thấy sự thiếu vắng tác động rõ nét của các chương trình, chính sách hỗ trợ triển khai trong thời gian qua tại Hải Phòng.

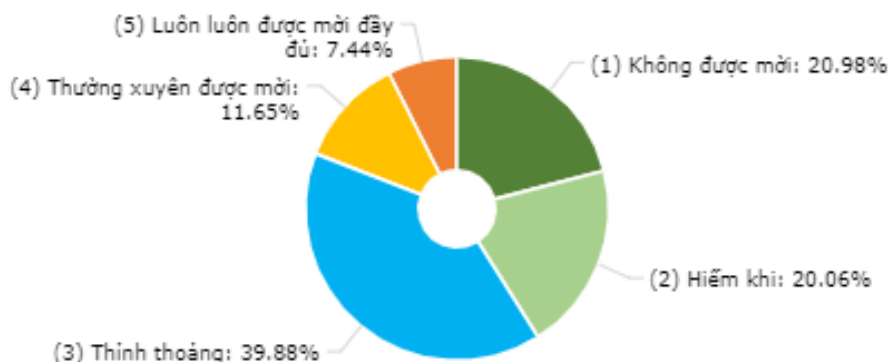
Biểu đồ 3.14. Điểm số CSTP “Hỗ trợ sản xuất kinh doanh”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Việc phổ biến, cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động hỗ trợ là nội dung mà các DN/HTX rất quan tâm. Khảo sát cho thấy chỉ gần một nửa số DN/HTX đánh giá các cơ quan đã chủ động trong việc cung cấp thông tin, 44,43% DN/HTX cho rằng mức độ cung cấp ở mức “bình thường”. Tuy vậy vẫn còn một số ít DN/HTX cho rằng một số cơ quan không cung cấp hoặc cung cấp các thông tin trên rất hạn chế. Nổi bật hơn so với các Sở, ban, ngành khác trong chỉ tiêu này là Sở Y tế, Sở NN&PTNT, Sở VH&TT được cộng đồng DN đánh giá cao tính chủ động cung cấp chương trình hỗ trợ so với các Sở, ban, ngành khác. Trong những năm tiếp theo, các Sở, ban, ngành này cần đẩy mạnh phổ biến, cung cấp thông tin về các chương trình hỗ trợ DN/HTX, đáp ứng yêu cầu của các DN/HTX. Đi sâu vào phân tích tính hiệu quả của các chương trình hỗ trợ, có 62,56% DN/HTX đánh giá tốt và 3,14% DN cho rằng các chương trình hỗ trợ chưa mang lại hiệu quả, cho thấy các chương trình hỗ trợ chưa có sự chuyển động mạnh mẽ, chưa trở thành đòn bẩy để các DN dựa vào phát triển khi mức độ triển khai chính sách trợ giúp còn hạn chế. Việc nắm bắt nhu cầu và tình hình sản xuất kinh doanh còn yếu và chưa chủ động xây dựng các chương trình, chính sách trợ giúp riêng, hầu hết mới chỉ tham gia thực hiện các chương trình do các Bộ, ngành, thành phố chủ trì với mức độ khiêm tốn và chỉ có một số DN/HTX đủ năng lực tiếp nhận được các gói hỗ trợ. Nhiều chính sách khó tiếp cận, manh mún, riêng rẽ, yêu cầu nhiều điều kiện đảm bảo hoặc thậm chí chưa đủ hấp dẫn, chưa quan tâm đúng mức tới nâng cao chất lượng DN. Chỉ khi những đơn vị nào quan tâm cải thiện chất lượng và cung cấp thông tin, ít nhiều sẽ có sự thay đổi, củng cố niềm tin cho các DN/HTX.

Biểu đồ 3.15. Tỷ lệ DN/HTX được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX do Sở, ban, ngành tổ chức



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

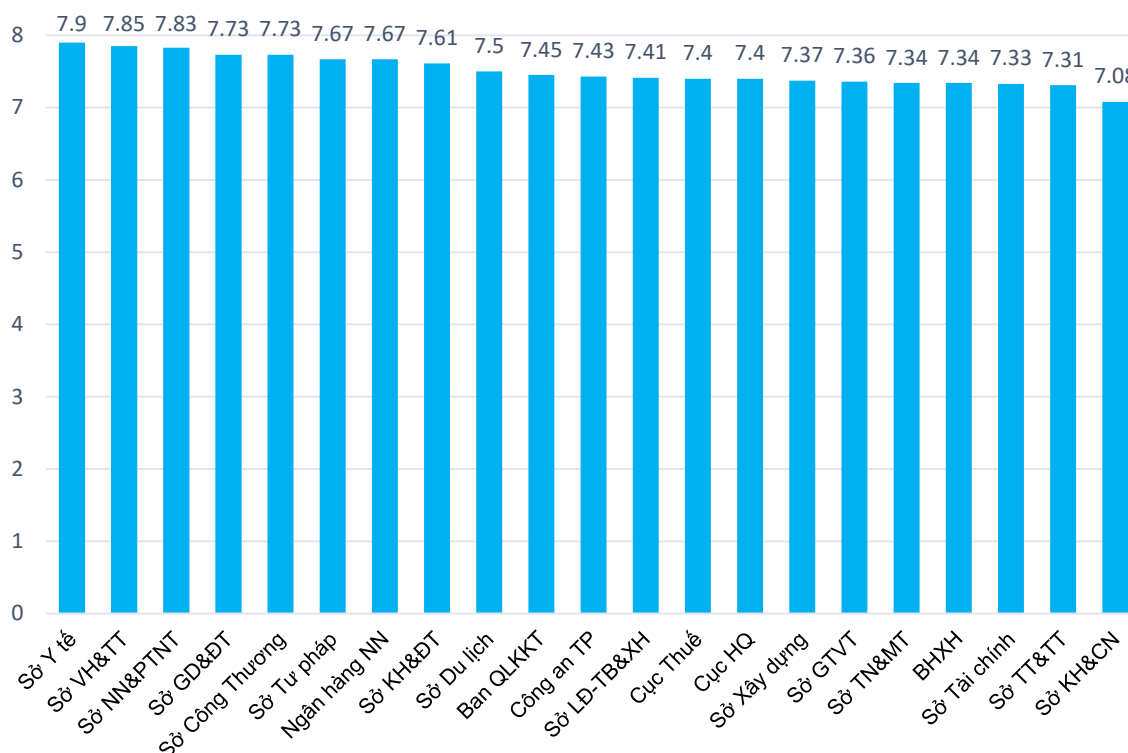
Hỗ trợ sản xuất kinh doanh là bước quan trọng để giúp cộng đồng DN có thể gia tăng phát triển. Muốn vậy, các sáng kiến cải cách, chương trình hỗ trợ phải có sự đón nhận và tham gia của khối DN/HTX nhằm tận dụng tối đa những ưu đãi này từ phía các cơ quan nhà nước. Do đó, DDCI không chỉ đơn thuần đánh giá mức độ cung cấp thông tin một cách chung chung mà khảo sát còn đi sâu vào hỏi các DN/HTX về việc tham gia hoặc được mời đến các chương trình hỗ trợ kinh doanh để qua đó hiểu rõ sức hút của chương trình hỗ trợ đang tới đâu và việc cung cấp thông tin của các Sở, ban, ngành đã thực sự hiệu quả, dành được sự quan tâm từ phía DN hay chưa.

Song khi đánh giá về việc mời/thông báo tham dự các chương trình hỗ trợ, cũng giống như trong chỉ số của DDCI cấp địa phương, chỉ tiêu này tiếp tục cho thấy mức độ tham gia của khối DN/HTX là rất thấp. Điểm số của chỉ tiêu này chỉ đạt 5,41 điểm, thấp nhất trong các chỉ tiêu và là nguyên nhân kéo điểm số của cả chỉ số thành phần “Hỗ trợ sản xuất kinh doanh” sụt giảm đáng kể. Phân tách cụ thể, dữ liệu DDCI chỉ ra có 41,04% DN cho biết họ không được mời tham gia hoặc rất hiếm khi được mời, 39,88% DN thỉnh thoảng được mời tham gia và còn lại khoảng 19,09% DN/HTX cho biết họ hay được mời tham gia. Điều này một lần nữa cho thấy một thực tế: chính sách có, cơ quan nhà nước triển khai nhưng DN/HTX tham gia rất hạn chế đồng nghĩa với công tác tổ chức, triển khai các chương trình hỗ trợ vẫn chưa phổ biến tới nhiều DN/HTX. Khoảng trống này cần có những nỗ lực từ các sáng kiến, đổi mới cách làm từ chính các Sở, ban, ngành để các chương trình hỗ trợ thực sự “hỗ trợ” DN/HTX.

Thực tế cho thấy, nội lực của các DN vẫn là chìa khóa chính để thích ứng với hoàn cảnh mới nhưng các giải pháp hỗ trợ từ các cấp chính quyền chính là lực đẩy để giúp các DN nhanh chóng bắt nhịp lại hoạt động kinh tế. Do đó, chỉ tiêu tiếp theo tập trung vào cả về cảm nhận và trải nghiệm thực tế đối với hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (như dịch Covid-19). Điểm số cho chỉ tiêu này là 7,51 điểm. Nhìn chung, các DN/HTX đặt niềm tin vào các biện pháp, quyết sách đúng đắn, kịp thời của các Sở, ban, ngành liên quan trong bối cảnh vừa qua. Tuy nhiên, chính sách đã có, một phần được thực thi nhưng hiệu quả chưa đạt được như kì vọng, dẫn đến mức điểm chưa cao. Một phần do một số DN/HTX chưa được tiếp cận các chương trình cụ thể. Một số DN/HTX chưa quay trở lại sản xuất và tiếp cận chính sách hỗ trợ. Số khác cho rằng thủ tục tiếp cận hỗ trợ còn khó khăn, gây cản trở doanh nghiệp. Tuy nhiên báo cáo cũng vẫn nêu lên một số cơ quan tiêu biểu, đứng đầu khối Sở, ban, ngành khi trong năm qua đã đồng hành cùng DN vượt qua khó khăn và được cộng đồng ghi nhận đánh giá cao như Sở Y tế, Sở VH&TT, Sở NN&PTNT, Sở GD&ĐT. Những nỗ lực chung của các cấp các ngành trong năm qua đều đáng trân trọng, cho thấy sự quan tâm và đồng hành cùng DN trong quá trình diễn ra và tái khởi động nền kinh tế hậu Covid-19.

Một trong những điểm mới trong bộ chỉ số DDCI Hải Phòng chính là việc lồng ghép các yếu tố phát triển bền vững, bao trùm trong đánh giá chất lượng điều hành kinh tế của các cơ quan nhằm đảm bảo hài hòa các mục tiêu phát triển, phản ánh nguyên tắc “không bỏ ai lại phía sau”. DDCI đã đưa ra chỉ tiêu đánh giá các chương trình hỗ trợ tới các DNNVV, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và các mô hình kinh doanh mới. Qua kết quả nhận về, có 66,1% DN/HTX cho rằng các Sở, ban, ngành đã quan tâm và có nhiều chương trình hỗ trợ.

Biểu đồ 3.16. Điểm số của chỉ tiêu “Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lí và hiệu quả nhằm hỗ trợ các DN/HTX trong trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (Ví dụ dịch Covid-19)”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

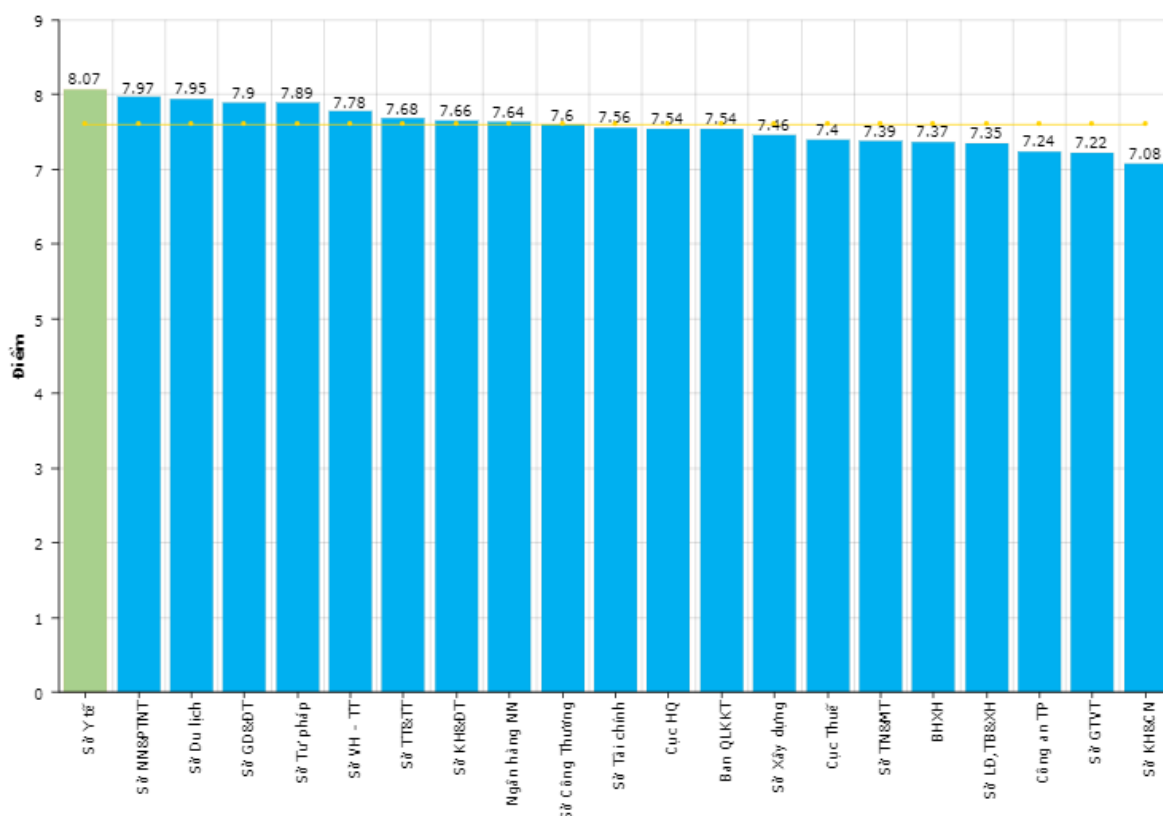
Tổng kết lại, DN/HTX cho rằng các Sở, ban ngành vẫn còn thiếu tích cực chủ động đưa ra các sáng kiến trong triển khai hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Việc thiết kế, thực hiện các chương trình hỗ trợ đã là một điểm nhấn quan trọng, song nâng cao hiệu quả, để các chương trình thực sự hữu ích theo quan điểm của các DN/HTX là yếu tố then chốt. Các Sở, ban, ngành cần nhìn nhận thực tế, tích cực, chủ động và tăng tính cam kết, hiệu quả, có nhiều hành động cụ thể hơn cho các chương trình hỗ trợ DN/HTX trong những năm tiếp theo, đặc biệt cần có những giải pháp hỗ trợ ưu tiên, công bằng cho các nhóm đối tượng khác nhau.

3.2.8. Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí

Triển khai và thực hiện các văn bản chính sách và quy phạm pháp luật, quy hoạch và thiết chế pháp lí đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch là một trong những yêu cầu quan trọng đối với tất cả các Sở, ban, ngành, đặc biệt là tạo thuận lợi cho DN/HTX tuân thủ quy định pháp luật. Do đó, chỉ số này được xây dựng nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật cũng như cơ chế xử lý những phản ánh, khiếu nại của các Sở, ban, ngành dựa trên chức năng quản lý, nhiệm vụ tương ứng.

Trong bảng xếp hạng DDCI Sở, ban, ngành 2020 của Hải Phòng, chỉ số “Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí” là CSTP nhận được nhiều đánh giá tích cực từ cộng đồng doanh nghiệp. Điểm số trung bình cho chỉ số này là 7,58 điểm, đứng thứ 5/9 CSTP. Trong đó, điểm số cao nhất thuộc về Sở Y tế với 8,07 điểm và là cơ quan duy nhất đạt mức “tốt” ở chỉ số này với phần lớn các chỉ tiêu đều được DN/HTX đánh giá khá tốt. Công an thành phố, Sở GTVT và Sở KH&CN chưa cho thấy hiệu quả tốt trong công tác triển khai các chính sách, văn bản pháp luật và chất lượng giải quyết các vấn đề cho DN/HTX. Quan sát phân bố điểm số, có thể thấy rằng sự bám đuổi điểm số xuất hiện tập trung ở phân khúc giữa bảng xếp hạng với khoảng cách điểm số chênh lệch không đáng kể.

Biểu đồ 3.17. Điểm số CSTP “Hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lí”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

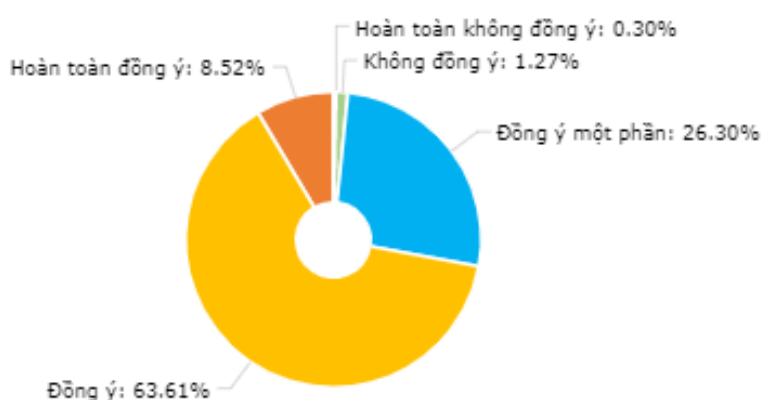
Chỉ tiêu “hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do Sở, ban, ngành triển khai và thực thi” là một chỉ tiêu đơn giản nhằm đánh giá xem các luật và quy định nhà nước được các Sở, ban, ngành thực thi như thế nào. Chỉ tiêu này nhận được nhiều phản hồi tích cực từ phía DN/HTX khi có gần 59,54% DN/HTX cho biết việc triển khai và thực thi hiệu quả. Sở NN&PTNT, Sở Y tế, Sở GD&ĐT và Sở VH&TT đạt tỉ lệ này là khoảng 72%. Ở một thái cực khác, các cơ quan như Sở GTVT, Công an thành phố, Sở KH&CN và Sở LĐ-TB&XH chỉ có chưa tới một nửa số DN/HTX trả lời tương tự.

Một trong những yếu tố làm nên thành công ở các cơ quan có điểm chỉ số cao là các cơ quan này đã tích cực trong hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật. Chỉ tiêu này tiếp tục nhận được 59,3% DN/HTX đánh giá hiệu quả. Tính hiệu quả của một số cơ quan tiếp tục được đánh giá triển khai tốt như Sở NN&PTNT, Sở Y tế, Sở GD&ĐT và Sở VH&TT.

Nội hàm của thiết chế pháp lý trong phạm vi khảo sát DDCI là đánh giá cơ chế giải quyết các khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN/HTX tới các Sở, ban, ngành. Khảo sát DDCI đưa ra một số

nhận định thông qua đánh giá cảm nhận của DN với 5 mức độ từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý”. Phần lớn DN/HTX cho biết các cơ quan ở thành phố đã giải quyết tương đối tốt các vấn đề, khó khăn của DN/HTX. Cụ thể, có 72,63% đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định “Sở, ban, ngành luôn hỗ trợ pháp lý cho các DN/HTX khi có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”. Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo cũng được hơn 71% DN/HTX cho biết là kịp thời, thỏa đáng, minh bạch, công bằng và đúng pháp luật. Tuy vậy, không phải lúc nào các phản ánh, khiếu nại của DN/HTX cũng được giải quyết tốt nên khảo sát DDCI tiếp tục hỏi các DN/HTX có cần phải khiếu nại, tố cáo vượt cấp không. Kết quả nhận về là có tới 74,06% DN/HTX cho biết không phải thực hiện khiếu nại, tố cáo lên các cấp cao hơn song vẫn còn 2,68% DN/HTX chia sẻ rằng thực tế các Sở, ban, ngành chưa giải quyết được mà phải trình lên các cấp cao hơn để giải quyết. Nhìn chung, niềm tin của DN/HTX về cơ chế xử lý vướng mắc, khó khăn, kiến nghị của các Sở, ban, ngành cũng được củng cố qua tỉ lệ DN/HTX hài lòng về cách thức giải quyết.

Biểu đồ 3.18. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo minh bạch, công bằng”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Có thể thấy, hiệu lực thực thi văn bản chính sách và thiết chế pháp lý được DN/HTX đánh giá nhiều chỉ tiêu tương đối tốt nhưng điểm số trung bình không có sự nổi bật sắc nét, rõ ràng cho thấy chất lượng thực thi vẫn chưa đạt kì vọng của DN/HTX. Thời gian tới, các Sở, ban, ngành cần có thêm nhiều sáng kiến để cải thiện chỉ số này.

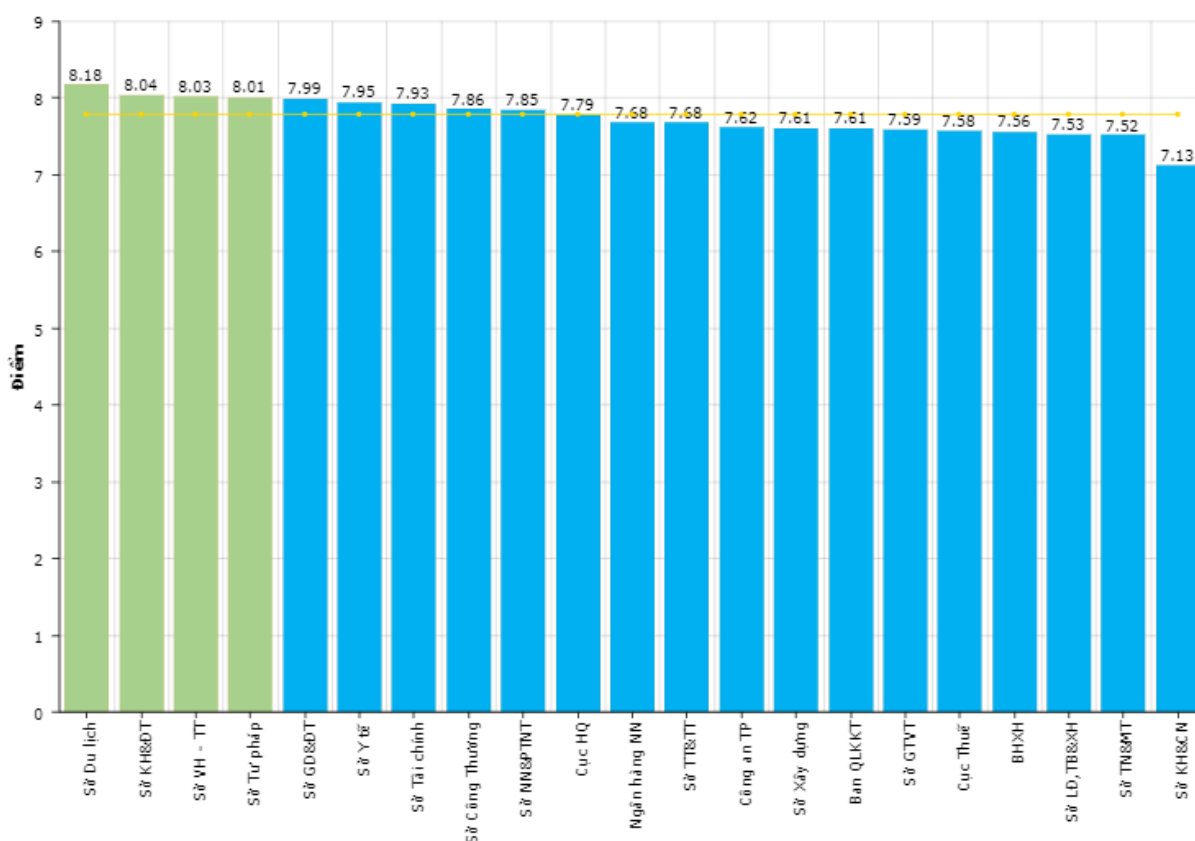
3.2.9. Vai trò của người đứng đầu Sở, ban, ngành

Vai trò của người đứng đầu ở Sở, ban, ngành là yếu tố hàng đầu trong việc dẫn dắt, là động lực cải cách của các cơ quan. Lãnh đạo tiên phong, có tinh thần trách nhiệm cao sẽ thúc đẩy các hoạt động cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thực hiện chương trình, chính sách pháp luật hiệu quả, tạo điều kiện cho DN/HTX. Chỉ số này đo lường tính năng động, tích cực của cán bộ lãnh đạo trong quá trình điều hành cũng như việc hỗ trợ giải quyết các vướng mắc cho khu vực DN/HTX.

Vai trò của cán bộ lãnh đạo là CSTP được đánh giá khá tích cực trong năm qua khi đạt 7,75 điểm, đứng thứ 3/9 CSTP. Điểm lạc quan nhất khi phân tích điểm số của CSTP này là sự đồng đều về điểm số ở các chỉ tiêu trong chỉ số này. Điều đó đã góp phần rất lớn vào công cuộc cải cách và nâng cao năng lực cạnh tranh chung của toàn thành phố, cũng chính là thành công của nhiều Sở, ban, ngành tại Hải Phòng trong năm vừa qua. Những thành công trên là kết quả của việc xác lập được cơ chế đánh giá trách nhiệm người đứng đầu các Sở, ban, ngành và quận, huyện trong thực hiện cải cách hành chính đi kèm với việc đổi mới công tác kiểm tra hoạt động này tại các đơn vị trong thành phố triển khai trong suốt thời gian qua.

Trong bảng xếp hạng giữa các Sở, ban, ngành, có thể thấy rõ sự phân cấp trong điểm số với 2 nhóm điểm chính. Nhóm xếp hạng “tốt” gồm Sở Du lịch (8,18 điểm), Sở KH&ĐT (8,04 điểm), Sở VH&TT và Sở Tư pháp, còn lại 17 cơ quan có mức điểm dưới 8 điểm, thuộc nhóm xếp hạng “khá”. Đứng cuối là vị trí của Sở KH&CN với 7,13 điểm. Khoảng cách giữa vị trí đứng đầu và cuối bảng xếp hạng là 1,05 điểm nhưng cách biệt ở nhóm xen giữa bảng điểm lại không quá lớn. Điều này cho thấy tuy còn sự khác nhau về tính năng động và vai trò của lãnh đạo ở các Sở, ban, ngành theo cảm nhận của các DN/HTX nhưng lại có sự bám đuổi gay gắt về mặt điểm số, chính điều này sẽ giúp các cơ quan có thêm nhiều cơ hội để tịnh tiến lên nấc điểm mới vào nhóm chất lượng “tốt”, đồng thời góp phần lớn vào việc kéo bảng điểm xếp hạng chung của các Sở, ban, ngành thành phố lên nhóm điểm tích cực hơn.

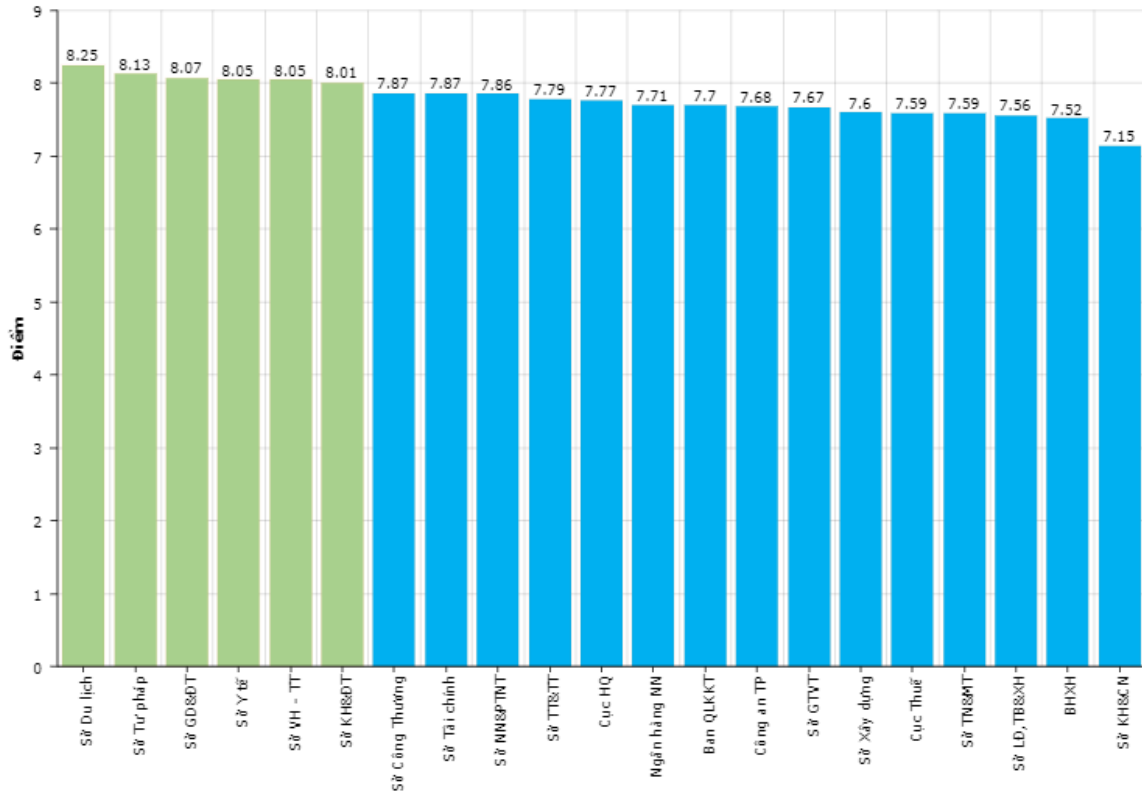
Biểu đồ 3.19. Điểm số CSTP “Vai trò của người đứng đầu Sở, ban, ngành”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Chỉ số vai trò của cán bộ lãnh đạo bao gồm 06 chỉ tiêu chính. Trong đó, lãnh đạo các Sở, ban, ngành cũng có vai trò ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT, đổi mới sáng tạo, công tác cải cách hành chính và quy trình quản lý. Đánh giá về chỉ tiêu này, có 78,2% DN/HTX đánh giá tốt về sự tích cực, năng động và tính quyết định trong công cuộc đổi mới, sáng tạo ở các cơ quan. Điều này cũng thể hiện rõ ở tỉ lệ DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định “lãnh đạo Sở, ban, ngành thể hiện tinh thần dám nghĩ dám làm và chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh mới” là 76,83%. Những nỗ lực của lãnh đạo các cơ quan là đáng khích lệ và đã được cộng đồng dân doanh ghi nhận tích cực, đặc biệt đặt trong bối cảnh chuyển đổi mới thì tinh thần tiên phong, năng động và sáng tạo không những là chỉ tiêu ghi điểm đối với các DN/HTX mà còn thể hiện rõ tinh thần giữ và truyền lửa cải cách ở các cơ quan.

Biểu đồ 3.20. Điểm số chỉ tiêu “Tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi nhằm giải quyết các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Để phân tích chi tiết hơn, khảo sát DDCI đã yêu cầu DN/HTX nêu rõ cảm nhận về mức độ tham gia và tổ chức công tác đối thoại và giải quyết các vấn đề cho DN/HTX của lãnh đạo các Sở, ban, ngành mà DN/HTX có hiểu biết và từng làm việc. Kết quả cho thấy những dấu hiệu khá tích cực khi có 76,1% DN/HTX cho biết lãnh đạo các Sở, ban, ngành đã có hành động cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề của DN/HTX nhanh chóng và triệt để. Đối với các trường hợp gây những nhiễu, khó khăn cho DN/HTX, 75,19% DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc lãnh đạo đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp trên. Đặc biệt, trong quá trình điều hành của mình, tỉ lệ DN/HTX đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định “lãnh đạo gần gũi, thân thiện, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của DN/HTX” là 75,4%.

DDCI dành sự quan tâm đến hoạt động đối thoại ở các cấp chính quyền. Bởi vì đối thoại là cơ hội để các DN/HTX tiếp cận những quy định, chính sách mới một cách nhanh chóng và đầy đủ, đồng thời cũng giúp các lãnh đạo của các cơ quan nắm bắt được thực tế hoạt động của khu vực dân doanh, kịp thời đưa ra những giải pháp thiết thực nhất. Khảo sát DDCI Sở, ban, ngành đặt ra câu hỏi cho các DN/HTX đánh giá về sự tham gia của lãnh đạo vào đối thoại với DN/HTX. 76,08% DN/HTX cho biết lãnh đạo các Sở, ban, ngành đã tích cực tham gia và thực hiện các cam kết một cách đầy đủ và nghiêm túc. Thực tế cũng cho thấy hàng tháng, hàng quý, thành phố Hải Phòng đều thông báo tổ chức gặp mặt đối thoại DN với sự tham gia đầy đủ của nhiều lãnh đạo Sở, ban, ngành. Tại các buổi đối thoại này, lãnh đạo thành phố đã chỉ đạo sâu sát và yêu cầu sự phối hợp giải quyết của nhiều Sở, ban, ngành tham gia, qua đó nhiều vấn đề “nóng” của DN đã được gỡ bỏ và thông báo tới DN, tạo ra nguồn hỗ trợ lớn cho DN. Tích cực tham gia các hoạt động đối thoại là chỉ dấu quan trọng minh chứng về tính năng động và trách nhiệm của cán bộ lãnh đạo, nhằm hướng tới xây dựng nhà nước kiến tạo và phát triển, do đó các cơ quan khi tham khảo bộ

chỉ số này cũng cần phải lưu ý về các chỉ tiêu liên quan tới hoạt động trên để có giải pháp cải thiện cụ thể.

Trong bảng xếp hạng giữa các Sở, ban, ngành, những Sở, ban, ngành như Sở Du lịch, Sở KH&ĐT, Sở Y tế, Sở VH&TT trong năm vừa qua được đánh giá khá tốt trong việc lãnh đạo đã có nhiều giải pháp linh hoạt ứng phó trước tình hình dịch Covid-19 diễn ra phức tạp, đồng thời đảm bảo mục tiêu kép mà Chính phủ đề ra: vừa phòng, chống dịch bệnh hiệu quả vừa đảm bảo an toàn cho sản xuất, kinh doanh. Theo đánh giá từ cộng đồng DN/HTX, các chỉ tiêu về vai trò lãnh đạo ở các Sở, ban, ngành nhìn chung đạt mức điểm trên 7,7 điểm. Dễ dàng nhận thấy tính năng động và vai trò lãnh đạo của cán bộ lãnh đạo là một CSTP còn nhiều dư địa để cải thiện và hoàn toàn có thể cải thiện. Bằng chứng là qua các con số thống kê có thể thấy niềm tin của cộng đồng DN/HTX vào sự lãnh đạo của các Sở, ban, ngành là khá lớn.

Một lộ trình mới của một nhiệm kỳ mới ở các cấp chính quyền đang bắt đầu và một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội XIII Đảng Cộng sản Việt Nam đưa ra chính là “người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”⁵, chủ đề của Đại hội XVI Đảng bộ thành phố Hải Phòng nhiệm kỳ 2020-2025 cũng nhấn mạnh vào nội dung “Đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo”⁶ tiếp tục cho thấy vai trò của người lãnh đạo ở các cơ quan là lực đẩy quan trọng trong cải cách ở các cơ quan, đáp ứng được kì vọng của cộng đồng DN/HTX ở thành phố, đặc biệt là mong chờ sự cải thiện tích cực của nhóm cơ quan đang ở cuối bảng xếp hạng. Để vượt qua giai đoạn “trầm lắng”, lan tỏa không khí phát triển mới với những đột phá mạnh mẽ, sự thay đổi trên phụ thuộc nhiều vào tư duy dám thay đổi của lãnh đạo các cấp chính quyền tại thành phố.

⁵ <http://baochinhphu.vn/Hoat-dong-cua-lanh-dao-Dang-Nha-nuoc/Toan-van-Nghi-quyet-Dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-XIII-cua-Dang/424240.vgp>

⁶ <https://haiphong.gov.vn/tin-tuc-su-kien/Dai-hoi-Dang-XIII-Hai-Phong-khang-dinh-vai-tro-dong-luc-phat-trien-56377.html>

DDCI 2020

NĂNG LỰC CẠNH TRANH SỞ, BAN, NGÀNH



Điểm số DDCI 2020
trung bình Sở, ban, ngành

77,49



Sở NN
& PTNT

70,09



Sở KH&CN

CÁC CHỈ SỐ CẦN CẢI THIỆN

Chi phí không chính thức là
chỉ số đạt điểm **cao nhất**

8,16
Điểm



Hỗ trợ sản xuất kinh doanh
(7,0 điểm)

20,98% DN/HTX cho biết là
“không được mời” tham gia các
chương trình hỗ trợ



Gia nhập thị trường và hoạt
động cấp phép (6,87 điểm)

81,07% DN/HTX đánh giá chi
phí không chính thức có xu thế giảm

17,41% DN/HTX phải mất từ 1-3
tháng để hoàn tất tất cả các thủ tục
trước khi chính thức đi vào hoạt động



04

**CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP
ĐỊA PHƯƠNG**



CHƯƠNG 4.

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Điểm số và xếp hạng DDCI cấp địa phương

Dựa trên phương pháp luận về xây dựng bộ chỉ số DDCI cấp địa phương, mỗi chỉ tiêu đã được chuẩn hóa theo thang điểm từ 1-10, sau đó điểm chỉ số thành phần được tính trên điểm trung bình của tất cả các chỉ tiêu. Sau khi các chỉ số thành phần (CSTP) được chuẩn hóa, điểm số tổng hợp DDCI sẽ được chuẩn hóa về thang điểm 100 và phân nhóm để xếp hạng các địa phương. Điểm số DDCI và xếp hạng các địa phương được xác định dựa trên các CSTP.

Điểm số chi tiết của các CSTP của DDCI cấp địa phương 2020 được thể hiện ở bảng 3.1 (thang điểm 10). Biểu đồ 3.1 thể hiện điểm số và thứ hạng của các địa phương theo thang điểm 100. Hình 3.1 minh họa bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế của DDCI cấp địa phương tại Hải Phòng. Cụ thể theo thang điểm 100, điểm số của các địa phương được phân nhóm như sau:

- ❖ Nhóm “tốt” là những địa phương có điểm số từ 80,00 điểm trở lên. Kết quả DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2020 ghi nhận 3 địa phương nằm trong nhóm điều hành “tốt”. Trong đó, huyện Bạch Long Vĩ đã trở thành địa phương dẫn đầu bảng xếp hạng với 88,63 điểm. Đứng thứ hai trong bảng xếp hạng là huyện Cát Hải với 83,03 điểm. Huyện Tiên Lãng ở vị trí thứ 3 với 81,88 điểm là địa phương cuối cùng thuộc nhóm “tốt”.
- ❖ Nhóm “khá” là những địa phương có điểm số từ 70,00 tới dưới 80,00 điểm, bao gồm 12 địa phương còn lại: Huyện An Lão đứng ở vị trí thứ tư tiệm cận rất gần với thang điểm “tốt” với 79,68 điểm. Tiếp theo ngay sau cũng với chênh lệch không quá lớn là quận Đồ Sơn với 78,55 điểm và huyện Thủy Nguyên đứng thứ 6 với 77,83 điểm. Quận Lê Chân đứng ở vị trí

thứ 7 với 75,66 điểm. Hai vị trí tiếp theo thứ 8 và 9 là huyện An Dương với 74,62 điểm và quận Hải An với 74,22. Cùng ở mức điểm 73 điểm là 4 quận, huyện với chênh lệch không quá lớn là huyện Vĩnh Bảo (73,73 điểm), quận Kiến An (73,49 điểm), quận Dương Kinh (73,39 điểm) và quận Ngô Quyền (73,36 điểm). Huyện Kiến Thụy đạt 72,36 đứng thứ 14/15 địa phương và ở vị trí cuối bảng là quận Hồng Bàng với 72,12 điểm.

Xét một cách tổng thể, cách biệt giữa địa phương đứng đầu bảng xếp hạng và cuối bảng xếp hạng là 16,51 điểm, cho thấy sự chênh lệch khá lớn trong đánh giá của các HKD với các địa phương. Trong khi đó, khoảng cách điểm số giữa các địa phương thuộc nhóm “khá” tương đối sát sao, cho thấy sự đồng đều trong quá trình điều hành nói chung ở nhóm này. Mặc dù vậy, vẫn cần có động lực cải cách mạnh mẽ hơn nữa từ các địa phương để có thể vươn lên trong bảng xếp hạng, tiến vào nhóm điều hành “tốt” với điểm số cải thiện hơn.

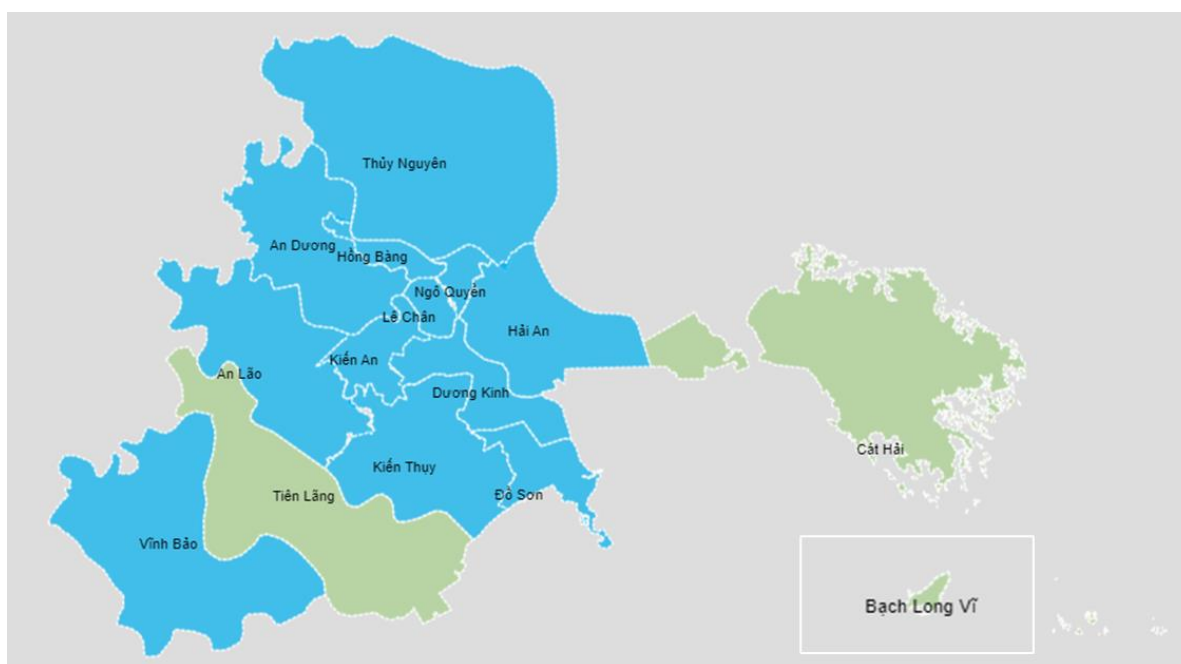
Điểm số trung bình DDCI cấp địa phương của toàn thành phố năm 2020 là 76,84 điểm, ở thang điểm “khá” do phần lớn các địa phương thuộc nhóm điểm này. Trong 10 CSTP, nhóm chỉ số đạt điểm “tốt” gồm chi phí không chính thức đạt 8,47 điểm, vai trò của người đứng đầu đạt 8,08 điểm, hiệu quả thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự đạt 8,06 điểm và cạnh tranh bình đẳng đạt 8,04 điểm. Chiều ngược lại là nhóm chỉ số chưa được đánh giá tốt là hỗ trợ SXKD đạt 6,96 điểm và chỉ số thấp điểm nhất là tính minh bạch thông tin và ứng dụng CNTT đạt 6,94 điểm.

Bảng 4.1. Điểm số CSTP theo DDCI cấp địa phương năm 2020 (theo thang điểm 10)

Chỉ số thành phần	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ
Gia nhập thị trường & cấp phép	7.12	7.03	7.4	7.51	6.86	6.75	6.97	7.69	7.16	7.14	6.94	7.61	7.01	7.9	7.63
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	6.62	6.99	6.85	6.82	6.91	7.21	6.95	7.23	5.95	7.54	6.64	7.69	6.76	6.91	7.04
Tính năng động của địa phương	6.93	7.29	7.17	7.25	7.25	7.61	7.11	7.39	7.48	8.02	6.89	8.1	7.03	7.93	8.48
Chi phí TG thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7.2	7.29	7.53	7.58	7.17	7.99	7.54	8.04	7.69	7.86	7.27	8.34	7.33	8.84	8.8
Chi phí không chính thức	8.34	7.6	8.26	8.14	7.9	9.02	8.05	8.97	8.44	8.32	8.47	9.06	8.46	8.72	9.29
Cạnh tranh bình đẳng	7.58	7.62	7.75	7.58	7.3	8.03	7.86	7.86	7.81	8.53	7.48	8.32	7.73	9.24	9.92
Hỗ trợ SXKD	6.19	6.81	6.95	6.64	6.5	7.73	6.44	7.32	6.58	7.45	5.95	7.66	6.81	7.63	7.74
Hiệu lực của thực thi chính sách, thiết chế pháp lý & ANTT	7.38	7.58	7.88	7.49	7.8	8.06	7.95	8.1	8.11	8.26	7.54	8.17	7.57	8.96	9.98
Vai trò người đứng đầu tại địa phương	7.53	7.67	7.98	7.63	8.09	8.12	7.42	7.68	8.1	8.62	7.59	8.45	7.7	8.77	9.93
Tiếp cận đất đai	7.23	7.48	7.89	7.58	7.71	8.03	7.1	7.55	7.3	7.94	7.59	8.48	7.33	8.13	9.82
TỔNG (thang điểm 10)	7.21	7.34	7.57	7.42	7.35	7.86	7.34	7.78	7.46	7.97	7.24	8.19	7.37	8.3	8.86

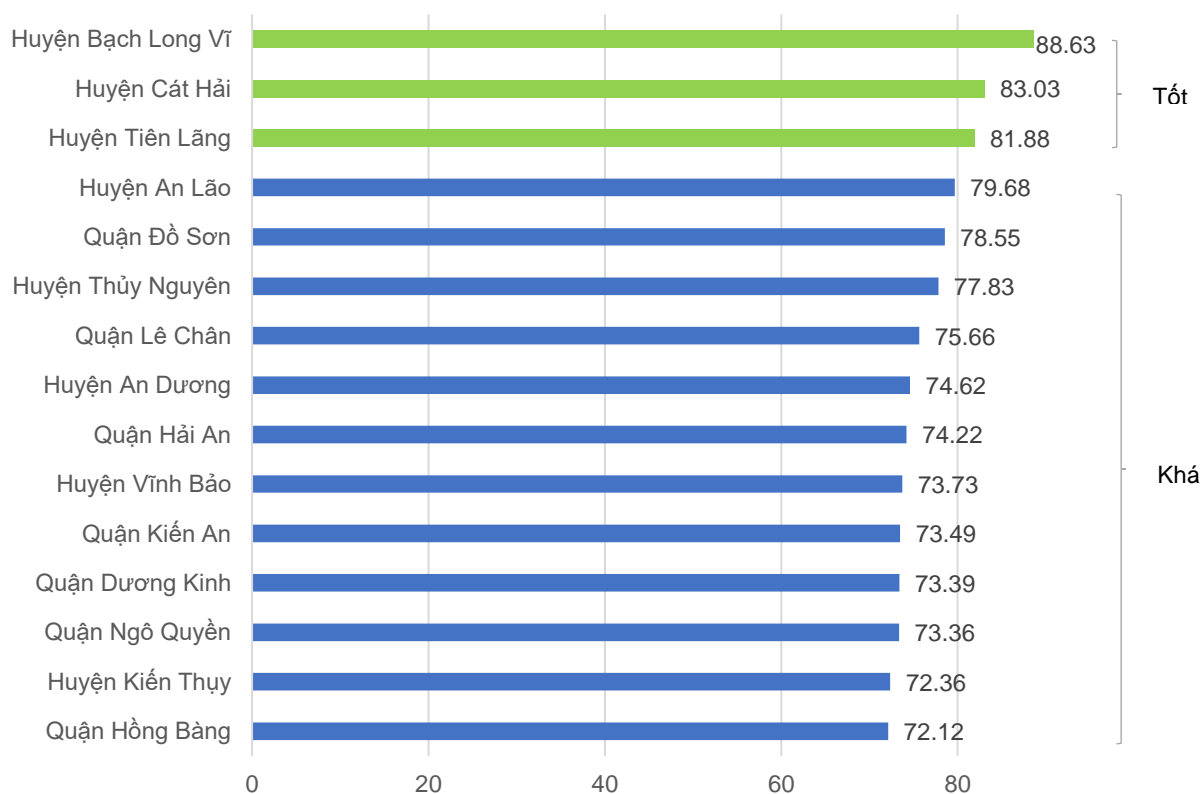
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Hình 4.1. Bản đồ phân nhóm năng lực điều hành kinh tế theo DDCI cấp địa phương năm 2020



Biểu đồ 4.1. Thứ hạng và điểm số DDCI cấp địa phương năm 2020

(theo thang điểm 100)



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

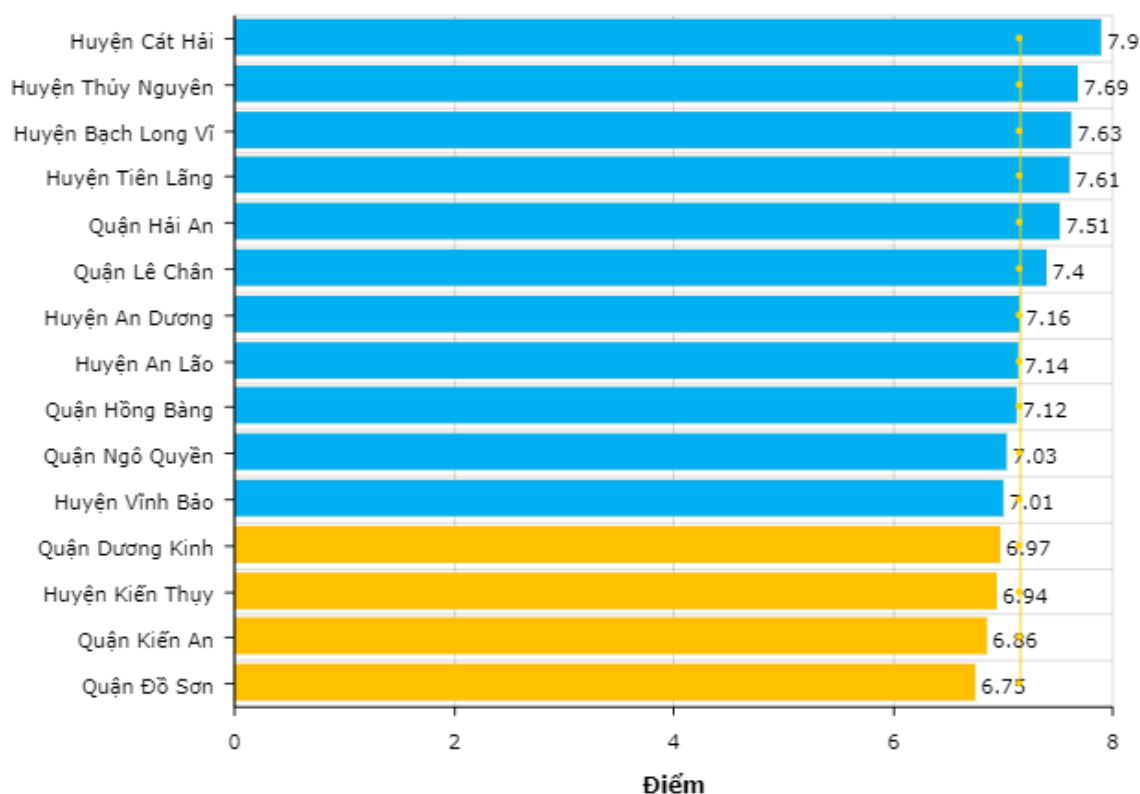
4.2. Hồ sơ DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần

4.2.1. Gia nhập thị trường và hoạt động cấp phép

Đơn giản hóa quy trình gia nhập thị trường cho các HKD là một trong những mục tiêu quan trọng mà các địa phương đang nỗ lực triển khai. Với mục tiêu tiếp tục cắt giảm thời gian và chi phí, các địa phương đang đẩy mạnh cải cách TTHC ở tất cả các cấp, lấy các HKD làm trung tâm cải cách để có những giải pháp tháo gỡ các rào cản gia nhập thị trường cho các HKD trên địa bàn thành phố. Chỉ số “Gia nhập thị trường và cấp phép” trong DDCI không chỉ đơn thuần đánh giá quy trình đăng kí kinh doanh mà còn mở rộng nội dung với hàm ý đánh giá về hoạt động gia nhập thị trường của các HKD mới từ đăng kí kinh doanh đến xin cấp đất, mặt bằng kinh doanh và nhận được các loại giấy phép đủ điều kiện kinh doanh, hoàn tất các thủ tục cần thiết để bắt đầu tiến hành hoạt động kinh doanh.

Nhìn trên bình diện điểm số của 10 CSTP, chỉ số gia nhập thị trường và cấp phép đạt trung bình 7,25 điểm, đứng 8/10 chỉ số. Mức điểm “khá” này cho thấy gia nhập thị trường đối với các HKD ở Hải Phòng vẫn là điểm “nghẽn”, còn nhiều rào cản chưa được gỡ bỏ để tạo thuận lợi trong quá trình thực hiện các thủ tục đăng kí. Ở chỉ số này, không có địa phương nào được đánh giá ở phổ điểm “tốt” cho dù huyện Cát Hải đứng đầu toàn thành phố với 7,9 điểm, tiệm cận rất gần với mức điểm “tốt”. Tiếp theo là 5 địa phương có mức điểm cao trên trung vị là các quận, huyện Thủy Nguyên, Bạch Long Vĩ, Tiên Lãng, Hải An và Lê Chân. Còn lại là các địa phương thấp hơn trung vị, trong đó 4 quận, huyện Dương Kinh, Kiến Thụy, Kiến An và Đồ Sơn đang ở nhóm cuối của bảng điểm, thuộc nhóm điểm “trung bình khá” khi nhiều HKD cho biết vẫn còn nhiều khó khăn trong quá trình gia nhập thị trường. Chênh lệch điểm số giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối là 1,15 điểm, các địa phương đều không có sự vượt trội nào nổi bật trong chỉ số này khi cách biệt điểm số không quá lớn.

Biểu đồ 3.2. Điểm số CSTP “Gia nhập thị trường và cấp phép”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Một trong những nguyên nhân dẫn đến chỉ số gia nhập thị trường và cấp phép có điểm số thấp là thời gian tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục đăng kí/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (lần đầu hoặc điều chỉnh) vẫn đang mất khá nhiều thời gian của các HKD. Cụ thể, chỉ có khá thấp (11,19%) HKD mất dưới 1 ngày để tìm hiểu, còn lại 35,42% HKD mất 1-2 ngày và 23,25% dành ra 3-4 ngày để tìm hiểu thủ tục, quy trình. Đáng lưu ý là tỉ lệ HKD phải mất hơn 5 ngày để tìm hiểu cũng tương đối cao khi ghi nhận ý kiến của hơn 30% HKD. Trong đó, tỉ lệ HKD mất hơn 7 ngày chiếm tới 14,52%. Đặc biệt, tỉ lệ này còn khá cao ở một số quận, huyện như An Dương, Kiến Thụy, Đồ Sơn và Ngô Quyền. Điều này cho thấy việc cung cấp và phổ biến thông tin về quy trình gia nhập thị trường của các cơ quan chính quyền địa phương cần phải rõ ràng, dễ hiểu, dễ tìm kiếm hơn cho các HKD, đặc biệt là với các HKD nhỏ lẻ có khả năng tiếp cận thông tin kém hơn.

Mặc dù vậy, những kết quả tích cực cũng được ghi nhận ở chỉ tiêu số lần đi lại để hoàn thành bộ hồ sơ và nhận được giấy chứng nhận đăng kí HKD/giấy phép kinh doanh. Theo kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương, phần lớn các HKD không phải đi lại nhiều lần để có được giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện. Hơn 83% HKD cho biết họ chỉ cần đi từ 1-2 lần để hoàn thành bộ hồ sơ. Tỉ lệ đúng ngày trên giấy hẹn là có được giấy tờ là 85,01% tổng số HKD được khảo sát, hơn thế nữa tỉ lệ HKD có được giấy kinh doanh trước giấy hẹn là 1,39%. Tuy nhiên vẫn còn 10,42% HKD cho biết họ phải mất thêm 1 lần đi lại nữa mới có được giấy đăng kí. Các con số trên cũng phản ánh khá tương đồng về kết quả trả TTHC của đa số các địa phương năm 2020 đều đúng hẹn với tỉ lệ lên tới 88%⁷.

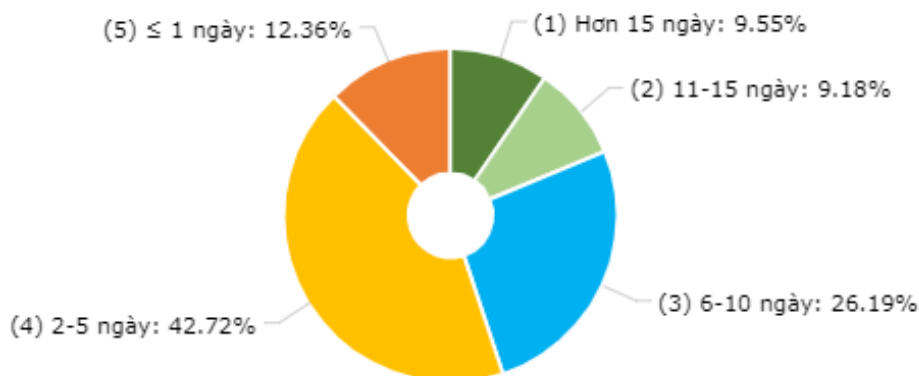
Đi sâu vào phân tích từng lĩnh vực đăng kí cụ thể, khảo sát DDCI Hải Phòng cũng cho thấy sự khác biệt giữa các lĩnh vực theo đánh giá của các HKD. Cụ thể so sánh quy trình thực hiện các TTHC để có được các loại giấy phép, các HKD cho rằng quy trình có được giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh (7,42 điểm) và giấy chứng nhận các quy định an toàn thực phẩm (7,13 điểm) dễ dàng hơn so với giấy phép xây dựng (7,06 điểm), giấy phép thực hiện quy định về tài nguyên - môi trường (7 điểm), giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (7,09 điểm). Điều này cho thấy ngoài giấy đăng kí kinh doanh thì một số giấy phép về điều kiện kinh doanh ở một số lĩnh vực vẫn còn là rào cản với nhiều HKD.

Thực tiễn cho thấy mức độ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) và sử dụng nhiều phương thức mới hiệu quả trong thời gian qua đã có nhiều tác động tích cực trong việc gia nhập thị trường khi giúp cắt giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục đăng kí cũng như tạo cơ hội tiếp cận lớn hơn cho các HKD, đặc biệt là các HKD có quy mô nhỏ, xa về mặt địa lý với các cơ quan nhà nước. Việc triển khai ứng dụng CNTT và bổ sung thêm nhiều phương thức mới đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ phía khu vực các HKD khi có tới hơn 98% HKD tham gia khảo sát đồng ý về tính hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công liên quan đến đăng kí các loại giấy tờ, chỉ tiêu này đạt 8,06 điểm.

Thời gian chờ đợi mà các HKD bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục cần thiết trước khi bước vào chính thức hoạt động là chỉ dấu quan trọng, với mục tiêu đo lường chi phí thời gian thực tế mà các HKD phải bỏ ra. Kết quả khảo sát chỉ ra tỉ lệ HKD dành từ 2-5 ngày là cao nhất với 42,72%, 6-10 ngày là 26,19%, hơn 10 ngày là 18,73% và có 12,36% HKD cho biết chỉ mất dưới 1 ngày là xong các thủ tục. Những trở ngại về thời gian chờ đợi này tập trung nhiều ở một số quận, huyện như Bạch Long Vĩ, Đồ Sơn, An Lão, Kiến Thụy.

⁷ Số liệu từ thống kê tình hình thụ lí hồ sơ cấp huyện năm 2020 tại: <http://dichvucong.haiphong.gov.vn/>

Biểu đồ 4.3. Thời gian HKD bỏ ra để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức đi vào hoạt động



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và *Economica Vietnam*, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

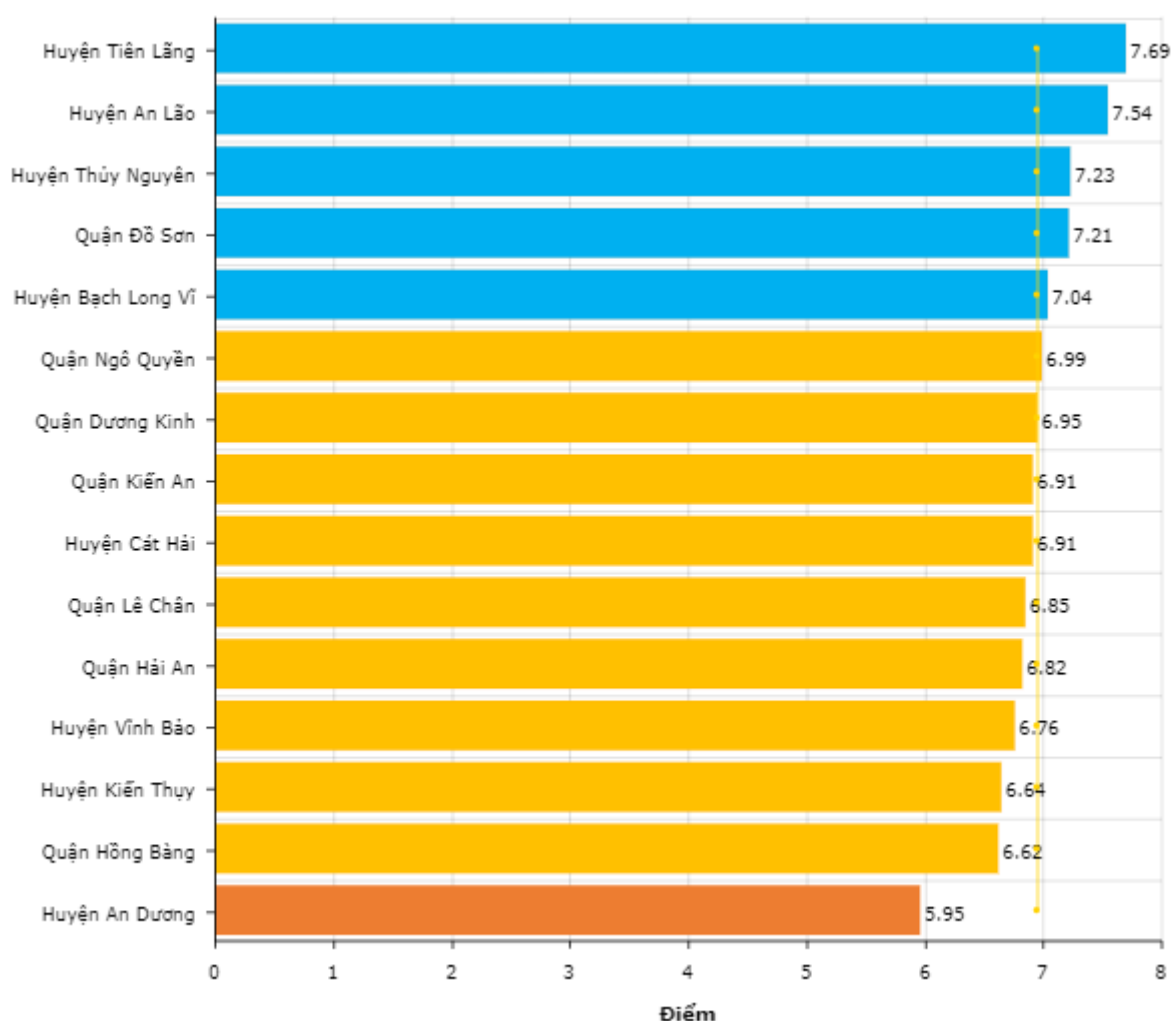
Như vậy, chỉ số này đã bước đầu ghi nhận những nỗ lực cắt giảm thời gian thực hiện các quy trình, thủ tục gia nhập thị trường cho các HKD. Tuy nhiên, dư địa để cải thiện ở chỉ số này là khá lớn nếu các địa phương tiếp tục nỗ lực cải cách, giảm số lần đi lại và thời gian tìm hiểu, chờ đợi vì tỉ lệ các HKD mất nhiều thời gian để có được các loại giấy tờ theo quy định vẫn chiếm tỉ lệ tương đối cao. Việc đơn giản hóa các thủ tục gia nhập, giúp các HKD dễ dàng tiếp cận và hiểu rõ thông tin, quy trình và đẩy nhanh quá trình hoàn tất các thủ tục sẽ giúp các HKD dễ dàng hơn trong gia nhập thị trường, thúc đẩy quá trình chính thức hóa các hoạt động kinh doanh của các HKD trên địa bàn thành phố.

4.2.2. Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin

Chỉ số minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin là một chỉ số quan trọng để đánh giá môi trường đầu tư, kinh doanh có lành mạnh hay không. Điều tra PCI của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng cho đây là một chỉ số cốt lõi khi đánh giá môi trường đầu tư, kinh doanh của các tỉnh tại Việt Nam. Chỉ số này trong DDCI Hải Phòng đề cập tới khả năng tiếp cận các thông tin và chất lượng thông tin được phổ biến tại các địa phương cũng như tính hiệu quả trong ứng dụng CNTT trong cải cách hành chính.

Kết quả điều tra DDCI Hải Phòng 2020 lại cho thấy chỉ số này chưa có nhiều tín hiệu tích cực đáng kể khi các HKD vẫn gặp khá nhiều khó khăn để tiếp cận thông tin. Điểm số trung bình của chỉ số này chỉ ở mức “trung bình khá” với 6,94 điểm, thấp nhất trong 10 CSTP. Bức tranh bao quát của chỉ số này có thể thấy rõ qua gam màu nóng đại diện cho phổ điểm chỉ đạt “trung bình khá” và “trung bình” của phần lớn các địa phương ở thành phố. Năm 2020, DDCI cấp địa phương chỉ ghi nhận 5 địa phương được đánh giá ở nhóm điểm “khá” gồm: huyện Tiên Lãng đứng đầu với 7,69 điểm, huyện An Lão xếp thứ 2 khi đạt 7,54 điểm, huyện Thủy Nguyên ở vị trí thứ 3 đạt 7,23 điểm, quận Đồ Sơn và huyện Bạch Long Vĩ lần lượt ở vị trí thứ 4 và 5 với 7,21 điểm và 7,04 điểm. 10 địa phương còn lại ở nhóm “trung bình khá” với sự bám đuổi khá cạnh tranh, chỉ riêng huyện An Dương là địa phương đang tụt lại thấp hơn với 5,95 điểm khi chưa được đánh giá cao trong cung cấp thông tin từ các HKD. Chênh lệch điểm số giữa địa phương đứng đầu và cuối trong chỉ số này là 1,74 điểm nhưng cách biệt giữa các địa phương trong cùng nhóm điểm không quá cao. Điều này thể hiện có sự khác biệt giữa nhóm đứng đầu và cuối nhưng nhìn chung, chất lượng thông tin mà các HKD tiếp nhận được đều chưa đáp ứng được kì vọng của các HKD ở các địa phương.

Biểu đồ 4.4. Điểm số CSTP “Tính minh bạch và ứng dụng CNTT”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Đánh giá về mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin được coi là quan trọng đối với các HKD ở các địa phương như quy định pháp luật, bản đồ, quy hoạch sử dụng đất, các dự án hạng mục đầu tư, đấu thầu, ngân sách, nhìn chung phản ánh của các HKD đều ghi nhận chủ yếu ở mức “bình thường” với mức điểm dao động dưới mức 7 điểm nhưng vẫn còn sự khác biệt giữa các nhóm thông tin. Đi sâu vào tìm hiểu các khó khăn mà các HKD tiếp cận thông tin, khảo sát DDCI cho thấy các HKD gặp nhiều khó khăn nhất khi tiếp cận thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công (6,27 điểm) có tỉ lệ HKD không thể tiếp cận được lên tới 10,20% và bản đồ, quy hoạch sử dụng đất với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng (6,38 điểm) có tỉ lệ không thể tiếp cận là 8,18%. Nỗ lực của các cơ quan chính quyền trong việc cung cấp thông tin cho người dân, các HKD đã được ghi nhận song các con số về không tiếp cận được các thông tin trên đã cho thấy nhiều khía cạnh đáng quan ngại. Để đáp ứng được những kì vọng từ các HKD, các địa phương cần có những cải cách đột phá hơn nữa, thông tin không những được công khai mà quan trọng là phải hướng đến sự minh bạch, tức là đảm bảo các HKD có thể dễ dàng tìm kiếm, tài liệu sẵn có, dễ hiểu, thân thiện với người sử dụng.

Trong quá trình thực hiện TTHC hoặc các công việc có liên quan ở địa phương, 59,59% các HKD đánh giá chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn khá đầy đủ, rõ ràng, công khai. Đáng chú ý, trong trường hợp các HKD có yêu cầu chính quyền địa phương cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn, tỉ lệ HKD cho biết nhận được đúng thời hạn là 64,64%, 30,01% HKD cho biết khả năng

nhận được nhanh chóng nhưng cũng có 5,35% cho rằng sẽ nhận được khá chậm trễ hoặc không nhận được theo yêu cầu. Ngoài ra, 69,46% các HKD đồng ý/rất đồng ý về nhận định “HKD không cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC”, cho thấy thông tin mà các HKD tiếp cận được tương đối minh bạch, công khai, không cần phải tạo “quan hệ” mới tiếp cận được. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin tiếp tục là những yêu cầu và chỉ tiêu thiết yếu để đảm bảo tính minh bạch.

Sử dụng nhiều phương thức khác nhau nhằm cung cấp các thông tin cần thiết và kịp thời cho các HKD trên địa bàn là một trong những nỗ lực đáng ghi nhận của nhiều địa phương tại thành phố, đặc biệt là tăng cường ứng dụng CNTT, trang web của các địa phương. Tỷ lệ các HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc ứng dụng hiệu quả CNTT của các địa phương trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa khá cao, lên tới 74,35% tổng số HKD trả lời khảo sát. Ngoài ra, các HKD cũng đánh giá cao hiệu quả của việc sử dụng các hình thức khác trong việc cung cấp thông tin như thông báo nơi công cộng, đài phát thanh và các phương tiện điện tử (các mạng xã hội...) với tỷ lệ đồng ý/hoàn toàn đồng ý là 80,35% HKD, đạt 8,05 điểm. Một số địa phương được đánh giá cao ở các chỉ tiêu này như các huyện Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Tiên Lãng, An Lão. Ngược lại một số địa phương chưa đạt được hiệu quả như kì vọng là quận Hồng Bàng, Ngô Quyền. Đặc biệt, việc đã đẩy mạnh thông tin trên trang web và cổng thông tin điện tử được các địa phương đặc biệt quan tâm. Cụ thể, hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành dành cho HKD được phần lớn đánh giá cập nhật đầy đủ và nhanh chóng. Tuy nhiên, việc thực hiện hiệu quả hỏi đáp trực tuyến và công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ý kiến của các HKD lại chưa được nhiều HKD phản ánh hiệu quả khi chỉ có 63,55% HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý, đạt 7,24 điểm. Đáng lưu ý là tại nhiều địa phương, hiệu quả trả lời trực tuyến còn thấp như huyện Bạch Long Vĩ chỉ đạt 5,36 điểm, huyện Cát Hải với 6,06 điểm và huyện Vĩnh Bảo với 6,56 điểm. DDCI cũng tiến hành khảo sát nhanh với các trang web của các địa phương thì phần lớn các địa phương đều đã có chuyên mục hỏi đáp trực tuyến, song gần như không có nhiều nội dung, cho thấy phần nào hiệu quả triển khai chưa tốt, chưa có sự tham gia tích cực từ phía người dân và các HKD.

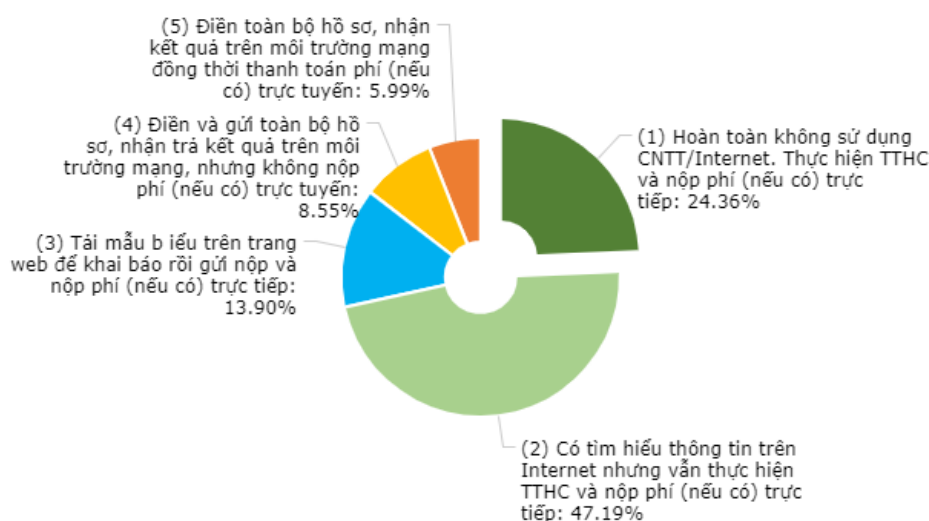
Đánh giá về khả năng chính quyền cấp quận, huyện tích cực trong việc ứng dụng công nghệ và các xu thế kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 trong công tác điều hành, quản lý, các HKD đặt niềm tin khá cao ở hầu hết các địa phương với 74,96% HKD tham gia trả lời, nhất là trong bối cảnh toàn bộ các hoạt động đều bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 thì nhu cầu tăng cường ứng dụng CNTT và các xu thế mới tất yếu. Đặc biệt, việc chuyển đổi từ chính phủ điện tử sang chính phủ số đã cho thấy sự chuyển đổi tư duy quản lý cung cấp dịch vụ từ cung cấp dựa trên nhu cầu của người dân được tăng cường triển khai trong suốt thời gian qua tại Hải Phòng.

Tuy nhiên khảo sát DDCI 2020 cho thấy chỉ 52,25% HKD cho biết thông tin trên trang web hữu dụng, 28,13% cho biết ở mức bình thường còn lại 19,62% HKD phản ánh thông tin chưa có nhiều hữu ích cho họ, đáng quan tâm là tỷ lệ cho rằng không hữu ích lên tới 13%. Tỷ lệ HKD cho rằng “không hữu ích” tập trung cao ở một số địa phương như huyện An Dương (42,19% tổng HKD trả lời tại địa phương), huyện Cát Hải (65,71%) và huyện Bạch Long Vĩ (tỷ lệ này đặc biệt cao lên tới 96%). Điều này cũng phần nào phản ánh việc nâng cấp, cải thiện chất lượng trang web của các cơ quan trong thời gian qua vẫn còn sự hạn chế khi thông tin có công khai nhưng chưa đủ thân thiện, minh bạch, sẵn có, dễ dẫn đến việc các HKD đánh giá thiếu hữu ích.

Một trong những chỉ dấu quan trọng mà DDCI đo lường chính là mức độ ứng dụng CNTT khi thực hiện dịch vụ công của các HKD bởi vì cải cách hành chính theo mô hình chính phủ điện tử, tiếp đến là hướng tới chính phủ số có hiệu quả hay không chính là khi được triển khai hiệu quả đối với các HKD - những người trực tiếp sử dụng dịch vụ. Do đó, khảo sát DDCI đã đặt câu hỏi cho các HKD đánh giá về việc sử dụng CNTT của họ khi làm việc với địa phương. Đáng chú ý là mức độ ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC của các HKD hiện nay còn khá thấp ở hầu hết các địa

phương, chỉ tiêu này có mức điểm rất thấp chỉ đạt 4,39 điểm. Đây cũng chính là chỉ tiêu kéo điểm số chung của chỉ số này xuống khá nhiều. Cụ thể, có tới 24,36% HKD hoàn toàn không sử dụng CNTT/Internet và thực hiện toàn bộ quy trình TTHC trực tiếp, đa phần các HKD (47,19%) có tìm hiểu thông tin trên Internet nhưng vẫn thực hiện TTHC và nộp phí trực tiếp. 13,9% HKD có tải mẫu biểu trên trang web để khai báo rồi gửi nộp và nộp phí (nếu có) trực tiếp. Chỉ có 8,55% HKD điền và gửi toàn bộ hồ sơ, nhận kết quả trên môi trường mạng nhưng không nộp phí (nếu có) trực tuyến và 5,99% HKD điền toàn bộ hồ sơ, nhận kết quả trên môi trường mạng đồng thời thanh toán phí (nếu có) trực tuyến. Điều này cho thấy việc thực hiện TTHC ở các mức độ 3, 4 vẫn còn khá hạn chế với các HKD. Trong thời gian tới, việc đẩy mạnh triển khai chuyển đổi số, Chính phủ số và Cổng thông tin quốc gia đặt ra yêu cầu cho các địa phương cần tích cực khuyến khích sự tham gia của các HKD nhất là các HKD vào quá trình chuyển đổi số này.

Biểu đồ 4.5. Mức độ ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC của các HKD



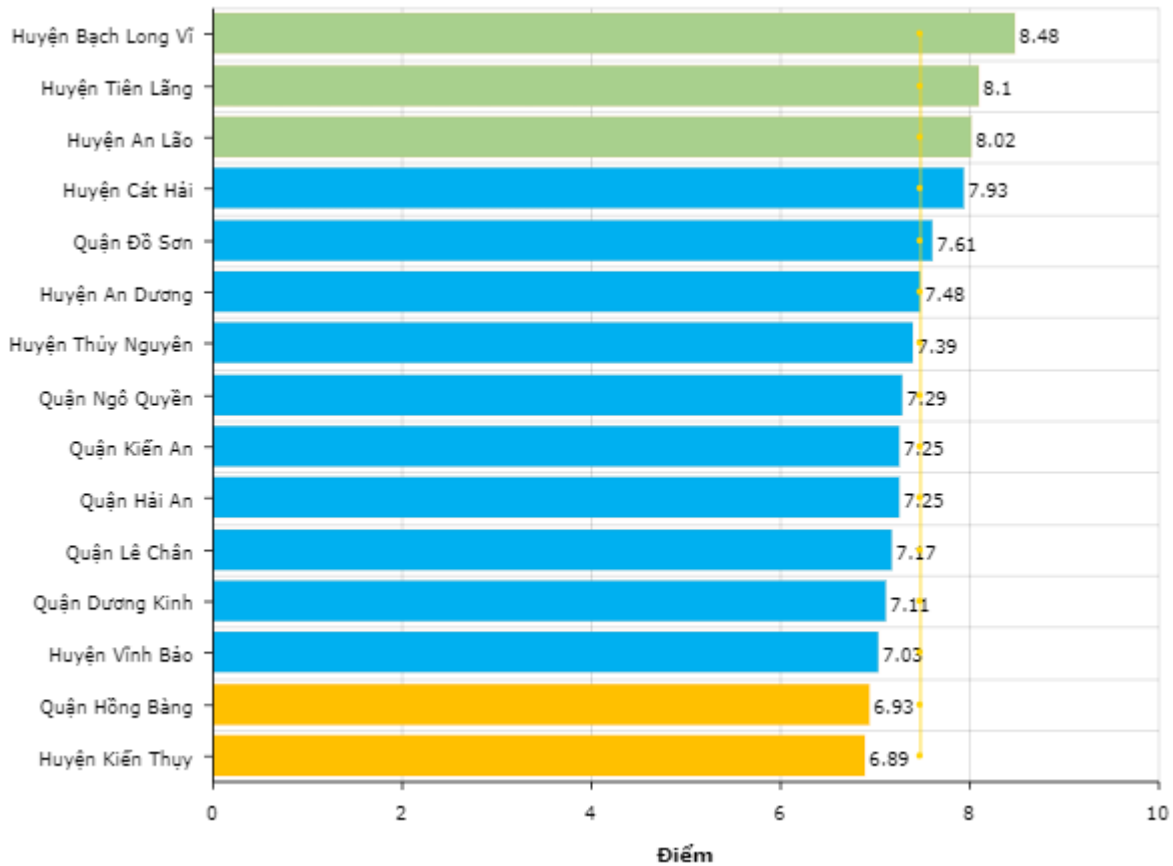
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

4.2.3. Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương

Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương là một trong những CSTP quan trọng bởi ảnh hưởng đến quá trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh tại mỗi địa phương. Nội dung CSTP này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và UBND thành phố, hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các HKD.

Theo kết quả điều tra được tổng hợp, mức độ năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương đạt 7,46 điểm, đứng vị trí thứ 7/10 thuộc nhóm cuối trong 10 CSTP. Khi so sánh giữa các địa phương ở thành phố cũng cho thấy sự khác biệt, nhóm địa phương đạt mức điểm “tốt” gồm huyện Bạch Long Vĩ (8,48 điểm), huyện Tiên Lãng (8,1 điểm) và huyện An Lão (8,02 điểm) với hầu hết các chỉ tiêu được đánh giá ở mức “tốt”. Tiếp sau là 10 địa phương ở mức điểm “khá”, nằm trong dải điểm từ 7 đến dưới 8 điểm. Riêng hai địa phương là quận Hồng Bàng và huyện Kiến Thụy chưa được đánh giá cao ở chỉ số này khi ở nhóm điểm “trung bình khá” nhưng dư địa cải thiện để vươn lên nhóm điểm cao hơn là khá lớn vì tiệm cận rất gần với nhóm điểm “khá”. Cách biệt điểm số giữa nhóm đứng đầu và cuối ở chỉ số này khoảng 1,6 điểm nhưng các địa phương ở nhóm giữa khoảng cách này không quá lớn, cho thấy cảm nhận đồng đều của các HKD ở các địa phương.

Biểu đồ 4.6. Điểm số CSTP “Tính năng động và hiệu lực của chính quyền địa phương”

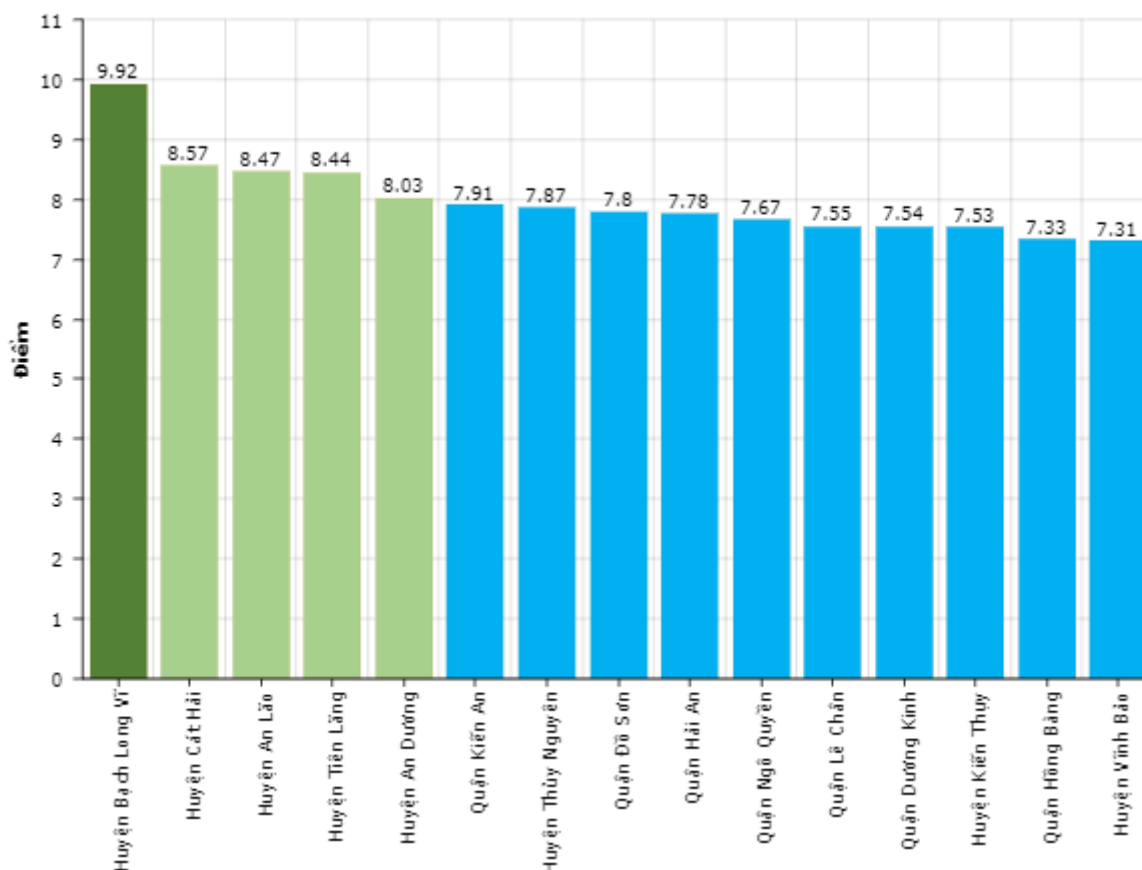


Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Đánh giá mức độ đồng ý của các HKD về các vấn đề liên quan đến tính năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương cho thấy một số điểm tích cực ở chỉ số này. Tiêu biểu, năm 2020 ghi nhận phản ánh của 88,44% các HKD cho biết chính quyền địa phương đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, đạt 8,01 điểm cao nhất trong số các chỉ tiêu được đánh giá. Có 76,12% HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc chính quyền địa phương chủ động tham mưu UBND thành phố các đề xuất/giải pháp hỗ trợ các HKD. Tuy nhiên, tỉ lệ HKD hài lòng về “UBND quận/huyện sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới khi quy định của TW và thành phố chưa rõ ràng” thấp hơn so với các đánh giá trước là 71,46%.

Đặc biệt, khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2020 cũng ghi nhận phản ánh của các HKD về các hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của các cơ quan địa phương khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW và việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng ban cấp địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan, hỗ trợ cho các HKD. Kết quả cho thấy tỉ lệ đồng ý/hoàn toàn đồng ý của các HKD cho rằng không có các hiện tượng trên xảy ra là tương đối cao, khoảng 80% tổng số chủ HKD trả lời. Điểm trung bình và trung vị của các chỉ tiêu trên đang dao động ở mức điểm tiệm cận khá gần với mức điểm “tốt”, cho thấy sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính quyền ở thành phố trong việc chủ động, làm rõ trách nhiệm, không đùn đẩy trách nhiệm và đồng thời tăng kết nối liên thông giữa các cấp chính quyền. Tuy vậy, vẫn còn một số địa phương như quận Hồng Bàng, huyện Vĩnh Bảo cần đẩy lùi các hiện tượng trên, tăng tốc cải thiện mạnh mẽ hơn trong thời gian tới để đáp ứng được yêu cầu của các HKD tại địa phương.

Biểu đồ 4.7. Điểm số chỉ tiêu “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của cơ quan chính quyền địa phương khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”

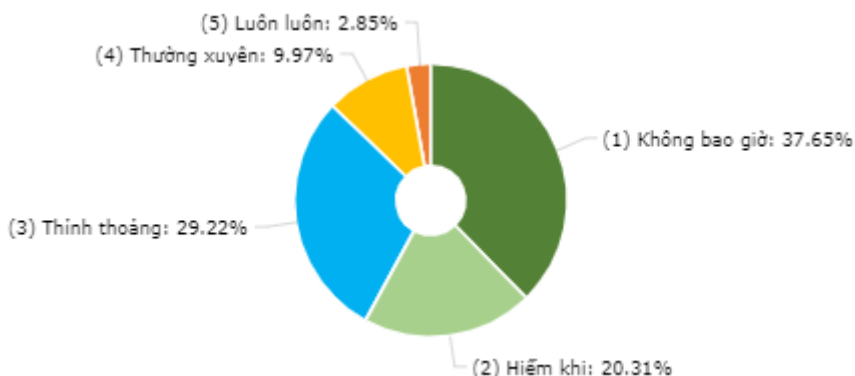


Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Trong 5 năm liên tục từ 2016 đến 2020, thành phố chọn chủ đề năm là “cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh” để tập trung cao vào nhiệm vụ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho DN, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Ban Thường vụ Thành ủy trực tiếp làm việc với các tập đoàn, chủ đầu tư lớn trong và ngoài nước để tháo gỡ các thủ tục, thu hút đầu tư, chỉ đạo UBND các quận, huyện định kỳ đối thoại với DN 01 lần/tháng, cho thấy những nỗ lực đáng ghi nhận của cả hệ thống chính quyền trong việc hỗ trợ phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Song nhìn sang chiều cạnh của công tác giải quyết vướng mắc và tham gia đối thoại cho HKD, khảo sát DDCI đã đưa ra một số chỉ tiêu liên quan và theo ghi nhận phản ánh của các HKD thì đánh giá chưa tốt như những chỉ tiêu trước. Cụ thể, có 79,12% các HKD nhận thấy chính quyền địa phương “kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của các HKD”. Tuy nhiên, hoạt động tổ chức đối thoại ở các địa phương chưa nhận được nhiều sự hài lòng từ các HKD khi tỉ lệ đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc “thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại với các HKD nhằm tháo gỡ khó khăn, kiến nghị” là 73,32%. “Nội dung của hoạt động đối thoại giải quyết thỏa đáng các yêu cầu/vấn đề của các HKD” được 75,68% HKD đồng tình. Đáng lưu ý nhất là tỉ lệ các HKD được mời tham gia góp ý kiến về chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển còn khá thấp ở các địa phương. Vì vậy, chỉ tiêu này đạt 4,35 điểm kéo theo điểm số của chỉ số này giảm điểm khá nhiều. Cụ thể, có tới 37,65% HKD cho biết họ không bao giờ được mời tham gia đóng góp ý kiến, 20,31% HKD hiếm khi được mời, 29,22% HKD thỉnh thoảng được mời, 9,97% HKD thường xuyên và rất ít HKD (2,85%) luôn luôn được mời đóng góp ý kiến về chính sách, quy hoạch. Điều này cho thấy hoạt động tham vấn chính sách của các HKD ở các địa phương chưa mang lại hiệu quả và các địa phương chưa có cơ chế khuyến khích sự tham gia và vai trò phản biện xã hội của người dân

và các HKD. Việc tổ chức cuộc đối thoại sâu rộng ở các địa phương cần những nỗ lực đặc biệt để thu hút nhiều hơn sự tham gia của khối HKD, bởi vì tham gia đối thoại chính là một trong những cách tốt nhất để xây dựng các chính sách pháp luật liên quan tới các HKD đạt kết quả thực tiễn tốt.

Biểu đồ 4.8. Tỷ lệ được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận, huyện, phường/xã, ngành



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

4.2.4. Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ pháp luật

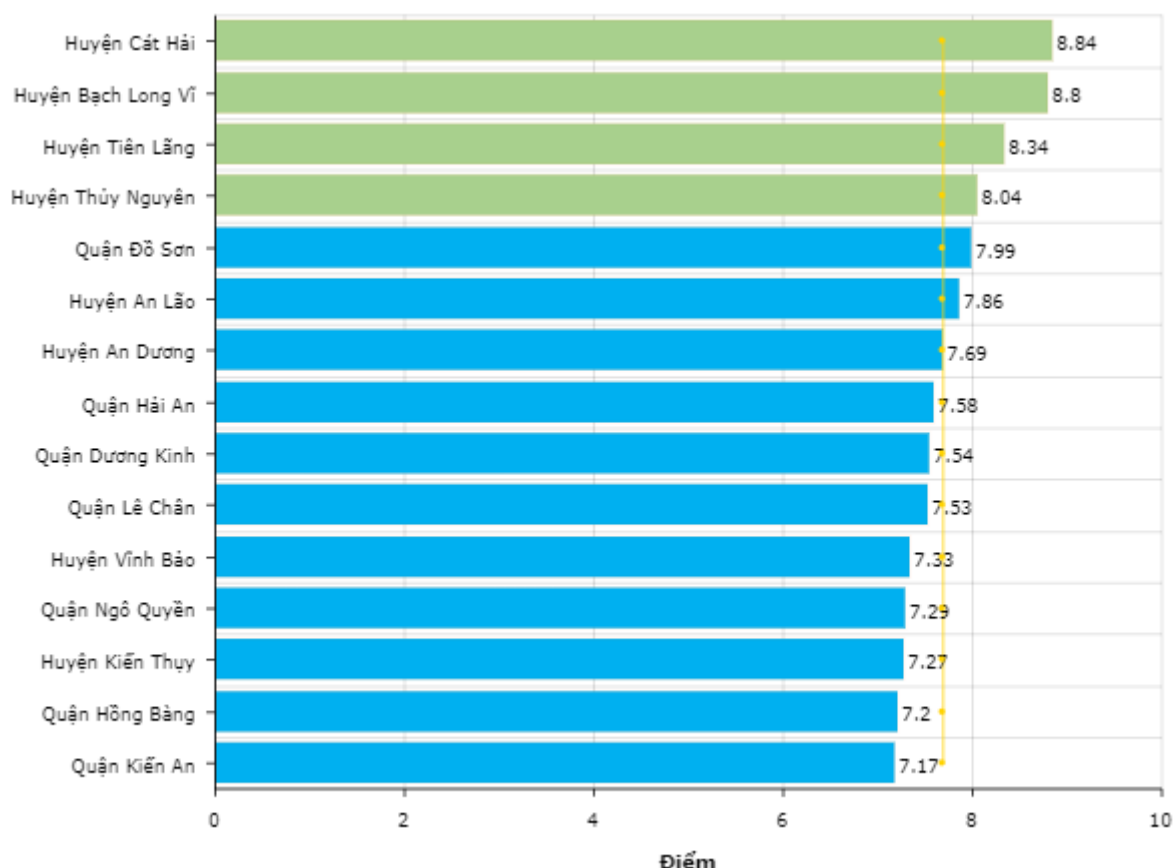
Thời gian qua, cải cách thủ tục hành chính là nội dung được quan tâm của tất cả các địa phương trên cả nước. Các cải cách này được thực hiện thông qua việc triển khai dịch vụ công trực tuyến, giải quyết công việc nhanh gọn, kịp thời, không để tồn đọng, cắt giảm tối đa thời gian thực hiện so với quy định, thực hiện mô hình bộ phận một cửa tại các địa phương từ cấp huyện đến cấp xã. Điều này đã hình thành nên môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, bình đẳng, minh bạch, xây dựng hình ảnh thân thiện, hoạt động có hiệu quả của chính quyền cấp địa phương, từ đó xây dựng được niềm tin, sự đồng thuận ủng hộ từ phía các HKD và trở thành điểm đến của các nhà đầu tư.

Theo đánh giá của các HKD tham gia điều tra DDCI, điểm số của chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật ở mức “khá”, với điểm số trung bình toàn thành phố là 7,77 điểm. Phân tích chi tiết vào điểm CSTP này tại các địa phương, tuy có nhiều hoạt động triển khai nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ công và cắt giảm chi phí tuân thủ pháp luật nhưng phần lớn các địa phương chỉ đạt mức điểm “khá”, chưa có sự bứt phá thật sự nổi trội, trừ một số địa phương quen thuộc đứng đầu. Huyện Cát Hải là địa phương được đánh giá cao nhất ở chỉ số này với 8,84 điểm, đang tiệm cận khá gần với thang điểm “rất tốt” với hầu hết các chỉ tiêu đều đạt mức điểm “tốt”. Nhóm điểm “tốt” còn có sự góp mặt của huyện Bạch Long Vĩ với 8,8 điểm, huyện Tiên Lãng với 8,34 điểm và huyện Thủy Nguyên đạt 8,04 điểm. Trong nhóm “khá” có hai địa phương có điểm số cao hơn điểm trung vị là quận Đồ Sơn (7,99 điểm) và huyện An Lão (7,86 điểm) cũng đang tiệm cận khá gần với nhóm “tốt”. Chiều ngược lại là quận Hồng Bàng (7,2 điểm) và quận Kiến An (7,17 điểm) có cải cách TTHC và chi phí cắt giảm chưa đạt như kì vọng của các HKD tại địa phương. Khoảng cách giữa địa phương đứng đầu và cuối bảng điểm là 1,67 điểm nhưng điểm số của nhóm ở giữa bám đuổi khá sát sao. Điều này cho thấy các địa phương, nhất là các địa phương ở nhóm cuối hoàn toàn có thể cải thiện vì dư địa cải cách còn nhiều, đồng thời một thay đổi cải thiện điểm số nhỏ trong năm tới cũng có thể thay đổi vị trí đáng kể của các địa phương trên bảng xếp hạng.

Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật được hiểu là chi phí thời gian, số lần đi lại cho việc chuẩn bị hồ sơ, giấy tờ, liên lạc, tiếp xúc với cơ quan có liên quan để thực hiện quy định của pháp luật. Đánh giá chung về thời gian thực hiện TTHC, kết quả DDCI Hải Phòng ghi nhận hơn một nửa chủ HKD (51,58%) cho rằng thời gian họ thực hiện ở các cơ quan chính

quyền cấp quận, huyện “bình thường, ở mức hợp lý”. 32,73% HKD mất ít thời gian và 8,88% HKD cho rằng mất rất ít thời gian. Đây là chỉ tiêu thấp điểm nhất trong chỉ số này cho thấy các HKD kì vọng cao hơn ở những nỗ lực cải cách rút ngắn thời gian một cách mạnh mẽ hơn nữa ở các địa phương. Đáng lưu ý là vẫn còn 6,81% HKD cho rằng họ tốn nhiều thời gian để thực hiện các loại TTHC ở địa phương. Thống kê theo địa phương, tỉ lệ HKD mất nhiều thời gian thực hiện TTHC cao ở một số quận, huyện như Ngô Quyền, Hồng Bàng, Kiến Thụy và Vĩnh Bảo.

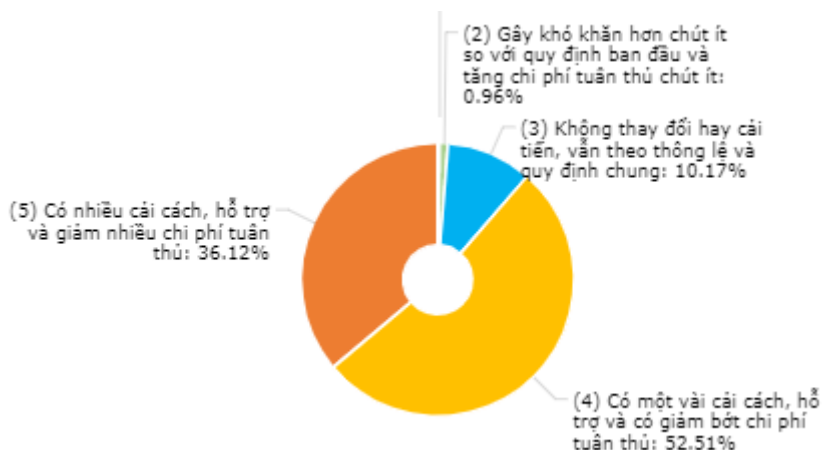
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP “Chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Liên quan đến thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa, thước đo mức độ hài lòng của khu vực HKD về chất lượng giải quyết TTHC cũng đánh giá ở 5 thang điểm từ “hoàn toàn không hài lòng” đến “hoàn toàn hài lòng”. Phần lớn các HKD đều hài lòng với “chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp chỉ dẫn phù hợp của cán bộ công chức” và “thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức” khi tiếp xúc với các HKD. Điểm số trung vị của các chỉ tiêu trên cũng dao động ở mức điểm 7,9 điểm, tiệm cận khá gần với mức điểm “tốt”, cho thấy sự cải thiện đồng đều ở các địa phương trong cung cấp dịch vụ công của các cán bộ, công chức với phương châm “lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm” thời gian qua đã được cộng đồng dân doanh ghi nhận. Điều này cũng thể hiện rõ qua khảo sát các HKD đánh giá cao các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND cấp quận, huyện nhằm giảm bớt gánh nặng thời gian và tuân thủ các quy định pháp luật cho các HKD. Cụ thể, có 52,45% các HKD phản ánh có một vài cải cách, hỗ trợ và có giảm bớt chi phí tuân thủ và 36,08% HKD phản ánh có nhiều cải cách, hỗ trợ và giảm nhiều chi phí tuân thủ. Chỉ có 10,16% HKD cho rằng không thay đổi hay cải tiến, vẫn theo thông lệ và quy định chung và 1,2% HKD cho rằng gây khó khăn hơn so với quy định ban đầu và tăng chi phí tuân thủ.

Biểu đồ 4.10. Tỷ lệ HKD đánh giá về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND quận, huyện nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các HKD khi tuân thủ các quy định pháp luật

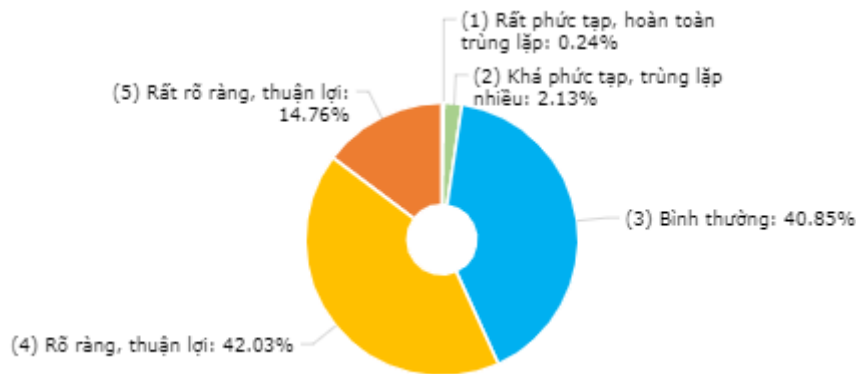


Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Tuy nhiên, khi phân tích sâu vào hiệu quả và chất lượng của bộ phận một cửa tại các địa phương trong từng lĩnh vực cụ thể thì có sự khác nhau giữa các lĩnh vực. Những lĩnh vực được đánh giá có hiệu quả tốt nhất gồm “văn hóa - thể thao - du lịch” (7,78 điểm), “đăng kí kinh doanh” (7,76 điểm). Ngược lại, các lĩnh vực như “đất đai - địa chính” (7,16 điểm), “xây dựng” (7,32 điểm) và “tài nguyên, môi trường” (7,35 điểm) vẫn chưa thực sự hiệu quả, tỷ lệ HKD đánh giá “bình thường” chiếm khoảng 50-55%. Từ những thông tin mà các HKD cung cấp cho thấy các sáng kiến giảm thiểu gánh nặng chi phí thời gian và tuân thủ cho các HKD đã đi đúng hướng, bước đầu có hiệu quả thực tế, song các địa phương cần đẩy mạnh đa dạng hóa nhiều sáng kiến, nhân rộng các mô hình thực tiễn tốt sang nhiều lĩnh vực khác, nhất là các lĩnh vực còn nhiều HKD phản ánh để tạo thuận lợi cho các HKD thực hiện TTHC và tuân thủ các quy định pháp luật.

Khảo sát DDCI tiếp tục đi sâu vào phỏng vấn các HKD về một số chỉ tiêu liên quan đến thanh tra, kiểm tra, kết quả khảo sát đã đưa ra một số tín hiệu tích cực. Theo phản ánh của các HKD, trong năm 2020 vừa qua số lần thanh tra, kiểm tra mà các HKD phải tiếp phần lớn là 0-2 lần. Cụ thể, 47,88% HKD cho biết họ không phải tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra nào và 44,46% HKD tiếp 1-2 lần thanh tra, kiểm tra trong năm qua. Có 5,42% HKD tiếp 3 lần và chiếm tỷ lệ rất thấp 2,25% là các HKD tiếp trên 3 lần. Xét về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế, có 47,72% HKD đánh giá đúng thời gian trong quyết định, 12,36% HKD đánh giá ngắn hơn thời gian trong quyết định và 38,59% HKD cho rằng không mất nhiều thời gian. Chỉ có 1,33% HKD bị mất quá thời gian theo quyết định. Bên cạnh đó, chất lượng của các cuộc thanh tra, kiểm tra cũng được 56,79% HKD đánh giá là rõ ràng, thuận lợi, không gây khó khăn cho các HKD trên địa bàn và thực trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra tạo cơ hội nhiều các HKD chỉ ghi nhận diễn ra đối với 2,24% trong tổng số HKD trả lời khảo sát. Phản ánh tương đối tốt của các HKD ở các địa phương cũng đã phần nào cho thấy hoạt động thanh tra, kiểm tra đã có những bước chuyển mình tích cực, tạo thuận lợi cho các HKD ở các địa phương trong thành phố. Cũng cần lưu ý rằng, tác động này một phần ảnh hưởng từ việc thực hiện Chỉ thị 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với Covid-19 và trải qua một số giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội, hoạt động thanh tra, kiểm tra nói chung giảm thiểu về số lượng.

Biểu đồ 4.11. Đánh giá về chất lượng của các cuộc thanh tra, kiểm tra



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Nhìn chung, các cải cách hành chính đã được đẩy mạnh triển khai nhưng chưa đồng bộ và chưa có cải thiện rõ nét ở một số lĩnh vực. Vì vậy, điểm số của các chỉ tiêu khi đánh giá về chi phí thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ pháp luật chưa đạt như kì vọng. Điểm số của các chỉ tiêu này hoàn toàn có tiềm năng để cải thiện khi các địa phương quan tâm thực hiện nhiều giải pháp đơn giản hóa các thủ tục, hiện đại hóa nền hành chính công qua việc triển khai dịch vụ công trực tuyến và giảm thiểu phiền hà, chông chéo trong công tác thanh tra, kiểm tra.

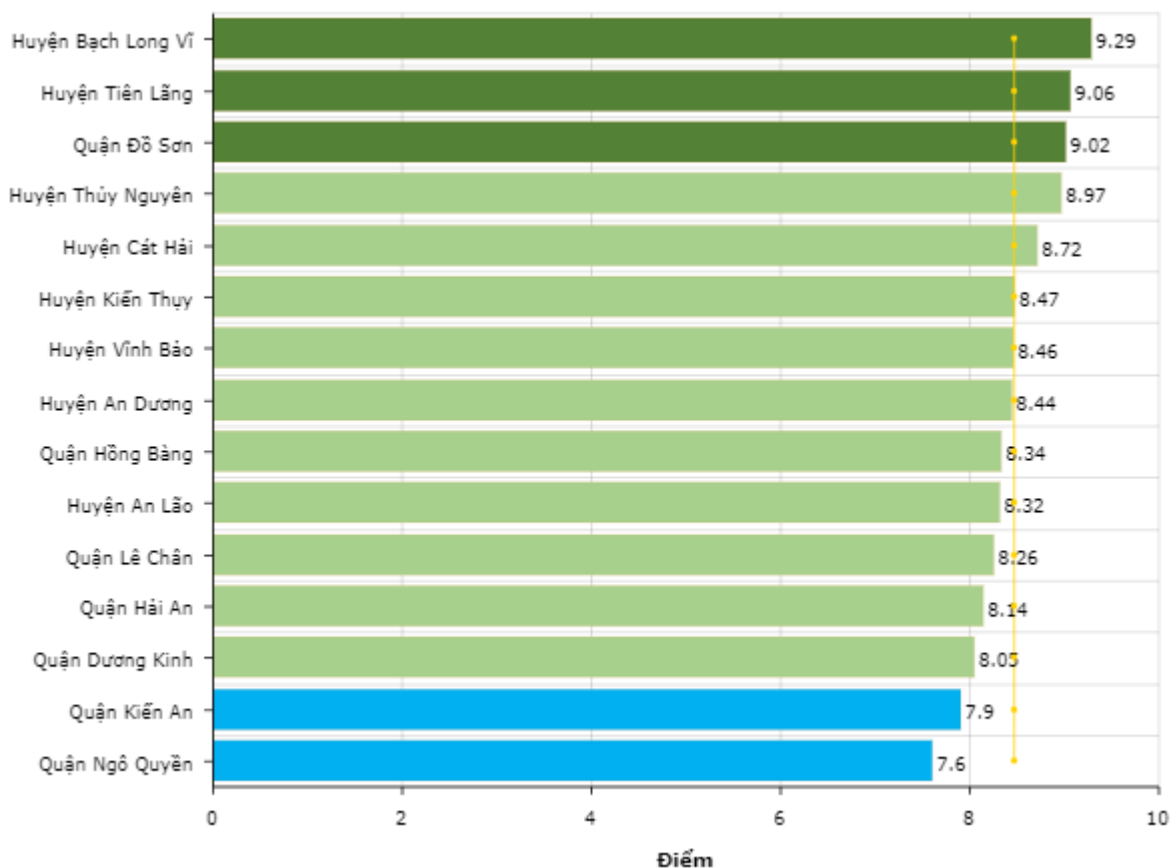
4.2.5. Chi phí không chính thức

Chỉ số chi phí không chính thức là công cụ để đo lường các khoản chi phí mà các HKD phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức gây ra đối với các hoạt động kinh doanh của họ. Việc đưa chỉ số chi phí không chính thức này vào bộ chỉ số DDCI thể hiện quyết tâm và cam kết cải cách đối với một vấn đề thường được coi là nhạy cảm ở nhiều địa phương.

Tuy nhiên qua kết quả khảo sát DDCI, các địa phương tại Hải Phòng có thể tự hào khi đây là chỉ số đạt kết quả tốt nhất trong 10 CSTP với điểm số trung bình toàn thành phố là 8,47 điểm, đạt mức điểm “tốt”, thể hiện chi phí không chính thức tại các địa phương đang ở mức khá thấp theo đánh giá của các HKD tham gia khảo sát. Thành tích khả quan này cũng phản ánh đồng đều ở các địa phương khi ghi nhận phần lớn các địa phương đều ở mức điểm “rất tốt” (trên 9 điểm) và “tốt” (trên 8 điểm). Nhóm các địa phương theo phản ánh của các HKD có mức chi phí này rất thấp gồm các quận, huyện Bạch Long Vĩ (9,29 điểm), Tiên Lãng (9,06 điểm) và Đồ Sơn (9,02 điểm). Các địa phương còn lại nằm ở nhóm “khá” trong phổ điểm từ 8 điểm đến dưới 9 điểm. Ngoại trừ, 2 quận là Kiến An (7,9 điểm) và Ngô Quyền (7,6 điểm) đang nằm ở nhóm “khá”, cần phải “gia tốc” cải thiện chỉ số này nhiều hơn nữa khi có khoảng cách điểm số tương đối với nhóm đứng đầu.

Đánh giá về thực trạng chung của mức độ phổ biến của chi phí không chính thức đang diễn ra ở địa phương, kết quả DDCI Hải Phòng 2020 ghi nhận 51,41% các HKD cho biết hoàn toàn không có chi phí không chính thức, 27,48% cho biết còn một vài trường hợp, 15,33% cho biết có chi phí không chính thức nhưng không tạo gánh nặng lớn cho các HKD. Một số quận, huyện như Bạch Long Vĩ, Tiên Lãng, Đồ Sơn có tỉ lệ tương đối cao, các HKD đánh giá hoàn toàn không có chi phí không chính thức khi thực hiện TTHC, đây cũng là nhóm địa phương đứng đầu điểm số ở chỉ tiêu này. Tuy nhiên cũng cần lưu ý, có 5,78% các HKD cho biết chi phí không chính thức đang diễn ra phổ biến. Đặc biệt, tại các quận, huyện như Ngô Quyền, Kiến An, Cát Hải có tỉ lệ cao các HKD cho biết thực trạng này vẫn đang diễn ra khá phổ biến ở địa phương họ. Đây cũng là những địa phương có điểm số của chỉ tiêu này ở nhóm thấp điểm nhất.

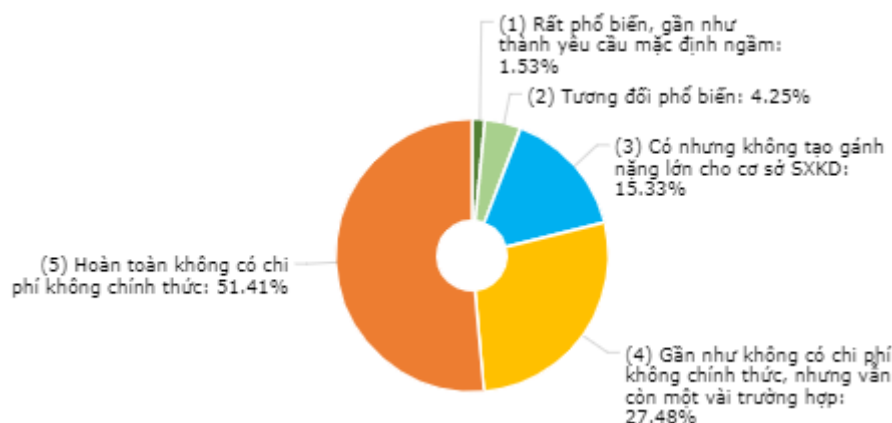
Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP “Chi phí không chính thức”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Mặc dù vẫn còn tồn tại chi phí không chính thức nhưng quy mô của chi phí này không quá cao, gây gánh nặng cho các HKD khi phần lớn các HKD cho biết họ không phải chi khoản chi phí này. Đối với các trường hợp phải chi khoản không chính thức này, có 26,45% HKD chi trả dưới 5% tổng thu nhập, còn lại 2,61% HKD chi trả trên 5% các khoản chi này. Nhưng cũng lưu ý rằng, quy mô của chi phí không chính thức nhỏ chưa đủ để được đánh giá là điểm sáng trong quá trình nỗ lực cắt giảm chi phí không chính thức vì hiện tượng tham nhũng vặt vẫn gây ra nhiều các HKD. Việc đẩy lùi tình trạng này rất cần sự quyết tâm vào cuộc của các địa phương, mặc dù quy mô nhỏ nhưng tác động rất lớn, tạo ra những tiền lệ xấu, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận các dịch vụ công của các HKD, đặc biệt là các HKD nhỏ lẻ. Hiện tượng chi trả chi phí không chính thức cho cán bộ địa phương khi thực hiện TTHC cũng ghi nhận nhiều phản hồi tốt khi chỉ có 3,32% HKD cho biết họ phải chi trả cho các cán bộ thực hiện TTHC. Điểm cần lưu ý là mặc dù các HKD phải chi trả khoản chi này nhưng công việc vẫn không được giải quyết như kì vọng, chiếm tỉ lệ 14,65% tổng số HKD tham gia khảo sát và chỉ hơn một nửa các HKD cho biết hầu hết công việc được giải quyết. Những tín hiệu trên cho thấy các địa phương cần kiên trì đẩy lùi hiện tượng này, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng và minh bạch cho các HKD.

Biểu đồ 4.13. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC, dịch vụ công hoặc các công việc khác tại các địa phương



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Phân tích sâu về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi các HKD thực hiện TTHC, dịch vụ công ở các lĩnh vực quản lý ở địa phương, tất cả các lĩnh vực đều được ghi nhận ở thang điểm “tốt”, trên 8 điểm với khoảng 75-90% HKD quan sát thấy ở tất cả các lĩnh vực chi phí không chính thức không có hoặc chỉ có một vài trường hợp. Tuy nhiên, đất đai (8,03 điểm), xây dựng (8,32 điểm) và tài nguyên, môi trường (8,47 điểm) đang là những lĩnh vực cần cải thiện nhiều hơn nữa trong tương lai khi có tỉ lệ HKD phản ánh chi phí không chính thức đang khá phổ biến khi thực hiện TTHC tại các địa phương.

Đánh giá về xu thế tăng/giảm chi phí không chính thức mà chủ HKD phải chi trả khi thực hiện TTHC hoặc các công việc có liên quan trong năm qua, phần lớn các HKD nhận thấy chi phí không chính thức đã có xu hướng giảm. Kết quả DDCI 2020 ghi nhận có 84,99% HKD cho rằng chi phí không chính thức đã có xu thế giảm, 10,77% HKD cho rằng chi phí này giữ nguyên và chỉ có 4,24% HKD nhận xét chi phí này có xu thế tăng lên. Nhìn chung, theo đánh giá của các HKD tham gia khảo sát DDCI năm 2020, hiện tượng chi trả chi phí không chính thức tại các địa phương đã có nhiều cải thiện. Vì vậy, xu thế tích cực này cần được duy trì bền vững trong thời gian tới.

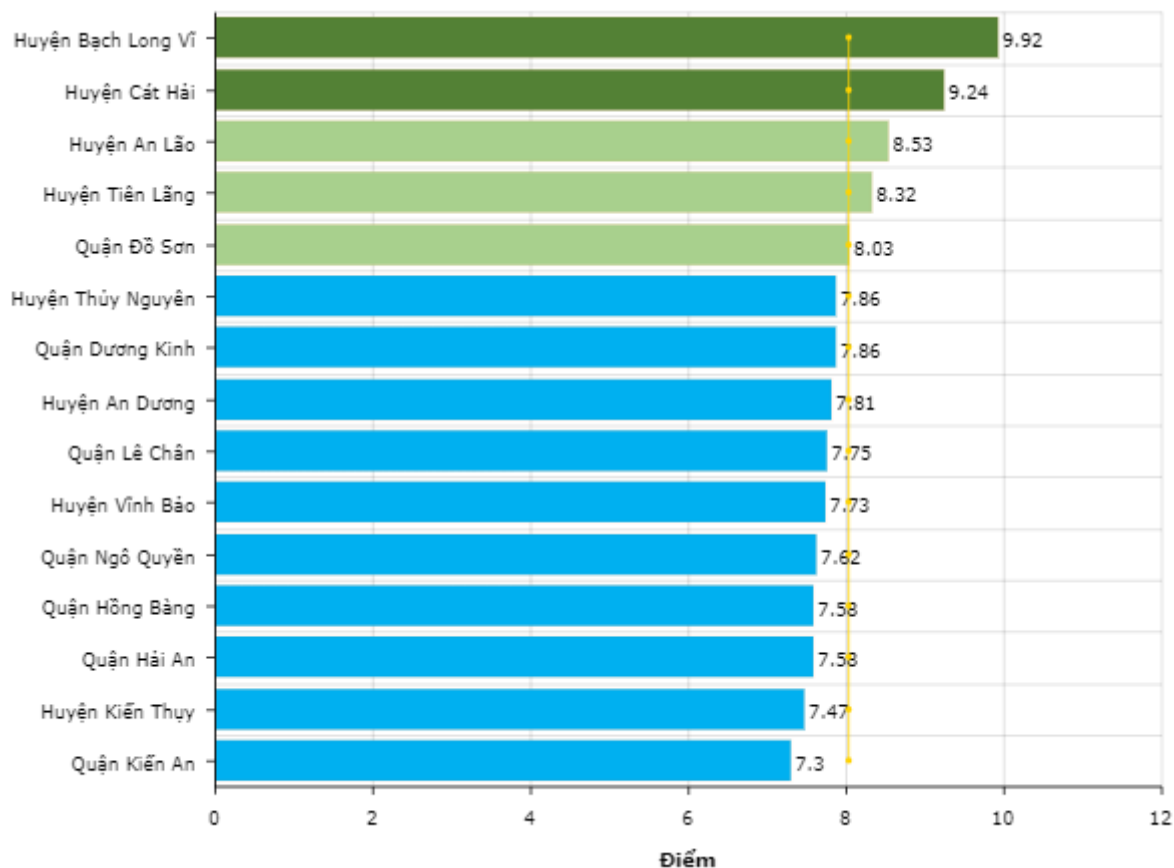
4.2.6. Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số cạnh tranh bình đẳng là một chỉ số quan trọng để đánh giá môi trường đầu tư, kinh doanh có lành mạnh hay không. Điều tra PCI của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cũng cho đây là một chỉ số cốt lõi khi đánh giá môi trường đầu tư, kinh doanh của các tỉnh, thành tại Việt Nam. Chỉ số này trong DDCI Hải Phòng cấp địa phương đề cập đến việc đối xử công bằng giữa các HKD trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp cận các chương trình, chính sách và các cơ hội kinh doanh.

Kết quả điều tra DDCI cấp địa phương năm 2020 của Hải Phòng cho thấy những điểm sáng tích cực ở chỉ số này khi là một trong 4 CSTP được đánh giá ở mức điểm “tốt” với 8,04 điểm tính trung bình toàn thành phố. Ở chỉ số này, các huyện Bạch Long Vĩ và Cát Hải tiếp tục là hai địa phương vươn lên đứng đầu toàn thành phố khi đạt điểm số khá ấn tượng lần lượt là 9,92 điểm và 9,24 điểm. Cả hai địa phương trên đều được phần lớn các HKD đánh giá cao trong việc xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh cạnh tranh bình đẳng ở các chỉ tiêu. Tiếp theo là nhóm các quận, huyện An Lão, Tiên Lãng và Đồ Sơn thuộc nhóm điểm “tốt” trong biên độ từ 8-8,5 điểm. Còn lại 10 quận, huyện thuộc nhóm “khá” với điểm số trong khoảng 7-8 điểm, trong đó quận Kiến An đang là địa phương chưa được nhiều HKD đánh giá tốt về môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng khi chỉ đạt 7,3 điểm và đứng ở vị trí cuối bảng trong năm 2020. Có thể thấy các địa phương ở nhóm giữa

có sự chênh lệch điểm số không quá cao nhưng cách biệt giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối đang khá lớn với 2,62 điểm, cho thấy có sự khác biệt khá rõ trong cảm nhận của các HKD giữa các địa phương. Tuy vậy đây cũng là động lực để các địa phương ở nhóm cuối cải thiện chất lượng điều hành kinh tế, thu hẹp khoảng cách với nhóm đứng đầu.

Biểu đồ 4.14. Điểm số của CSTP “Cạnh tranh bình đẳng”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Cạnh tranh bình đẳng trong phạm vi khảo sát DDCI đưa ra được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các HKD với nhau (HKD lớn với HKD nhỏ, giữa HKD với HKD “thân hữu” với chính quyền), giữa HKD với DN/HTX. Khảo sát DDCI nhận được những phản hồi khá khả quan về mức độ bình đẳng của môi trường đầu tư, kinh doanh ở các địa phương trong thành phố. Điều này thể hiện tương đối rõ trong những đánh giá về mức độ đồng ý qua cảm nhận của các HKD khi được hỏi, với tỉ lệ trung bình khoảng 80% các HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý về các nhận định đưa ra về đối xử bình đẳng của chính quyền địa phương.

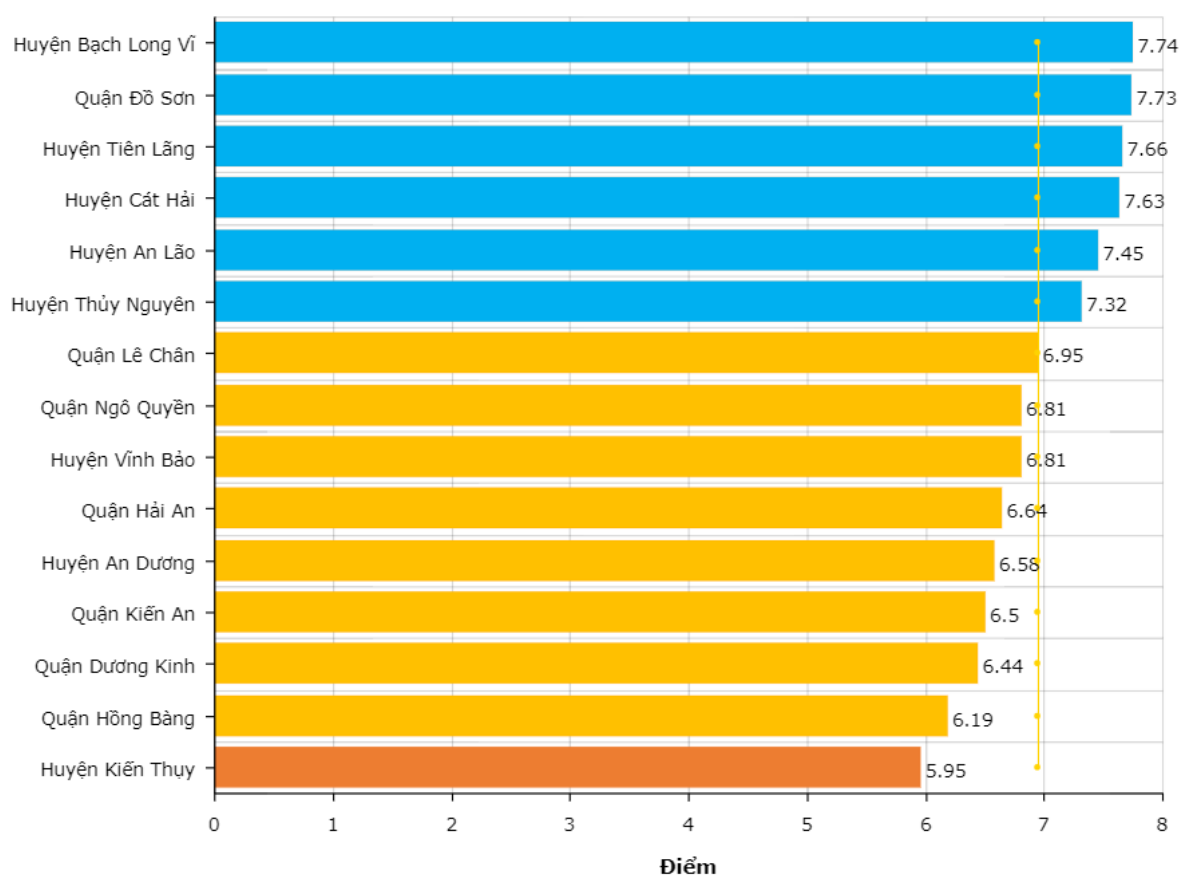
Cụ thể, tỉ lệ HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý về nhận định “công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đất đai, tài nguyên, tài chính và đấu thầu)” năm 2020 là 75,18%. Còn tỉ lệ này trong việc bình đẳng tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, chương trình, chính sách ưu đãi, hỗ trợ là 79,64%. Khảo sát DDCI cũng đi sâu vào tìm hiểu thực trạng về chính quyền địa phương giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC cho các đối tượng kinh doanh. Kết quả nhận về cũng khá tích cực khi 79,29% HKD nhận định việc giải quyết và xử lý của chính quyền địa phương bình đẳng, không có sự phân biệt. Đặc biệt, trong công tác thanh tra, kiểm tra, cũng có 79,51% HKD cũng đồng tình về việc không có ưu ái nào trong hoạt động này.

Những kết quả trên đạt được là đáng khích lệ song chính quyền các địa phương, nhất là các địa phương đứng cuối cần tiếp tục nỗ lực hơn trong việc tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng cho các HKD.

4.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

Hiện nay, các HKD ở Hải Phòng đang đứng trước nhiều cơ hội để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng còn rất nhiều những thách thức mà họ đang gặp phải như chính sách pháp luật, TTHC, cơ sở hạ tầng, vốn, vùng nguyên liệu, đầu ra cho sản phẩm... Đặc biệt với các HKD nhỏ, những khó khăn này càng tăng lên nhiều lần. Để tháo gỡ những khó khăn này, ngoài nỗ lực tự thân của các HKD thì cần sự hỗ trợ không hề nhỏ của các cơ quan quản lý nhà nước. Chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh trong DDCI Hải Phòng đề cập đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các UBND địa phương trong việc tạo điều kiện giúp các HKD phát triển tốt nhất và thu hút đầu tư.

Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP “Hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Một trong những khó khăn nhiều năm qua mà các HKD cho biết là chưa tiếp cận được các hoạt động hỗ trợ kinh doanh và hiệu quả các chương trình này chưa cao. Điều này cũng được thể hiện qua kết quả khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2020 khi chỉ đạt 6,96 điểm, thuộc nhóm điểm thấp nhất, chỉ đứng thứ 9/10 CSTP. Bức tranh của chỉ số này xuất hiện nhiều gam màu nóng, cho thấy mặt bằng chung, điểm số chỉ số này đều ở mức thấp ở phần lớn các địa phương, ngay cả ở những địa phương ở nhóm đứng đầu bảng xếp hạng. Cụ thể, nhóm các địa phương thuộc nhóm “khá” có điểm số cao hơn mức trung vị gồm các quận, huyện: Bạch Long Vĩ (7,74 điểm), Đồ Sơn (7,73 điểm), Tiên Lãng (7,66 điểm), Cát Hải (7,63 điểm), An Lão (7,45 điểm) và Thủy Nguyên (7,32 điểm). Các địa phương còn lại có mức điểm dưới 7 điểm thuộc nhóm “trung bình khá”, riêng huyện

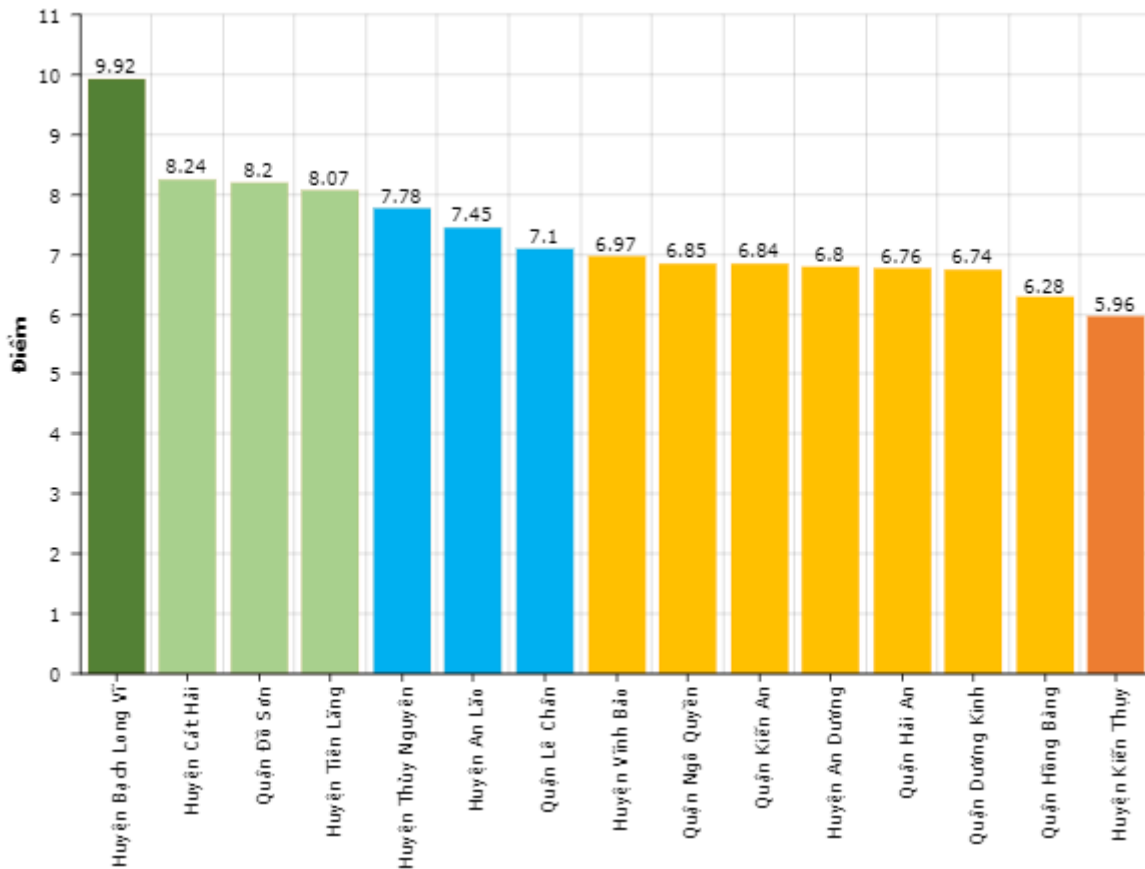
Kiến Thụy chưa được đánh giá cao về hiệu quả hỗ trợ sản xuất kinh doanh từ các HKD khi chỉ đạt 5,95 điểm, đứng cuối bảng điểm. Chênh lệch giữa các địa phương cũng còn khoảng cách tương đối giữa địa phương đứng đầu và cuối bảng điểm với 1,79 điểm nhưng chênh lệch của nhóm địa phương sau huyện Bạch Long Vĩ lại không quá cao vì sự bám đuổi khá sát sao. Đây là chỉ số mà các địa phương cần tích cực cải thiện trong thời gian tới vì không gian cải thiện của chỉ số này còn nhiều, cũng như đây là chỉ số quan trọng liên quan đến cải thiện chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp trong PCI do VCCI xây dựng.

Trong chỉ số “tính minh bạch và ứng dụng CNTT”, các HKD chưa đánh giá cao chất lượng thông tin mà các cơ quan cung cấp và khả năng tiếp cận một số nhóm thông tin cũng ở mức hạn chế. Khi phỏng vấn các HKD, kết quả cũng cho thấy sự tương tự ở chỉ số này khi chỉ có 51,06% các HKD cho rằng chính quyền địa phương chủ động, tích cực cung cấp các thông tin về các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của TW và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ, 40,68% HKD đánh giá ở mức “bình thường” trong khi đó có tới 8,26% HKD cho biết các thông tin hỗ trợ trên được cung cấp khá hạn chế hoặc không được cung cấp. Tỷ lệ các HKD gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận phản ánh nhiều ở các quận, huyện như Kiến Thụy, Hồng Bàng, An Dương, Vĩnh Bảo. Điểm đáng quan tâm là tỷ lệ các HKD không được mời tham gia các chương trình hỗ trợ (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách...) do địa phương tổ chức lên tới 28,74%. Đây cũng là chỉ tiêu thấp điểm nhất ở tất cả các địa phương với điểm số trung bình chỉ đạt 4,92 điểm, làm sụt giảm điểm của CSTP này. Điều này cho thấy, các địa phương cần tiếp tục tăng cường cung cấp thông tin về các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động hỗ trợ cũng như tạo sức hút tham gia với HKD, vì hỗ trợ của hoạt động này chỉ đạt được hiệu quả khi cả hai phía chính quyền và các HKD thực sự phối hợp và cùng thực hiện.

Đánh giá về hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ kinh doanh, khảo sát DDCI đưa ra 5 mức độ để đánh giá với từng chương trình hỗ trợ từ “rất kém” tới “rất tốt”. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các HKD đánh giá tính hiệu quả các chương trình trên ở mức “bình thường”, cho thấy chưa có sự đột phá trong việc triển khai. Các chính sách hỗ trợ có hiệu quả nhưng mới chỉ dừng lại ở nhóm các HKD tiếp cận được thông tin và đủ khả năng hấp thu các chính sách đó. Cụ thể, hỗ trợ vốn vay ưu đãi, tín dụng (7,27 điểm) và công tác thi đua, khen thưởng (7,18 điểm) được đánh giá có hiệu quả cao hơn đôi chút so với các hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động (6,88 điểm), xúc tiến thương mại (6,97 điểm) và hỗ trợ khởi sự kinh doanh (6,99 điểm). Điểm đáng quan tâm là lĩnh vực đào tạo lao động của Hải Phòng thường được đánh giá cao so với cả nước theo kết quả PCI hàng năm do VCCI thực hiện nhưng chỉ tiêu về hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho khối HKD lại bị đánh giá thấp, cho thấy ở khu vực này, trình độ lao động còn thấp và các chương trình hỗ trợ lao động chưa tạo được tính hiệu quả cho các HKD.

Một điểm cần lưu ý là việc hỗ trợ các HKD trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh (như dịch Covid-19) trong bối cảnh các HKD còn nhiều khó khăn được đánh giá là cao hơn các chương trình khác nhưng không đồng đều giữa các địa phương. Cụ thể, có 52,69% HKD đánh giá hoạt động hỗ trợ này “tốt” và “rất tốt” nhưng vẫn còn tới 4,64% HKD không đánh giá cao hiệu quả triển khai, tập trung ở một số quận, huyện như Kiến Thụy, Vĩnh Bảo, An Dương, cho thấy mức độ hỗ trợ liên quan tới thích ứng với các trường hợp thiên tai, dịch bệnh còn nhiều hạn chế ở các địa phương này. Tổng kết điểm trung bình của chỉ tiêu này đạt 7,33 điểm toàn thành phố, cao nhất trong các hoạt động hỗ trợ mà HKD đánh giá, thể hiện những nỗ lực đáng trân trọng của các cấp chính quyền đã được cộng đồng dân doanh ghi nhận. Mặc dù vậy, đặt trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, những biện pháp triển khai cũng cần linh hoạt và kịp thời, đặc biệt là hướng tới đảm bảo mục tiêu “kép” vừa phòng, chống dịch vừa đảm bảo sản xuất kinh doanh hiệu quả, nhất là các hoạt động hỗ trợ phục hồi kinh tế hậu Covid.

Biểu đồ 4.16. Điểm số của chỉ tiêu hiệu quả hỗ trợ các HKD trong các trường hợp biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (Vd như dịch Covid-19)



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Đặc biệt tại các địa phương, tính bền vững của các chính sách hỗ trợ đã được quan tâm, cụ thể là các yếu tố giới, các đối tượng yếu thế, các HKD nhỏ đã được chính quyền địa phương quan tâm và lồng ghép trong các chương trình hỗ trợ theo ghi nhận tích cực từ các HKD với 75,64% HKD đồng ý về nội dung trên. Điểm trung bình của chỉ tiêu này đã gần tiệm cận với mức “tốt” là 7,85 điểm, một số quận, huyện còn được đánh giá với mức điểm trên 8 điểm như Bạch Long Vĩ, An Lão, Đồ Sơn và Lê Chân.

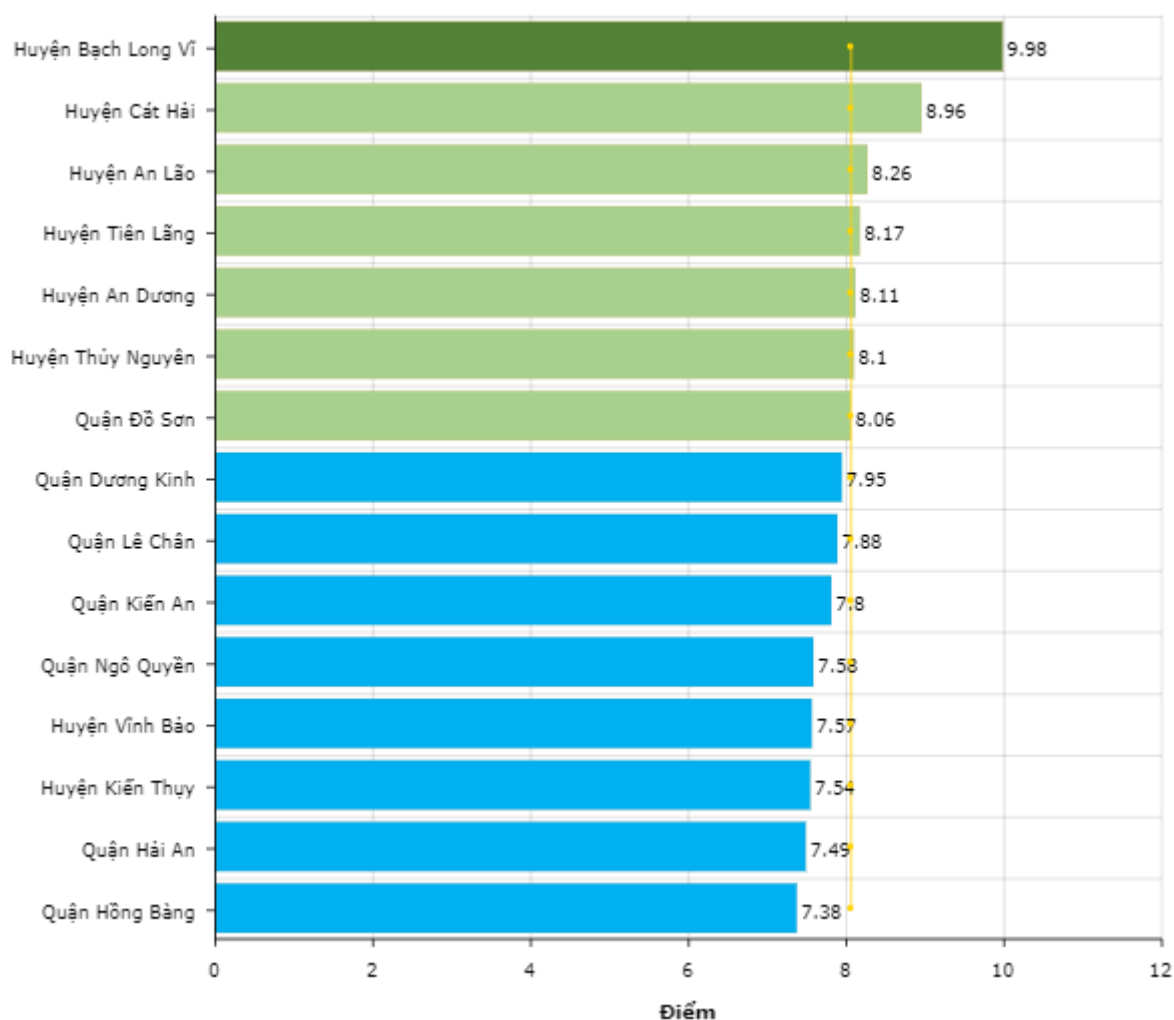
Nhìn nhận một cách tổng thể, các nhóm chính sách trợ giúp đã có những hiệu quả thực tế, tiêu biểu như trợ giúp về tài chính, phát triển nguồn nhân lực, thông tin và tư vấn, xúc tiến phát triển thị trường. Tuy nhiên hiệu quả của các chương trình, hoạt động hỗ trợ vẫn chưa có được những chuyển động mạnh mẽ, chưa trở thành đòn bẩy cho các HKD dựa vào để phát triển khi mức độ triển khai chính sách trợ giúp ở cấp địa phương còn hạn chế. Các địa phương cần tiến hành những cải cách mạnh mẽ, giảm tính hình thức và thực chất hơn, hướng tới sự cởi mở, thông thoáng, tăng tính hiệu quả và đồng bộ hơn nữa trong các chính sách hỗ trợ. Ngoài các chương trình hỗ trợ chung, các địa phương cũng cần có các biện pháp hỗ trợ HKD siêu nhỏ, nhỏ và vừa, các HKD trẻ, các HKD do phụ nữ làm chủ, khởi nghiệp sáng tạo... khi đây là những khu vực đang chịu nhiều ảnh hưởng nhất của những rủi ro thị trường nhưng cũng là nơi sinh kế của nhiều lao động, đồng thời cũng là hy vọng của nền kinh tế và các mô hình phát triển bền vững bao trùm trong thời gian tới.

4.2.8. Hiệu lực thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng đưa chỉ số “Hiệu lực thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự” nhằm mục đích xem xét, đánh giá các địa phương trong việc triển khai thực hiện các quy định pháp luật, chính sách và công tác xử lý các khiếu nại, tố cáo của các HKD, tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo an ninh trật tự, tránh gây những hiểu, phiền hà cho các HKD hoạt động trên địa bàn.

Kết quả tổng hợp từ DDCI 2020 cho thấy những dấu hiệu lạc quan ở chỉ số này khi điểm trung bình toàn thành phố đạt mức điểm “tốt” với 8,06 điểm, là một trong bốn CSTP ở nhóm điểm “tốt”, xếp thứ 3/10 CSTP với 7 địa phương thuộc nhóm “rất tốt” và “tốt”. So sánh giữa các địa phương cho thấy hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự trong quản lí, điều hành có nhiều khác biệt rõ rệt. Huyện Bạch Long Vĩ là địa phương tiếp tục có những đánh giá cao từ các HKD tại địa phương khi đứng đầu toàn thành phố với điểm số cao 9,98 điểm. Chỉ số này cũng chứng kiến nhiều quận, huyện có chất lượng điều hành “tốt” như Cát Hải (8,96 điểm), An Lão (8,26 điểm), Tiên Lãng (8,17 điểm), An Dương (8,11 điểm), Thủy Nguyên (8,1 điểm) và Đồ Sơn (8,06 điểm). Nhóm các địa phương còn lại thuộc nhóm “khá” với điểm số chênh lệch không quá nhiều. Riêng quận Hồng Bàng đang là địa phương có hiệu lực thực thi chính sách và đảm bảo an ninh trật tự thấp nhất với 7,38 điểm, cần cải thiện chỉ số này nhiều hơn khi có sự cách biệt khá lớn với địa phương đứng đầu là 2,6 điểm.

Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP “Hiệu lực thực thi chính sách, thiết chế pháp lý và an ninh trật tự”



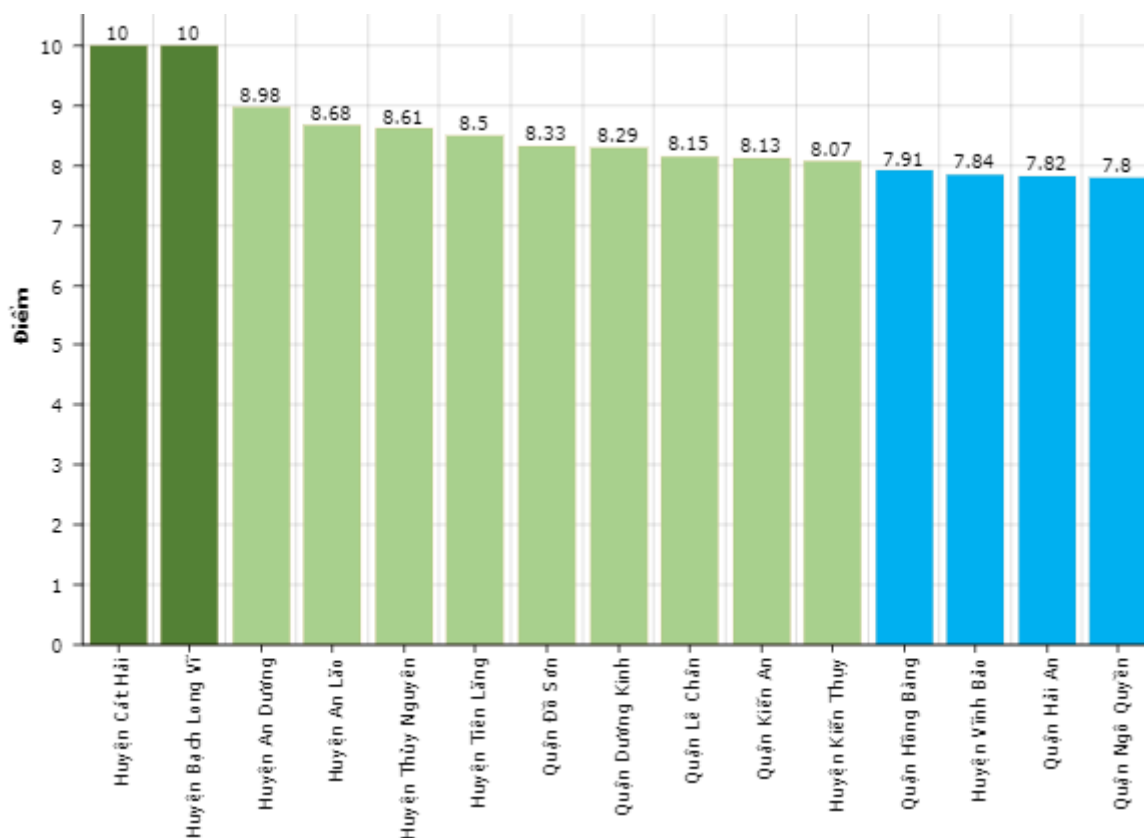
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Xét về hiệu quả chung trong việc thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật của các địa phương, 65,72% HKD tham gia khảo sát cho biết việc triển khai khá hiệu quả và chỉ có 1,89% HKD cho rằng chưa thấy đạt hiệu quả. Một số quận, huyện có hiệu quả triển khai và thực thi tốt các chính sách, văn bản pháp luật như các quận, huyện Bạch Long Vĩ, Đồ Sơn, Cát Hải, Tiên Lãng. Ở chiều ngược lại là những địa phương theo phản ánh của các HKD chưa đáp ứng được kì vọng gồm 3 quận Hải An, Hồng Bàng, Ngô Quyền.

Một trong những cách thức hữu hiệu để đưa các chương trình, chính sách pháp luật đi vào cuộc sống là hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật tới các HKD. Năm 2020, khảo sát DDCI ghi nhận gần 66,7% HKD cho biết hoạt động trên đạt hiệu quả, 31,28% cho rằng ở mức “bình thường” và chỉ có rất ít (2,02%) đánh giá chưa đạt hiệu quả. Điểm số trung bình toàn thành phố ở chỉ tiêu cũng đạt mức điểm “khá” là 7,74 điểm.

Phân tích về các nội dung liên quan đến công tác khiếu nại, tố cáo của các HKD đến các cơ quan chính quyền địa phương, kết quả khảo sát DDCI cho thấy mức độ hài lòng của các HKD về quy trình tiếp nhận, xử lý ở mức khá tốt trên thang đo cảm nhận. Các vấn đề về hỗ trợ pháp lý khi có khiếu nại, tố cáo, cơ chế giải quyết khiếu nại kịp thời, thỏa đáng, minh bạch, công bằng và không phải vượt cấp được các HKD đồng thuận cao với tỉ lệ trung bình khoảng 74% tổng số các HKD tham gia trả lời. Rất ít các trường hợp không hài lòng về công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo ở địa phương. Tuy nhiên, tỉ lệ không hài lòng của các HKD vẫn còn tập trung ở một số quận, huyện như Hồng Bàng, Kiến Thụy và Ngô Quyền. Đánh giá chung của các HKD về các chỉ tiêu trên cũng ở mức điểm trên 7,8 điểm và tiệm cận khá gần với mức điểm “tốt”. Khảo sát cũng cho thấy chưa có nhiều địa phương được đánh giá nổi bật khi chỉ có một vài địa phương đạt mức điểm “tốt”, do đó cần có thêm nhiều nỗ lực cải thiện rõ nét hơn nữa ở các địa phương để có thể vươn lên trong nhóm điều hành “tốt”.

Biểu đồ 4.18. Điểm số chỉ tiêu “công tác an ninh trật tự tại quận, huyện đã được đảm bảo, tạo ra sự yên tâm cho các HKD”



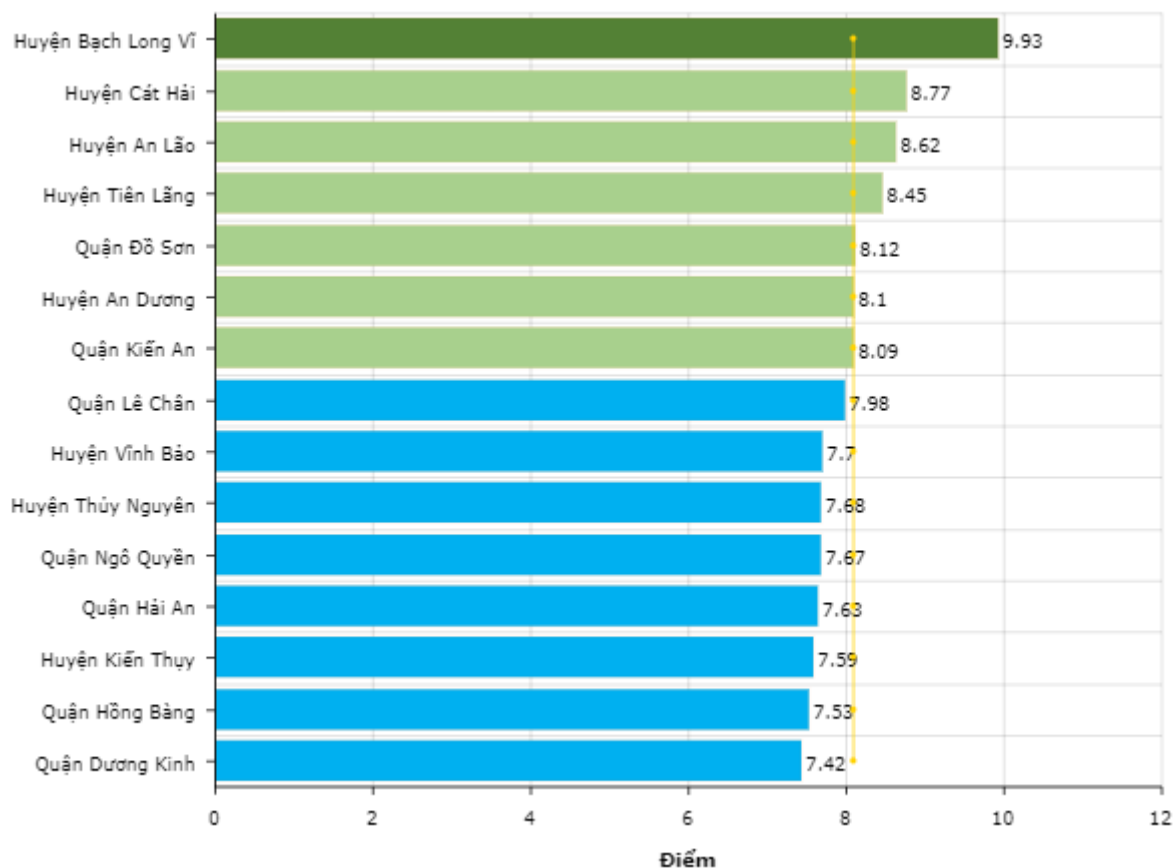
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Đảm bảo an ninh trật tự, môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn là một trong những yếu tố quan trọng để các HKD yên tâm hoạt động và thu hút đầu tư vào địa phương. Qua lăng kính của DDCI cấp địa phương, môi trường đầu tư, kinh doanh tại các địa phương được đánh giá là an toàn, công tác đảm bảo an ninh trật tự rất hiệu quả. Theo cảm nhận của các HKD tham gia khảo sát DDCI, các địa phương đã tích cực, xử lý hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh trật tự với 88,59% HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý. Ngoài ra, hiện tượng tội phạm quấy nhiễu không còn tồn tại nhiều hay việc các HKD không phải chi trả cho các nhóm đối tượng với khoảng 89% HKD cho biết. Nhìn chung, công tác an ninh trật tự tại các quận/huyện đã được đảm bảo với hầu hết sự đồng tình của các HKD tại đây, tạo ra sự yên tâm cho các HKD.

4.2.9. Vai trò đứng đầu của lãnh đạo địa phương

Vai trò dẫn dắt và ảnh hưởng của người lãnh đạo đến hoạt động cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các địa phương giữ vai trò rất quan trọng, là động lực hàng đầu cho quá trình cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh tại mỗi địa phương. Nội dung chỉ số thành phần này tập trung vào các vấn đề như giải quyết các vấn đề trong quá trình triển khai, thực thi chính sách, pháp luật và tham gia vào các hoạt động đối thoại tại địa phương.

Biểu đồ 4.19. Điểm số CSTP “Vai trò đứng đầu của lãnh đạo địa phương”



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

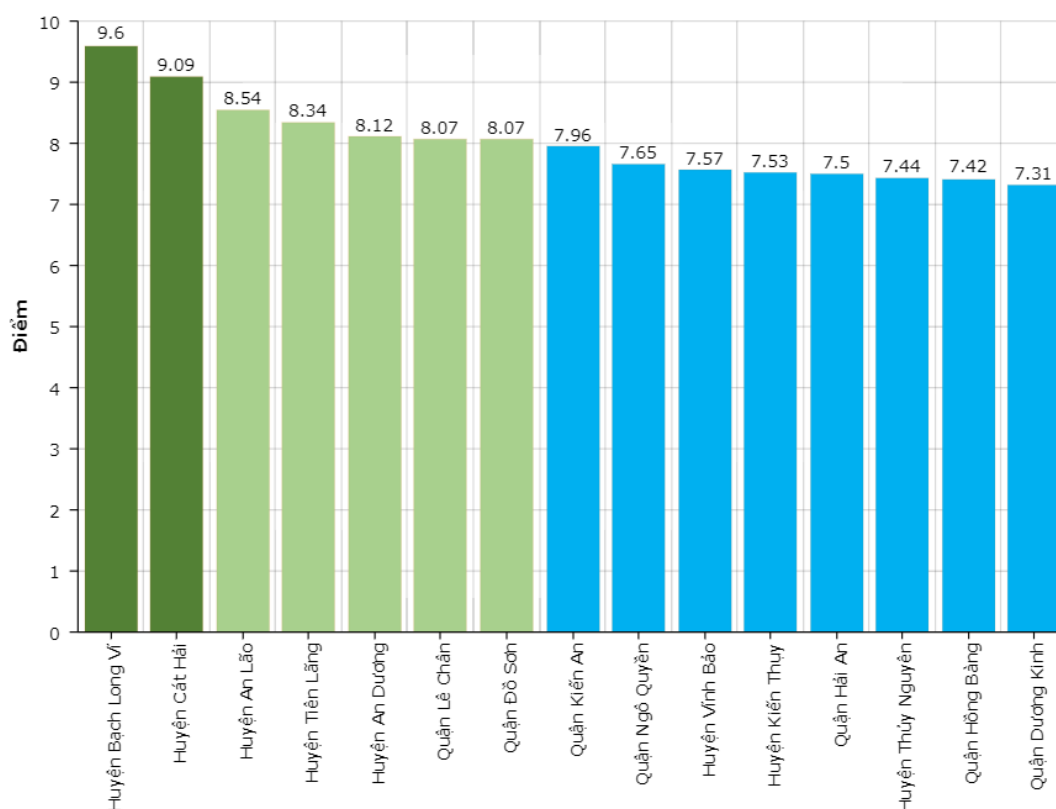
Theo kết quả điều tra được tổng hợp, điểm số trung bình của chỉ số này là 8,08 điểm, xếp thứ 2/10 CSTP thuộc nhóm điểm số “tốt”. Bức tranh chung về chỉ số này cũng ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực khi có 7 địa phương nằm trong nhóm điều hành “tốt” và “rất tốt”. Huyện Bạch Long Vĩ tiếp tục đứng đầu ở chỉ số này với điểm số xuất sắc là 9,93 điểm, đây cũng là địa phương duy nhất đạt mức điểm “rất tốt”. Các quận, huyện Cát Hải, An Lão, Tiên Lãng, Đồ Sơn, An Dương và Kiến

An là những địa phương ở nhóm “tốt”, có điểm số cao hơn trung vị. Những địa phương còn lại thuộc nhóm điểm “khá” với sự cạnh tranh điểm số cũng khá sát sao khi cách biệt điểm số không quá lớn. Tuy nhiên, quận Dương Kinh là địa phương bị đánh giá thấp hơn các địa phương khác và đang ở vị trí cuối bảng trong chỉ số này, cách địa phương đứng đầu với khoảng cách điểm khá lớn 2,54 điểm.

Khảo sát DDCI cấp địa phương cho thấy các HKD có cảm nhận tích cực về sự năng động, sáng tạo của lãnh đạo địa phương về việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Năm 2020 có tới 83,29% HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý với nhận định “lãnh đạo địa phương tích cực, năng động và có vai trò quyết định đến việc ứng dụng CNTT, đổi mới sáng tạo, công tác cải cách hành chính và quy trình quản lý” và tỉ lệ trên là 80,93% về nhận định “lãnh đạo địa phương thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh”. Các con số trên cho thấy sự ghi nhận của các HKD về những nỗ lực, tinh thần đổi mới, dám quyết dám làm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các địa phương. Trong đó, nhiều địa phương được cộng đồng HKD đánh giá tốt về chỉ tiêu này như các huyện Bạch Long Vĩ, Tiên Lãng, An Lão, song cũng có địa phương chưa được đánh giá thực hiện hiệu quả cần sự quyết tâm mạnh mẽ hơn từ lãnh đạo như các quận, huyện Dương Kinh, Hồng Bàng và Kiến Thụy.

Trong xử lý các vấn đề vướng mắc cho doanh nghiệp, các HKD cũng đánh giá cao những nỗ lực của các lãnh đạo địa phương khi có những hành động cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề của các HKD một cách nhanh chóng và triệt để với tỉ lệ đồng ý/hoàn toàn đồng ý là 80,23% HKD. Với các trường hợp gây nhũn nhiều, khó khăn cho các HKD, có 81,98% HKD cho rằng lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý. Những con số trên cho thấy sự tin tưởng cao của các HKD vào hệ thống chính quyền và đội ngũ lãnh đạo địa phương trong công tác giải quyết các vấn đề và ứng xử giao tiếp với các HKD.

Biểu đồ 4.20. Điểm số chỉ tiêu “Lãnh đạo địa phương tích cực và trực tiếp tham gia vào các hoạt động đối thoại và thực hiện các cam kết đầy đủ, nghiêm túc”



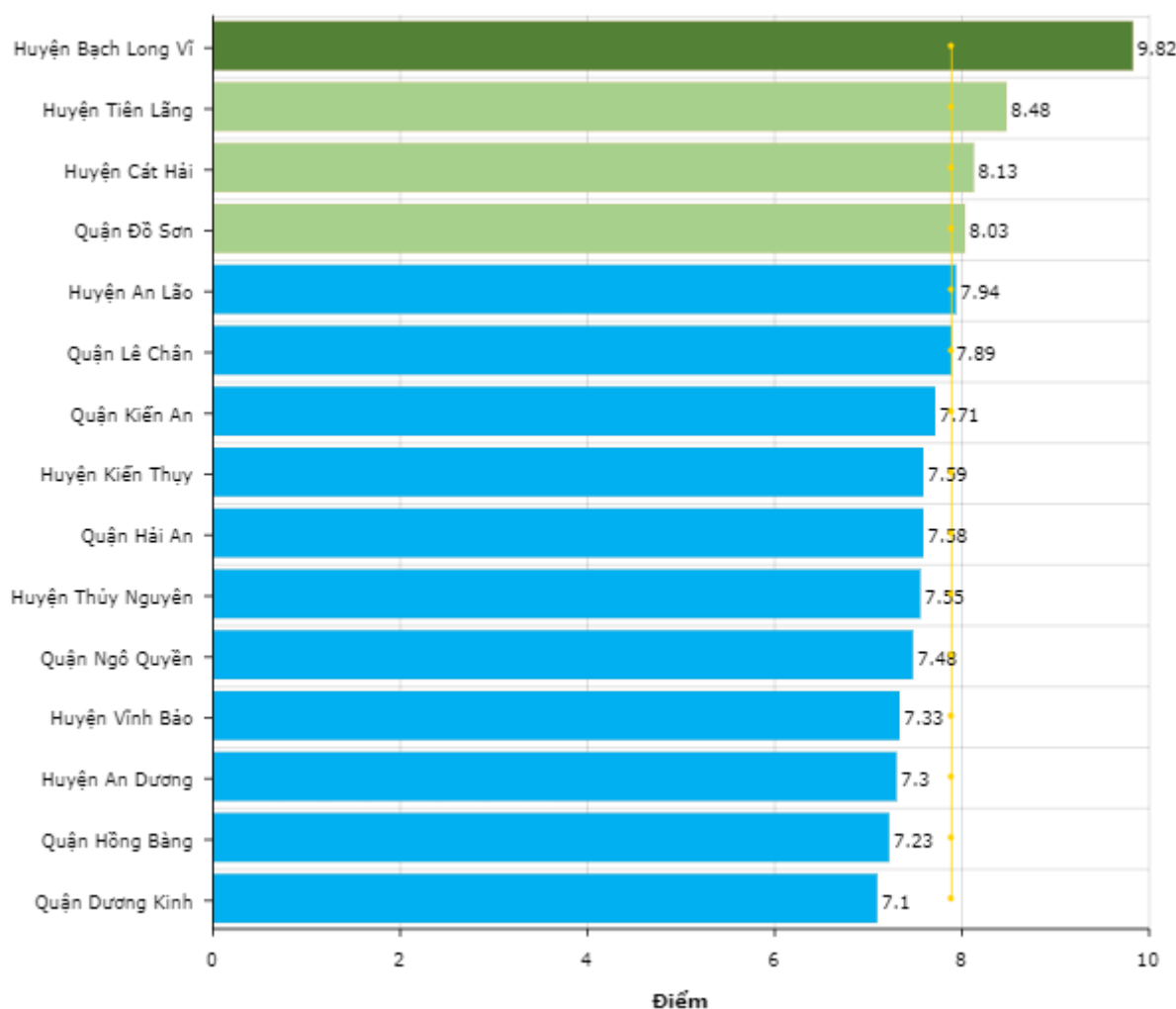
Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Bên cạnh đó, hoạt động đối thoại với các HKD thời gian qua cũng nhận được sự tham gia tích cực từ lãnh đạo địa phương thông qua phản ánh của các HKD trong DDCI cấp địa phương. Có khoảng 79% các HKD cho biết lãnh đạo địa phương gần gũi, thân thiện lắng nghe, tiếp thu ý kiến của các HKD, đồng thời cũng tham gia tích cực vào điều hành các hoạt động đối thoại và thực hiện các cam kết đầy đủ, nghiêm túc.

Có thể thấy thời gian qua nhận thức, hành động của cán bộ các cấp có chuyển biến tích cực từ tư duy quản lý sang phục vụ, coi các HKD là đối tác và khách hàng của hệ thống dịch vụ công, sự hài lòng của doanh nghiệp thực sự trở thành thước đo chuẩn mực đối với chất lượng dịch vụ của cơ quan công quyền. Nhằm nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong cải cách hành chính, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 quy định trách nhiệm và đánh giá trách nhiệm người đứng đầu các Sở, ban, ngành, UBND quận, huyện trong thực hiện cải cách hành chính. Bằng cách đó, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương đã phát huy tốt vai trò chịu trách nhiệm của mình trong công tác CCHC thuộc phạm vi quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền được giao, góp phần vào kết quả CCHC chung của thành phố và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, thể hiện tinh thần dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, một tinh thần dám đổi mới, kiến tạo phát triển.

4.2.10. Tiếp cận đất đai

Biểu đồ 4.21. Điểm số CSTP “Tiếp cận đất đai”

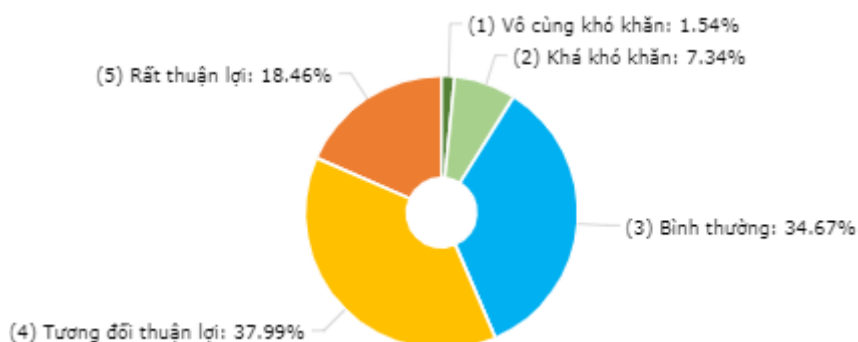


Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Chỉ số tiếp cận đất đai là một trong những chỉ số đánh giá chất lượng điều hành của một địa phương trong việc tạo ra trụ đỡ quan trọng để các HKD phát triển và môi trường đầu tư, kinh doanh của địa phương thăng hạng. Tuy nhiên chỉ số về tiếp cận đất đai cũng là một trong những chỉ số có nhiều “điểm nghẽn” trong quá trình quản lý ở nhiều địa phương. Các vấn đề chính mà đại diện các HKD chú trọng là mức độ thuận lợi có được địa điểm kinh doanh và cơ chế giải quyết các thủ tục, quy trình về đất đai tại địa phương. Thực tế cho thấy tiếp cận đất đai trong năm qua được đánh giá tương đối ổn định song vẫn cần cải thiện hơn nữa trong việc tiếp cận đất đai và địa điểm kinh doanh ở những khu vực mới được quy hoạch.

Khảo sát DDCI cấp địa phương ghi nhận điểm số trung bình toàn thành phố của chỉ số tiếp cận đất đai đạt 7,81 điểm, đứng thứ 5/10 CSTP. Nhìn sâu hơn vào điểm số của các địa phương vẫn còn sự chênh lệch điểm số khá nhiều dù phần lớn các địa phương đều có điểm số ở nhóm “khá”. Huyện Bạch Long Vĩ là địa phương đứng đầu toàn thành phố ở chỉ tiêu này với điểm số khá ấn tượng là 9,82 điểm. Tiếp theo là 3 quận, huyện gồm Tiên Lãng với 8,48 điểm, Cát Hải với 8,13 điểm và Đồ Sơn với 8,03 điểm nằm ở nhóm có thang điểm “tốt”. 11 địa phương còn lại ở nhóm thang điểm “khá” với phổ điểm từ 7,1 điểm đến 7,94 điểm. Huyện An Dương đứng vị trí cuối bảng điểm với 7,1 điểm. Mặc dù cách biệt điểm số của địa phương đứng đầu và đứng cuối là khá lớn (2,72 điểm) nhưng điểm số của các địa phương ở nhóm sau lại cách biệt không quá lớn. Điều này cho thấy sự bám đuổi sát sao nhưng vẫn tồn tại sự khác biệt tương đối giữa các địa phương đặc biệt ở nhóm đứng đầu và cuối trong giải quyết các vấn đề về đất đai.

Biểu đồ 4.22. Mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh



Nguồn: Cục Thống kê Hải Phòng và Economica Vietnam, Khảo sát DDCI Hải Phòng 2020

Đánh giá chung về khả năng tiếp cận đất đai, khảo sát DDCI cấp địa phương ghi nhận có hơn một nửa các HKD (56,45%) cảm thấy thuận lợi khi có được địa điểm kinh doanh như hiện tại, 34,67% các HKD có được địa điểm kinh doanh ở mức bình thường và chỉ có 8,88% HKD gặp khó khăn. Tức là cứ 10 HKD thì có khoảng 6 HKD thuận lợi có được địa điểm kinh doanh còn lại 3 HKD có được ở mức bình thường và 1 HKD còn khó khăn để có được địa điểm kinh doanh. Kết quả này cho thấy việc tiếp cận đất đai của các HKD vẫn còn là một rào cản chưa thực sự được gỡ bỏ ở thành phố, phản ánh qua mức điểm 7,32 điểm thấp nhất trong số các chỉ tiêu của chỉ số này. Theo kết quả khảo sát, các huyện Bạch Long Vĩ (9,12 điểm) và Tiên Lãng (8,27 điểm) là hai địa phương được các HKD tại đó đánh giá cao việc thuận lợi có được địa điểm kinh doanh, trong khi vẫn còn nhiều địa phương mà các HKD khá khó khăn mới có được địa điểm kinh doanh như các quận, huyện Vĩnh Bảo (6,91 điểm), Ngô Quyền (6,66 điểm), Hồng Bàng (6,62 điểm), Dương Kinh (6,29 điểm) đang thuộc nhóm “trung bình khá” đứng cuối bảng điểm. Mặc dù vậy với điểm số 8,84 điểm, chỉ tiêu rủi ro mặt bằng kinh doanh có kết quả tích cực nhất theo ghi nhận của 850 HKD tham gia khảo sát. Đa số các HKD ở các địa phương đều cho biết mức độ rủi ro của việc bị thu hồi, giải tỏa mặt bằng không cao. Cụ thể, có tới 92,48% HKD cho rằng mức độ rủi ro này chỉ ở mức “thấp” và “rất thấp”. Lí giải điều này có thể xuất phát từ việc nhiều HKD sử dụng chính đất nhà ở để làm địa điểm kinh doanh, do đó tính ổn định về đất đai của các HKD sẽ cao hơn các HKD khác. Điều này cũng diễn ra tương tự ở nhiều tỉnh, thành phố khác trên cả nước. Một số địa phương còn được

đánh giá sự ổn định mặt bằng khá cao ở chỉ tiêu này như các quận, huyện Bạch Long Vĩ (10 điểm), Kiến Thụy (9,66 điểm), Kiến An (9,47 điểm), Cát Hải (9,37 điểm), Tiên Lãng (9,2 điểm), Lê Chân (9,1 điểm) thuộc nhóm điểm “rất tốt”. Tuy vậy, quận Ngô Quyền là địa phương có tỉ lệ HKD lo ngại nhiều nhất về độ rủi ro trong các địa phương khi chỉ đạt 7,82 điểm, cần có nhiều cải thiện hơn nữa trong thời gian tới.

Từ nhiều năm nay, các vấn đề liên quan đến đất đai vẫn tồn tại nhiều điểm “nghẽn” khi thường xuyên gặp hiện tượng đưng “trần thề chế”, gây nhiều khó khăn cho các HKD. Đánh giá về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương của các quận, huyện, 64,55% HKD đánh giá chủ động, giải quyết tốt, 31,14% HKD cho rằng giải quyết ở mức chấp nhận được, còn lại 4,19% HKD cho biết các vấn đề không giải quyết hoặc giải quyết qua loa. Một số địa phương được các HKD đánh giá chính quyền chủ động cao như các quận, huyện Bạch Long Vĩ (9,76 điểm), Đồ Sơn (8,4 điểm), Tiên Lãng (8,27 điểm), Lê Chân (8,13 điểm) nhưng ở chiều ngược lại vẫn còn một số địa phương chưa chủ động được như kì vọng của các HKD gồm các địa phương ở nhóm điểm “trung bình khá” như các quận, huyện An Dương (6,95 điểm), Hồng Bàng (6,88 điểm), Dương Kinh (6,42 điểm). Điều này cho thấy có sự khác biệt rõ ràng trong đánh giá giữa các HKD ở các địa phương, đặc biệt ở nhóm đầu và cuối chỉ tiêu này.

Đi sâu vào phân tích một số chỉ tiêu liên quan đến giải quyết các thủ tục về đất đai, mặt bằng kinh doanh, khảo sát DDCI cấp địa phương đưa ra 5 mức độ đánh giá từ “hoàn toàn không đồng ý” đến “hoàn toàn đồng ý” về một số nhận định. Trong đó, 67,45% HKD đồng ý/hoàn toàn đồng ý về việc dễ dàng trong tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch, và 5,31% các HKD cho rằng khó tiếp cận, chỉ tiêu này trung bình toàn thành phố đạt 7,62 điểm. Đáng lưu ý cho các quận, huyện khi đây là chỉ tiêu gần như thấp điểm nhất khi so với các chỉ tiêu khác trong chỉ số này, đặc biệt có 3 quận, huyện các HKD đánh giá gặp khá nhiều khó khăn tiếp cận là Vĩnh Bảo, Kiến Thụy và An Dương.

Liên quan đến các vấn đề về giải phóng mặt bằng và thẩm định phương án bồi thường, tỉ lệ các HKD đánh giá tốt về tiến độ và sự thỏa đáng trong bồi thường đạt tỉ lệ khoảng 69%-70% trong tổng số HKD. 71,73% HKD tham gia trả lời khảo sát cũng đồng ý/hoàn toàn đồng ý về quy trình giải quyết hồ sơ đất đai và xác minh nguồn gốc đất nhanh chóng và đúng quy định.

Nhìn chung, ngoài các yếu tố cơ chế, chính sách ràng buộc khó có thể giải quyết triệt để, CSTP này vẫn còn nhiều tiềm năng để cải thiện nhất là với các chỉ tiêu thấp điểm ở các địa phương như tăng cường khả năng tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất ở các khu đất mới và chính quyền địa phương cần nỗ lực giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc.

DDCI 2020

NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỊA PHƯƠNG



76,84

Điểm số DDCI 2020
trung bình địa phương



Chi phí không chính thức
là chỉ số **đạt điểm cao nhất**
8,47 điểm

84,99%

HKD đánh giá chi phí
không chính thức có xu
thế giảm



Hiệu quả các chương
trình hỗ trợ ở mức
“bình thường”

CÁC CHỈ SỐ CẦN
CẢI THIỆN

Hỗ trợ SXKD

Tính minh bạch và
ứng dụng CNTT

5,99% HKD thực hiện
TTHC và thanh toán trên
môi trường mạng



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2018), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2018)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2020), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2020*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. Chính phủ Việt Nam (2020b), Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09 tháng 4 “*Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19*”
5. CIEM và ADB (2017), “*“Chính thức hóa” hộ kinh doanh ở Việt Nam*”.
6. Cục Thống kê Hải Phòng (2019, 2020), “*Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2019, 2020*”.
7. Cục Thống kê Hải Phòng (2010-2020), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2020*”.
8. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
9. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
10. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
11. GSO (2005 - 2018), “*Niên giám thống kê các năm 2005 – 2018*”.
12. GSO (2012), “*Sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 – 2011*”, Nhà xuất bản Thống kê
13. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2020), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2020*”
14. Lê Duy Bình (2017), “*Các yếu tố ảnh hưởng tới tích tụ vốn của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Viện Kinh tế Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học Việt Nam*”. Số 2, tháng Giêng, 2017 (465), tr. 63-71
15. Lê Duy Bình & Phạm Tiến Dũng (2017), “*Chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp: Rào cản từ chi phí tuân thủ pháp luật, Báo Pháp luật Việt Nam*”, (36)163/9 – 2017
16. Lê Duy Bình (2017), “*Tác động của một số khoản nộp ngân sách đối tích tụ vốn tại doanh nghiệp, Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính, Hà Nội*”. Số 2 - tháng Giêng, 2017 (651), p 72-74
17. Lê Duy Bình (2017), “*Thúc đẩy tích tụ vốn tại các DNNVV trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành*”, Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, CIEM, Số 82, Tháng 5 + 6/2017, tr. 14-25
18. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
19. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
20. UBND thành phố Hải Phòng (2015-2020), “*Báo cáo kinh tế - xã hội 2015-2020*”
21. UBND thành phố Hải Phòng (2020), “*Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của thành phố Hải Phòng*”
22. USAID/VNCI-VCCI (2006-2020), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2020)*”. www.pcivietnam.org/reports.php
23. VCCI (2010-2017), *Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị trường pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017*
24. VCCI (2010-2019), “*Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia

25. VCCI (2019), “*Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế*”, Hà Nội.
26. VCCI. (2020), “*Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia*”, Hà Nội
27. World Bank (2018-2020), “*Doing Business 2018-2020*”
28. Bộ luật số: 45/2019/QH14, *Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019*
29. Luật số: 77/2015/QH13, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015.*
30. Luật số: 104/2016/QH13, *Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 04 năm 2016*
31. Luật số: 47/2019/QH14, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019.*
32. Luật số: 20/VBHN-VPQH, *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 15 tháng 07 năm 2020*



PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

1. DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																					TB
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội	Ngân hàng Nhà nước	
Gia nhập thị trường & cấp phép	6.84	7.11	6.52	6.96	7.04	7.23	6.44	6.63	6.66	6.94	6.95	6.95	6.86	7.01	6.6	6.5	6.75	7.06	7.17	7.12	6.89	6.87
B1. Tổng thời gian mà ông/ bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục gia nhập thị trường tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY là bao nhiêu lâu?	5.08	6	5.53	5.57	5.89	6.42	4.46	4.6	5.22	5.95	6.47	5.31	5.4	5.4	5.13	5.13	5.05	5.92	6.3	5.88	5.39	5.53
B2. Số lần ông/ bà phải đi lại để hoàn thành bộ hồ sơ gia nhập thị trường tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7.41	7.73	6.75	7.57	7.54	7.79	7.19	7	7.04	7.19	7.4	7.45	7.13	7.3	7.06	6.67	7.26	7.49	7.41	7.5	7.27	7.29
B3. Số lần ông/bà phải đi lại để nhận được giấy đăng kí/xác nhận gia nhập thị trường tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY sau khi nộp đủ hồ sơ và có giấy hẹn?	7.73	7.45	7.28	7.59	7.63	7.79	7.06	7.8	7.51	7.55	7	7.52	7.85	7.54	7	7.37	7.64	7.58	7.65	7.68	7.67	7.52
B4. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đã ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng nhiều phương thức mới hiệu quả vào trình tự, thủ tục gia nhập thị trường”?	7.79	7.93	7.58	7.57	8.09	7.52	7.35	8.07	7.53	7.73	7.73	7.79	8.05	7.85	8.06	7.55	7.56	7.75	7.92	7.89	7.71	7.76

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B5. Thời gian DN/HTX bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY để chính thức hoạt động?	6.18	6.43	5.44	6.49	6.03	6.61	6.16	5.67	6	6.3	6.13	6.69	5.85	6.95	5.74	5.77	6.24	6.56	6.58	6.64	6.42	6.23
Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	7.19	7.24	6.69	6.98	7.15	6.8	6.64	7.26	6.84	7.1	7.04	6.95	7.23	7.4	7.45	6.91	6.84	7.09	7.17	6.9	7.26	7.05
B6. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7.25	7.4	6.83	7.14	7.46	6.9	6.51	7.73	6.77	7.28	7.53	7.43	7.85	7.6	7.63	7.09	7.13	7.13	7.36	6.81	6.94	7.23
B7. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7.41	7.8	7.1	7.26	7.74	6.95	6.65	7.4	7.08	7.35	7.53	7.17	7.75	7.6	7.69	7.15	6.99	7.22	7.42	7.06	7.63	7.33
B8. Nếu DN/HTX của ông/bà có yêu cầu SỞ/BAN/NGÀNH NÀY cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	6.48	6.33	6.19	6.52	6.96	6.32	6	6.8	6.24	6.48	6.27	6.67	6.5	6.85	6.39	6.31	6.22	6.38	6.5	6.24	6.65	6.44

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B9. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “DN/HTX của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại SỞ/BAN/NGÀNH này?”	6.75	6.73	6.44	6.7	7.44	6.94	6.15	7.03	6.64	7.19	6.53	6.41	7.35	7.15	7.19	6.97	6.55	6.86	6.79	6.71	6.78	6.82
B10. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đối với DN/HTX trong việc tìm kiếm thông tin?	7.46	7.8	6.86	7.51	7.18	7.1	7.12	7.87	7.32	7.52	7.53	7.17	7.65	7.9	8	7.29	7.08	7.22	7.57	7.06	7.8	7.43
B11. Ông/bà đánh giá về mức độ ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH này?	7.14	6.62	5.73	6.51	5.57	5.9	6.68	6.21	6.24	6.26	5.38	6.5	5.68	7.33	6.58	6.63	6.57	7.32	7.02	7.14	6.72	6.46
B12. “Trang web thực hiện hiệu quả hỏi đáp trực tuyến và công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ ý kiến của các DN/HTX”	4.81	4.93	4.9	5.2	4.82	4.68	4.81	4.87	5.16	5.1	5.47	4.83	4.85	5.05	5.81	5.09	4.83	4.79	5.06	4.49	5.71	5.01
B13. “CNTT được ứng dụng hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa”	8	8.13	7.53	7.49	7.86	7.49	7.38	7.87	7.47	7.6	7.73	7.66	7.95	7.9	8.13	7.31	7.39	7.8	7.81	7.65	7.92	7.72
B14. “Hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành dành cho DN trên Cổng Thông tin điện tử cập nhật nhanh chóng và đầy đủ”	7.99	8.13	7.37	7.54	7.92	7.48	7.27	8.27	7.42	7.85	7.87	7.59	7.85	8.05	8.06	7.45	7.56	7.67	7.8	7.53	8.2	7.76

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B15. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tích cực ứng dụng công nghệ và các xu thế của kinh tế chuyển đổi số, công nghệ 4.0. trong công tác điều hành, quản lý”	8.11	7.87	7.32	7.51	7.86	7.52	7.27	7.93	7.43	7.63	7.67	7.52	8.05	8	8.13	7.35	7.45	7.82	7.91	7.61	7.8	7.7
B16. “Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng, đài phát thanh, phương tiện điện tử (mạng xã hội...) trong việc cung cấp thông tin, văn bản pháp luật cho các DN/HTX”	7.64	7.93	7.27	7.43	7.89	7.54	7.19	7.87	7.51	7.88	7.93	7.5	8.1	8	8.31	7.41	7.49	7.77	7.66	7.63	7.71	7.7
Tính năng động của chính quyền sở, ban, ngành	7.32	7.41	7.03	7.09	7.61	7.08	6.81	7.43	7.09	7.38	7.56	7.11	7.51	7.3	7.74	7.22	7.14	7.24	7.32	7.2	7.48	7.29
B17. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX”	7.73	7.93	7.34	7.46	8.11	7.39	7.12	7.87	7.56	7.8	8	7.59	8	7.7	8.31	7.74	7.62	7.62	7.65	7.61	7.92	7.72
B18. “Chủ động tham mưu UBND thành phố các đề xuất/giải pháp hỗ trợ các DN/HTX nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại thành phố”	7.77	8.07	7.42	7.49	8.08	7.5	7.08	8	7.45	7.73	7.87	7.31	7.9	7.7	7.88	7.78	7.56	7.59	7.79	7.64	8	7.7
B19. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, SỞ/BAN/NGÀNH NÀY rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới”	7.53	7.8	7.12	7.34	7.92	7.43	7.04	7.87	7.3	7.6	7.93	7.36	7.55	7.55	7.88	7.45	7.52	7.55	7.48	7.5	7.67	7.54

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B20. “Kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của DN/HTX trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao”	7.71	7.73	7.4	7.57	8.06	7.42	7.12	7.8	7.38	7.63	7.67	7.59	7.95	7.65	7.94	7.62	7.51	7.54	7.68	7.6	7.96	7.64
B21. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	7.7	7.87	7.51	7.37	8.08	7.54	7.27	8.07	7.52	7.65	7.8	7.72	8.1	7.9	8.06	7.7	7.72	7.63	7.77	7.61	8	7.74
B22. “Không có việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các sở, ban, ngành hoặc sang địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan cho DN/HTX”	7.61	7.53	7.45	7.43	8	7.52	7.23	8.2	7.43	7.7	8	7.72	7.9	7.6	7.94	7.52	7.54	7.59	7.64	7.6	7.92	7.67
B23. “Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại với các DN/HTX nhằm tháo gỡ khó khăn và kiến nghị cho họ”	7.61	7.47	7.1	7.2	7.89	7.32	6.96	7.6	7.34	7.55	7.8	7.21	7.65	7.65	8	7.15	7.27	7.57	7.51	7.38	7.59	7.47
B24. “Nội dung của hoạt động đối thoại giải quyết thỏa đáng các yêu cầu/ vấn đề của các DN/HTX”	7.62	7.67	7.31	7.34	7.89	7.4	7.02	7.79	7.33	7.7	7.67	7.5	7.7	7.69	8.06	7.25	7.35	7.5	7.57	7.42	7.76	7.55
B25. Ông/ bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	4.56	4.67	4.65	4.59	4.45	4.17	4.5	3.67	4.48	5.06	5.27	4	4.8	4.3	5.56	4.73	4.12	4.58	4.83	4.42	4.49	4.57
Chi phí TG thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7.95	7.71	7.38	7.67	8.11	7.44	7.34	7.68	7.38	7.64	7.8	7.89	7.85	7.82	7.84	7.51	7.25	7.53	7.57	7.55	7.93	7.66

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B31. Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành)	6.8	6.4	5.7	6.52	7.18	6.33	6	7	6.2	6.45	6.4	6.64	6.4	6.5	6.97	6.1	5.88	6.49	6.48	6.46	6.9	6.47
B32. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định thanh tra, kiểm tra do SỞ/BAN/NGÀNH này ban hành?	8.11	7.73	7.58	7.51	8.11	7.37	7.38	7.8	7.36	7.6	7.67	7.72	7.95	7.95	8.13	7.6	7.23	7.58	7.49	7.45	8.04	7.68
B33. Theo quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH này?	8.31	7.73	7.75	7.63	8.39	7.37	7.35	7.87	7.43	7.78	7.6	8.14	7.9	7.95	8.31	7.56	7.33	7.51	7.5	7.32	8.08	7.75
B34. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều cho các DN/HTX?	8.31	7.87	7.78	7.57	8.39	7.38	7.27	7.8	7.38	7.81	7.67	8	7.9	8.2	8.06	7.62	7.41	7.6	7.59	7.43	8.08	7.77

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B30. Ông/bà đánh giá chung thế nào về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của SỞ/BAN/NGÀNH này nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho DN/HTX khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)?	8.91	8.87	8.31	8.29	8.96	8.07	8.27	8.27	7.96	8.33	8.33	8.62	8.4	8.21	8.69	8.04	8.16	8.3	8.43	8.26	8.42	8.38
B29. Hiệu quả của bộ phận một cửa	9.02	8.53	7.86	8.71	8.34	9.06	8.62	8.13	8.2	8.48	9.33	9.43	7.9	8.5	7.94	8.08	7.94	8.66	8.59	8.85	8.98	8.53
B27. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	7.38	6.84	6.93	7.43	7.28	6.94	6.82	7.3	7.41	7.15	8	7.07	7.72	8.26	7	7.24	6.79	7.08	7.14	7.24	7.27	7.25
B28. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	7.01	7.17	6.9	7.29	7.83	6.72	6.62	6.9	6.92	7.16	7.13	7.29	7.8	7.1	7.44	6.98	6.81	6.88	7.17	6.82	7.47	7.11
B26. Ông bà đánh giá chung thế nào về thời gian thực hiện TTHC tại SỞ, BAN, NGÀNH này?	7.68	8.21	7.58	8.09	8.51	7.77	7.73	8.07	7.54	8	8.07	8.14	8.7	7.75	8.06	8.41	7.68	7.66	7.76	8.13	8.13	7.98
Chi phí không chính thức	8.24	8.32	7.89	8.04	8.57	8.07	7.83	8.04	7.98	8.08	8.15	8.51	8.42	8.23	8.14	8.34	7.86	7.99	7.86	8.15	8.56	8.16
B35. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) khi DN/HTX thực hiện TTHC, dịch vụ công hoặc các công việc liên quan tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	8.2	8.76	7.81	7.94	8.97	8.18	7.65	7.59	7.78	8.15	7.87	8.28	8.65	8.4	8.56	8.36	7.67	7.84	7.77	8.35	8.5	8.16

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B36. Các DN/HTX tương tự như DN/HTX của ông/bà phải bỏ ra hàng năm để chi các khoản không chính thức cho cán bộ của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY trung bình chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của DN/HTX?	8.99	9.1	8.96	8.64	9.58	8.99	8.73	8.9	9.08	9.07	9.17	9.17	9.28	9.25	9.13	9.2	8.99	8.86	8.79	9.07	9.58	9.07
B37. Theo ông/bà, hiện tượng chi trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ SỞ/BAN/NGÀNH NÀY khi thực hiện TTHC hay các công việc liên quan đang diễn ra như thế nào?	8.24	8.9	7.58	8.21	8.96	8.03	7.49	7.85	7.84	8.32	8	8.28	9.03	8.21	8.65	8.27	7.98	7.59	7.52	8.27	8.88	8.19
B38. Theo ông/bà, nếu một DN/HTX đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như họ mong muốn không?	7.08	5.93	7.19	6.87	6.23	6.71	6.9	7.64	6.85	6.56	7.2	7.77	6.05	6.89	6	7.24	6.53	7.27	6.89	6.47	6.84	6.82
B39. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	8.67	8.9	7.94	8.55	9.1	8.42	8.36	8.21	8.35	8.31	8.53	9.04	9.1	8.42	8.38	8.63	8.12	8.41	8.33	8.6	8.98	8.54
Cạnh tranh bình đẳng	8.23	7.85	7.5	7.64	8.11	7.48	7.33	8	7.65	7.86	7.67	7.97	8.01	8.11	8.39	7.88	7.59	7.62	7.74	7.76	8.01	7.83

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B40. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (nhân lực, cơ sở vật chất, công nghệ, tài chính...)”.	8.08	7.87	7.48	7.54	8.08	7.43	7.37	7.93	7.56	7.83	7.67	7.86	7.9	8.1	8.31	7.84	7.45	7.55	7.72	7.75	8.04	7.78
B41. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, chương trình, chính sách ưu đãi, hỗ trợ”.	8.37	7.8	7.56	7.66	8.17	7.48	7.31	8.13	7.76	7.93	7.73	8	8	8.1	8.5	7.98	7.64	7.63	7.81	7.79	8.12	7.88
B42. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC”.	8.12	7.93	7.45	7.66	8.08	7.52	7.31	8.13	7.63	7.88	7.67	8	8.1	8.15	8.31	7.82	7.64	7.61	7.73	7.79	7.88	7.83
B43. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC”	8.35	7.8	7.51	7.71	8.08	7.48	7.35	7.8	7.67	7.8	7.6	8	8.05	8.1	8.44	7.88	7.62	7.67	7.7	7.71	8	7.82
Hỗ trợ SXKD	6.99	7.09	6.74	6.91	7.33	6.67	6.48	7.13	6.89	7.32	7.33	6.76	7.28	7.41	7.43	7.06	6.63	6.84	6.93	6.84	6.96	7
B45. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các DN/HTX của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7.34	7.33	6.99	7.11	7.69	6.8	6.5	7.6	6.97	7.49	7.27	7.1	7.9	7.64	7.56	7.31	6.6	7.21	7.22	7.04	7.43	7.24

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B46. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn...) do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tổ chức?	4.71	5.93	5.17	5.29	5.52	4.75	4.88	4.9	5.67	6.35	6.3	4.83	5.2	6.1	6.63	6.04	4.64	4.99	5.35	5.32	5.04	5.41
B47. “Các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh được thiết kế và thực hiện rất hiệu quả”	7.45	7.33	7.12	7.43	7.8	7.19	6.96	7.73	7.1	7.55	7.6	7.24	7.6	7.6	7.69	7.22	7.17	7.22	7.28	7.3	7.35	7.38
B48. “Tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ các DN/HTX trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (VD như dịch Covid-19)”	7.61	7.33	7.34	7.37	7.83	7.36	7.08	7.73	7.41	7.73	7.67	7.31	7.9	7.85	7.5	7.45	7.43	7.4	7.4	7.34	7.67	7.51
B49. “Luôn quan tâm tới các DNVVN, DN/HTX do phụ nữ, nhóm người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh”	7.83	7.52	7.07	7.33	7.83	7.26	7	7.67	7.3	7.49	7.8	7.31	7.8	7.85	7.75	7.29	7.31	7.4	7.39	7.21	7.31	7.46
Hiệu lực thực thi chính sách & thiết chế pháp lý	7.66	7.56	7.39	7.46	7.97	7.22	7.08	7.9	7.35	7.6	7.89	7.68	8.07	7.78	7.95	7.54	7.24	7.4	7.54	7.37	7.64	7.58
B50. Ông bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY triển khai và thực thi?	7.5	7.53	7.37	7.4	8.23	6.9	7.04	7.87	7.1	7.58	7.53	7.64	7.9	7.8	7.5	7.47	7.07	7.28	7.38	7.13	7.55	7.46

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B51. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật được SỞ/BAN/NGÀNH NÀY triển khai trong thời gian qua?	7.62	7.33	7.32	7.45	8.03	6.94	6.9	7.8	6.97	7.6	7.47	7.79	8	7.7	7.75	7.35	7.05	7.31	7.29	7.08	7.59	7.44
B52. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn hỗ trợ pháp lý cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	7.88	7.87	7.4	7.49	7.89	7.31	7.1	7.73	7.54	7.68	8.07	7.57	8	7.8	8.19	7.64	7.33	7.41	7.66	7.52	7.71	7.66
B53. “Khiếu nại, tố cáo luôn được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật”	7.64	7.6	7.39	7.4	7.8	7.37	7.18	8.13	7.49	7.58	8.07	7.66	8.1	7.8	8.06	7.62	7.25	7.43	7.64	7.49	7.55	7.63
B54. “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo minh bạch, công bằng”	7.68	7.67	7.45	7.51	7.94	7.42	7.22	7.87	7.52	7.53	8.13	7.59	8.15	7.8	8	7.56	7.31	7.4	7.61	7.52	7.71	7.65
B55. “DN/HTX không cần phải khiếu nại, tố cáo vượt cấp”	7.66	7.33	7.42	7.49	7.92	7.38	7.04	8	7.47	7.65	8.07	7.86	8.26	7.75	8.19	7.59	7.44	7.55	7.65	7.52	7.71	7.66
Vai trò người đứng đầu ở sở, ban, ngành	8.04	7.93	7.52	7.61	7.85	7.59	7.13	7.99	7.53	7.86	8.01	7.68	7.95	8.03	8.18	7.61	7.62	7.58	7.79	7.56	7.68	7.75
B56. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tích cực, năng động và có vai trò quyết định đến việc ứng dụng CNTT, đổi mới sáng tạo, công tác cải cách hành chính và quy trình quản lý”	8.11	8.07	7.64	7.6	7.89	7.61	7.08	8.07	7.52	7.85	8	7.66	8	8	8.13	7.7	7.66	7.62	7.83	7.64	7.71	7.78

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH &ĐT	Sở Tài chính	Sở TN &MT	Sở XD	Sở NN& PT NT	Sở GT VT	Sở KH& CN	Sở GD &ĐT	Sở LĐ-TB &XH	Sở Công Thương	Sở Tư pháp	Sở TT &TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT HP	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục Hải quan TP	Bảo hiểm Xã hội		Ngân hàng Nhà nước
B57. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh”	8.01	7.87	7.59	7.6	7.86	7.67	7.15	8.07	7.56	7.87	8.13	7.79	8.05	8.05	8.25	7.7	7.68	7.59	7.77	7.52	7.71	7.79
B58. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY có hành động cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề của các DN/HTX một cách nhanh chóng và triệt để”	8	7.93	7.47	7.66	7.89	7.53	7.15	8	7.58	7.85	8	7.59	7.9	8	8.31	7.56	7.66	7.61	7.85	7.57	7.63	7.75
B59. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây những nhiễu, khó khăn cho các DN/HTX”	7.99	7.87	7.42	7.54	7.89	7.59	7.19	7.87	7.41	7.85	8.07	7.66	7.8	8.05	8.06	7.54	7.62	7.55	7.79	7.57	7.63	7.71
B60. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY gần gũi, thân thiện, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của DN/HTX”	8.11	7.93	7.48	7.69	7.75	7.53	7.12	8	7.49	7.82	7.87	7.72	8	8	8.19	7.54	7.56	7.54	7.79	7.53	7.71	7.73
B61. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tích cực và trực tiếp tham gia điều hành các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp và thực hiện các cam kết đầy đủ và nghiêm túc”	8.01	7.93	7.53	7.57	7.86	7.6	7.08	7.93	7.6	7.9	8	7.66	7.95	8.05	8.13	7.64	7.54	7.55	7.75	7.52	7.67	7.74
Tổng	7.61	7.58	7.18	7.37	7.75	7.29	7.01	7.56	7.26	7.53	7.6	7.5	7.69	7.68	7.75	7.4	7.21	7.37	7.46	7.38	7.6	7.47

2. DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
Gia nhập thị trường & cấp phép	7.12	7.03	7.4	7.51	6.86	6.75	6.97	7.69	7.16	7.14	6.94	7.61	7.01	7.9	7.63	7.25
B1. Tổng thời gian mà ông/ bà đã dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục để đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành (lần đầu hoặc điều chỉnh) là bao nhiêu lâu?	6.58	6.25	7.29	7.57	6.44	4.13	5.19	6.56	5.77	4.95	5.26	5.67	6.51	7.94	7.76	6.26
B2. Số lần ông/ bà phải đi lại để hoàn thành bộ hồ sơ đăng ký thành lập cơ sở SXKD/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành (lần đầu hoặc điều chỉnh)?	8.8	8.27	8.7	8.54	6.89	8.07	8.14	8.85	7.37	7.33	7.63	8	8.05	8.91	7.76	8.09
B3. Số lần ông/bà phải đi lại để nhận được giấy đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành sau khi nộp đủ hồ sơ và có giấy hẹn?	7.78	7.74	7.7	8	7.72	7.8	7.07	7.78	7.59	7.72	7.62	7.9	7.14	8	8	7.7
B4. Đăng kí kinh doanh	6.84	6.96	7.23	7.4	6.76	6.8	7.03	7.96	7.25	7.47	7.47	7.93	6.83	8.51	8.88	7.42
B5. Giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền của quận, huyện)	6.82	6.42	6.93	7.03	6.13	6.8	6.9	7.44	7.44	7.44	6.77	7.83	6.72	7.46	7.76	7.06

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B6. Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	6.77	6.77	7.05	7.1	6.79	6.73	7.03	7.77	7.31	7.37	6.68	8.13	6.72	7.82	6.96	7.13
B7. Giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng...)	6.53	6.69	7	7.06	6.76	6.8	7.2	7.79	7.16	7.3	7.02	7.9	6.78	7.45	6.92	7.09
B8. Giấy phép thực hiện các quy định về tài nguyên – môi trường	6.59	6.68	6.93	7.08	5.78	6.8	6.97	7.74	7.44	7.21	6.51	7.9	6.59	7.5	7.33	7
B9. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Chính quyền địa phương đã ứng dụng CNTT và sử dụng nhiều phương thức mới hiệu quả vào trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh/ cấp phép giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chuyên ngành”?	7.73	7.89	7.85	7.82	8.27	8.07	8	7.6	7.87	8.5	8.07	8.43	7.87	7.14	9.76	8.06
B10. Thời gian cơ sở SXKD bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các thủ tục cần thiết để chính thức hoạt động?	6.76	6.68	7.38	7.5	7.09	5.47	6.18	7.43	6.44	6.07	6.36	6.44	6.88	8.24	5.2	6.67
Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	6.62	6.99	6.85	6.82	6.91	7.21	6.95	7.23	5.95	7.54	6.64	7.69	6.76	6.91	7.04	6.94
B11. Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới	6.58	6.99	6.8	6.95	6.82	7.13	7.2	7.42	5.11	7.53	6.23	7.63	6.8	7.14	7.92	6.95

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B12. Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của quận/huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng	6.27	6.78	6.53	6.68	5.51	7.2	7.03	7.16	4.16	7.07	5.12	7.4	6.64	6.46	5.76	6.38
B13. Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do quận, huyện quản lý	6.31	6.63	6.1	6.64	4.86	7	7.09	7.04	4	7.1	4.81	7.63	6.49	6.57	5.76	6.27
B14. Ngân sách, đặc biệt là các khoản đóng góp của cơ sở SXKD	6.36	6.62	5.68	6.5	5.29	7.07	7.31	7.12	5.1	7.07	5.05	7.6	6.56	7.47	6.16	6.46
B15. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng công bố thông tin, hướng dẫn về thực hiện TTHC hoặc công việc có liên quan ở quận, huyện mình?	6.67	7.48	7.11	6.98	6.98	7.67	7.14	7.91	6.51	7.8	7.07	8	7.31	8.06	9.84	7.5
B16. Nếu cơ sở SXKD của ông/bà có yêu cầu chính quyền quận, huyện cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của chính quyền trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	6.22	6.33	6.6	6.65	6.27	7.47	6.57	6.42	6.55	7.13	6.32	7.17	6.53	6.4	6.16	6.59

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B17. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Cơ sở SXKD của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại quận, huyện”?	7.64	7.45	7.43	6.82	7.07	6.93	6.97	7.87	6.78	8.1	7.15	7.93	6.8	9.37	8.96	7.55
B18. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của quận, huyện đối với cơ sở SXKD trong việc tìm kiếm thông tin?	6.4	6.88	6.83	7.18	7.38	6.67	6.97	7.35	4.91	7.3	8.59	8.17	6.51	3.54	2.08	6.45
B19. Ông bà đánh giá về mức độ ứng dụng CNTT khi thực hiện TTHC tại quận, huyện?	3.51	5.18	4.08	3.47	6.27	4.8	3.2	4.85	4.18	4.88	4.85	4.77	4.51	3.82	3.5	4.39
B20. “Trang web của quận, huyện thực hiện hiệu quả hỏi đáp trực tuyến và công khai kết quả tham vấn, trả lời thắc mắc/ ý kiến của các cơ sở SXKD”	7.24	7.43	7.65	7.5	7.82	7.67	7.43	7.36	7.05	8.2	7.24	8.03	6.56	6.06	5.36	7.24
B21. “CNTT được ứng dụng hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công, thực hiện TTHC tại bộ phận một cửa”	7.38	7.53	7.78	7.6	8.13	8	7.6	7.65	7.02	8.37	7.63	8.37	7.47	7.49	8.72	7.78

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B22. “Hệ thống cơ sở dữ liệu mở về các văn bản pháp luật, quy định, chính sách chuyên ngành dành cho cơ sở SXKD trên Cổng Thông tin điện tử cập nhật nhanh chóng và đầy đủ”	7.45	7.45	7.85	7.5	7.78	7.8	7.6	7.53	7.26	8.4	7.6	8.2	7.25	7.89	8.64	7.75
B23. “Chính quyền cấp quận, huyện tích cực trong việc ứng dụng công nghệ và các xu thế của kinh tế số, chuyển đổi số, công nghiệp 4.0 trong công tác điều hành, quản lý”	7.41	7.55	7.68	7.56	8.22	7.6	7.54	7.6	7.17	8.33	7.7	8.33	7.41	7.09	9.84	7.8
B24. “Hiệu quả của việc sử dụng các thông báo nơi công cộng, đài phát thanh, phương tiện điện tử (các mạng xã hội...) trong việc cung cấp thông tin, văn bản pháp luật cho các cơ sở SXKD”	7.24	7.53	7.8	7.51	8.31	8	7.6	7.89	7.53	8.33	7.63	8.41	7.81	9.35	9.84	8.05
Tính năng động của chính quyền địa phương	6.93	7.29	7.17	7.25	7.25	7.61	7.11	7.39	7.48	8.02	6.89	8.1	7.03	7.93	8.48	7.46
B25. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD”	7.38	7.49	7.85	7.78	7.96	7.8	7.77	7.96	8	8.43	7.5	8.47	7.55	8.4	9.76	8.01

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B26. “Chủ động tham mưu UBND thành phố các đề xuất/giải pháp hỗ trợ các cơ sở SXKD nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh tại thành phố”	7.33	7.52	7.6	7.69	7.6	7.67	7.49	7.8	7.97	8.23	7.27	8.31	7.12	8.18	8.64	7.76
B27. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, UBND quận/huyện sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới”	7.16	7.37	7.63	7.64	7.16	7.6	7.6	7.82	7.97	8.2	7.07	8.24	7.04	7.83	7.44	7.58
B28. “Kịp thời nắm bắt và xử lý những khó khăn, vướng mắc của cơ sở SXKD trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao”	7.24	7.62	7.68	7.73	7.73	7.93	7.66	7.78	7.88	8.47	7.43	8.44	7.23	8.97	9.6	7.96
B29. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ của cơ quan chính quyền địa phương khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	7.33	7.67	7.55	7.78	7.91	7.8	7.54	7.87	8.03	8.47	7.53	8.44	7.31	8.57	9.92	7.98
B30. “Không có việc đùn đẩy trách nhiệm giữa các phòng ban cấp địa phương hoặc lên cấp có thẩm quyền cao trong giải quyết các vấn đề liên quan, hỗ trợ cho cơ sở SXKD”	7.33	7.67	7.65	7.73	7.51	7.8	7.6	7.78	8.06	8.4	7.42	8.34	7.23	9.31	9.92	7.98

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B31. “Thường xuyên tổ chức và cử cán bộ tham gia các buổi đối thoại với các cơ sở SXKD nhằm tháo gỡ khó khăn và kiến nghị cho họ”	7.29	7.52	7.53	7.6	7.6	7.67	7.6	7.56	7.85	8.37	7.29	8.41	6.96	8.11	8.08	7.7
B32. “Nội dung của hoạt động đối thoại giải quyết thỏa đáng các yêu cầu/vấn đề của các cơ sở SXKD”	7.2	7.59	7.55	7.6	7.56	7.73	7.66	7.69	7.97	8.27	7.36	8.32	7.09	8.34	9.68	7.84
B33. Ông/ bà đã bao giờ được mời tham gia góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của quận/huyện, phường/xã, ngành?	4.13	5.11	3.49	3.67	4.22	6.53	3.09	4.2	3.59	5.3	3.17	5.97	5.78	3.66	3.28	4.35
Chỉ phí TG thực hiện TTHC & tuân thủ pháp luật	7.2	7.29	7.53	7.58	7.17	7.99	7.54	8.04	7.69	7.86	7.27	8.34	7.33	8.84	8.8	7.77
B34. Ông bà đánh giá chung thế nào về thời gian thực hiện TTHC tại cơ quan chính quyền cấp quận, huyện?	6	6.69	6.7	6.82	6.62	7.53	6	7.45	6.88	6.6	6.17	6.97	6.53	7.83	9.36	6.94
B35. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD	7.47	7.38	7.15	7.69	7.11	7.93	7.49	8.13	8.31	8.17	7.63	8.58	7.57	9.03	9.68	7.95
B36. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các cơ sở SXKD	7.42	7.38	7.03	7.64	7.07	7.93	7.53	8.24	8.38	8.03	7.67	8.68	7.68	9.26	9.76	7.98

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B37. Đăng ký kinh doanh	6.84	7.28	7.45	7.56	7.02	7.53	7.77	7.87	7.44	7.93	7.22	8.23	7.23	9.31	9.68	7.76
B38. Đất đai- địa chính	6.76	6.88	7.13	7.42	5.64	7.53	7.26	7.22	6.94	7.17	6.3	7.9	6.43	8.57	8.32	7.16
B39. Xây dựng	6.73	6.83	7.3	7.29	6.13	7.67	7.37	7.36	7.36	7.6	6.53	8.07	6.83	8.41	8.4	7.32
B40. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)	6.82	7.1	7.52	7.38	7.41	7.67	7.49	7.8	7.35	7.73	6.77	8.07	7.24	9.03	8.4	7.58
B41. Nông nghiệp	6.86	7.08	7.49	7.38	7.86	7.6	7	8.09	7.36	7.67	7.28	8.23	7.46	9.12	8.24	7.65
B42. Tài nguyên, môi trường	6.86	6.95	7.33	7.33	5.86	7.67	6.86	7.91	7.34	7.37	6.53	8.07	6.75	9.03	8.4	7.35
B43. Văn hóa - thể thao - du lịch	6.91	7.03	7.85	7.36	8.09	7.79	7.26	8.15	7.38	8.13	7.12	8.39	7.41	9.38	8.4	7.78
B44. Ông/ bà đánh giá chung thế nào về các nỗ lực cải cách, sáng kiến của UBND quận, huyện nhằm giảm bớt chi phí thời gian cho các cơ sở SXKD khi tuân thủ các quy định pháp luật (ví dụ như thực hiện TTHC, dịch vụ công, nộp báo cáo, cung cấp thông tin theo quy định...)?	8.09	7.87	8.3	8.5	8.36	9	8.67	8.77	8.5	8.88	8.34	8.87	8.29	8.23	8.56	8.48
B45. Số lần thanh tra, kiểm tra mà cơ sở SXKD của ông/ bà phải tiếp trong năm vừa qua?	8.36	8.45	8.96	8.84	8.76	9.4	8.34	8.93	8.31	9.2	8.78	9.13	8.08	9.43	8.48	8.76

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B46. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định thanh tra, kiểm tra do UBND cấp quận, huyện ban hành?	7.17	8.17	7.51	8.17	6.52	6.44	7.45	8.52	8.2	7.64	7.45	8.72	7.12	9.29	7	7.69
B47. Theo quan sát từ các trường hợp từng bị thanh tra, kiểm tra và kinh nghiệm của mình, ông/ bà đánh giá thế nào về chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra của chính quyền quận/ huyện?	6.98	6.88	7.13	6.36	6.8	8.47	7.43	7.82	7.08	7.59	6.93	7.7	7.17	8.63	9.52	7.5
B48. Theo quan sát và kinh nghiệm của mình, ông/bà đánh giá về tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra của UBND quận/huyện tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều các cơ sở SXKD?	8.67	7.45	8.15	7.96	8.36	9.73	9.14	8.36	8.57	8.23	8.27	9.57	8.16	8	9.84	8.56
Chi phí không chính thức	8.34	7.6	8.26	8.14	7.9	9.02	8.05	8.97	8.44	8.32	8.47	9.06	8.46	8.72	9.29	8.47
B49. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) khi cơ sở SXKD thực hiện TTHC, dịch vụ công hoặc các công việc liên quan tại quận, huyện?	8.36	6.95	8.48	8.09	7.69	9.33	9.03	9.16	8.25	8.43	8.1	9.5	8.59	7.89	10	8.52

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B50. Các cơ sở SXKD tương tự như cơ sở của ông/bà phải bỏ ra hàng năm để chi các khoản không chính thức cho cán bộ quận/huyện trung bình chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm trong tổng thu nhập của cơ sở SXKD?	9.43	9.13	9.39	9.12	8.8	9.67	9.66	9.45	9.2	9.27	8.71	9.6	9.36	9.94	10	9.38
B51. Theo ông/bà, hiện tượng chi trả các khoản chi phí không chính thức cho cán bộ cấp quận, huyện khi thực hiện TTTC hay các công việc liên quan đang diễn ra như thế nào?	8.67	8.05	8.95	8.1	7.47	9.53	8.74	8.07	8.31	8.27	8.03	8.93	8.29	6.35	10	8.38
B52. Theo ông/bà, nếu một cơ sở SXKD đã chi khoản chi phí không chính thức, công việc có được giải quyết đúng như mong muốn không?	5.64	6.23	5.87	5.66	7.02	8.53	5.71	7.89	7.46	6.17	7.79	8.17	6.32	8.46	2	6.59
B53. Đăng ký kinh doanh	8.59	7.7	8.18	8.59	8.09	8.8	7.89	9.16	8.26	8.43	8.9	9.07	8.61	9.77	9.92	8.66
B54. Đất đai - địa chính	8.31	7.28	7.68	8.27	6.67	8.73	7.6	8.38	7.88	8	7.17	8.6	7.73	8.29	9.84	8.03
B55. Xây dựng	8.36	7.35	7.82	8.18	7.24	8.6	7.66	8.49	8.47	8.4	8.23	8.9	8.49	8.71	9.92	8.32
B56. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)	8.4	7.68	8.32	8.41	8.53	8.93	7.89	9.07	8.59	8.47	8.79	8.87	8.7	9.6	10	8.68
B57. Nông nghiệp	8.49	7.73	8.86	8.5	8.84	9.07	8.11	9.58	8.93	8.8	9.37	9.17	9.31	9.59	10	8.96
B58. Tài nguyên, môi trường	8.31	7.53	8.23	8.23	6.98	8.93	7.94	9.08	8.66	7.9	8.41	8.83	8.46	9.66	9.92	8.47

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B59. Văn hóa - thể thao - du lịch	8.4	7.68	8.8	8.42	8.93	9	8.11	9.53	8.82	8.92	9.05	9.27	9.25	9.26	10	8.9
B60. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	9.16	7.9	8.6	8.13	8.53	9.13	8.23	9.71	8.41	8.73	9.07	9.8	8.4	7.18	9.84	8.72
Cạnh tranh bình đẳng	7.58	7.62	7.75	7.58	7.3	8.03	7.86	7.86	7.81	8.53	7.48	8.32	7.73	9.24	9.92	8.04
B61. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận các nguồn lực nhà nước (đất đai, tài nguyên, tài chính và đầu thầu)”.	7.56	7.63	7.73	7.51	6.89	8	7.83	7.73	7.85	8.43	7.23	8.23	7.49	8.8	9.76	7.91
B62. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, chương trình, chính sách ưu đãi, hỗ trợ”.	7.6	7.6	7.8	7.56	7.29	8	7.89	7.85	7.75	8.63	7.53	8.33	7.95	9.14	10	8.06
B63. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong quá trình giải quyết kiến nghị, khó khăn và TTHC”.	7.56	7.58	7.7	7.64	7.56	8.07	7.89	7.93	7.75	8.6	7.57	8.3	7.84	9.66	10	8.11
B64. “Công bằng, không có sự phân biệt đối xử trong công tác thanh tra, kiểm tra”	7.6	7.67	7.78	7.6	7.47	8.07	7.83	7.93	7.88	8.43	7.57	8.43	7.65	9.35	9.92	8.08
Hỗ trợ SXKD	6.19	6.81	6.95	6.64	6.5	7.73	6.44	7.32	6.58	7.45	5.95	7.66	6.81	7.63	7.74	6.96

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B65. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ cung cấp thông tin triển khai các chương trình, chính sách, sáng kiến, hoạt động (của trung ương và thành phố) dành riêng cho hỗ trợ các cơ sở SXKD của quận, huyện?	6.36	6.99	7.18	6.53	6.49	8.07	6.69	7.61	6.55	7.47	5.6	7.77	6.56	8	9.76	7.17
B66. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ cơ sở SXKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn, nước sạch, nông thôn mới...) do quận, huyện tổ chức?	4.44	5.53	4.15	4.18	4.76	6.53	3.37	5.42	4.43	5.9	3.47	6.33	6.24	5.6	3.44	4.92
B67. Hỗ trợ khởi sự kinh doanh	6.14	6.85	7.28	6.98	6.04	7.6	6.57	7.24	6.72	7.37	6.1	7.67	6.77	8.29	7.28	6.99
B68. Hỗ trợ các vấn đề liên quan tới thuế	6.18	6.88	7.18	6.84	6.49	7.8	6.74	7.27	6.71	7.43	6.03	7.67	7.07	8.47	6.8	7.04
B69. Xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm	6.31	6.85	7.1	6.93	6.32	7.53	6.63	7.27	6.68	7.5	5.9	7.7	6.4	9	6.48	6.97
B70. Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn	6.22	6.8	7.23	6.98	6.8	7.6	6.63	7.51	6.84	7.6	6.1	7.67	6.72	6.51	6	6.88

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B71. Hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh	6.31	6.93	7.15	6.98	6.93	7.8	6.74	7.71	6.81	7.73	6.7	7.87	6.99	8.4	8	7.27
B72. Công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở SXKD có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng	6.27	6.8	7.1	6.93	6.8	7.93	6.51	7.51	6.75	7.4	6.21	7.93	6.75	6.97	9.84	7.18
B73. Hỗ trợ các cơ sở SXKD trong các trường hợp biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (VD như Covid -19)	6.28	6.85	7.1	6.76	6.84	8.2	6.74	7.78	6.8	7.45	5.96	8.07	6.97	8.24	9.92	7.33
B74. Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Chính quyền địa phương luôn quan tâm tới các cơ sở SXKD nhỏ, cơ sở do phụ nữ, người yếu thế làm chủ và có nhiều chương trình hỗ trợ hiệu quả, khuyến khích các mô hình kinh tế mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh”?	7.42	7.68	8.03	7.27	7.51	8.2	7.77	7.93	7.54	8.67	7.47	7.9	7.65	6.8	9.92	7.85
Thực thi chính sách, thiết chế pháp lý & ANTT	7.38	7.58	7.88	7.49	7.8	8.06	7.95	8.1	8.11	8.26	7.54	8.17	7.57	8.96	9.98	8.06
B75. Ông bà đánh giá thế nào về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do UBND quận, huyện triển khai và thực thi?	6.89	7.15	7.25	6.82	7.6	8.13	7.66	7.98	7.42	7.8	7.22	8	7.39	8	10	7.69

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B76. Ông bà đánh giá thế nào về hoạt động công khai, tuyên truyền, phổ biến các chính sách, văn bản pháp luật của UBND quận, huyện trong thời gian qua?	6.89	7.27	7.58	6.82	7.73	8.07	7.88	8.09	7.28	7.77	7.42	7.97	7.52	7.89	10	7.74
B77. “Các cơ quan cấp quận, huyện luôn hỗ trợ pháp lý cho các cơ sở SXKD khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm”	7.2	7.55	7.73	7.56	7.42	7.8	7.71	7.73	7.75	8.33	7.2	8	7.49	8	9.92	7.83
B78. “Khiếu nại, tố cáo luôn được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng pháp luật”	7.07	7.65	7.73	7.56	7.56	7.93	7.77	7.73	7.6	8.07	7.17	7.9	7.15	8.53	9.92	7.82
B79. “Cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo minh bạch, công bằng”	7.11	7.6	7.78	7.56	7.51	7.8	7.83	7.69	7.82	8.23	7.13	7.97	7.55	8.34	9.92	7.86
B80. “Cơ sở SXKD không cần phải khiếu nại, tố cáo vượt cấp”	7.07	7.65	7.6	7.55	7.56	7.87	7.83	7.8	7.81	8.2	7.24	8.07	7.38	9.26	10	7.92
B81. “UBND quận, huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự của các cơ sở SXKD”	7.87	7.75	8.18	7.69	8.13	8.13	8.06	8.38	8.68	8.4	7.93	8.43	7.76	9.89	10	8.35
B82. “Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”	7.91	7.65	8.35	7.68	8.18	8.27	8.23	8.47	8.8	8.4	7.97	8.37	7.76	9.89	10	8.39

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B83. “Hoàn toàn không có hiện tượng cơ sở SXKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn”	7.87	7.78	8.43	7.82	8.23	8.27	8.23	8.56	9.02	8.7	8	8.53	7.87	9.83	10	8.47
B84. “Nhìn chung, công tác an ninh trật tự tại quận, huyện đã được đảm bảo, tạo ra sự yên tâm của các cơ sở SXKD”	7.91	7.8	8.15	7.82	8.13	8.33	8.29	8.61	8.98	8.68	8.07	8.5	7.84	10	10	8.47
Vai trò người đứng đầu tại địa phương	7.53	7.67	7.98	7.63	8.09	8.12	7.42	7.68	8.1	8.62	7.59	8.45	7.7	8.77	9.93	8.08
B85. “Lãnh đạo địa phương tích cực, năng động và có vai trò quyết định đến việc ứng dụng CNTT, đổi mới sáng tạo, công tác cải cách hành chính và quy trình quản lý”	7.64	7.73	8.05	7.73	8.31	8.13	7.49	7.67	8.06	8.57	7.7	8.5	7.92	8.29	10	8.12
B86. “Lãnh đạo địa phương thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và giải quyết các vấn đề phát sinh”	7.69	7.73	8.03	7.78	8.09	8.07	7.37	7.76	8.09	8.57	7.5	8.53	7.73	8.63	10	8.1
B87. “Lãnh đạo địa phương có hành động cụ thể và thiết thực nhằm giải quyết các vấn đề của các cơ sở SXKD một cách nhanh chóng và triệt để”	7.56	7.68	7.93	7.73	8.04	8.13	7.37	7.65	8.12	8.63	7.53	8.47	7.68	8.91	10	8.1

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B88. “Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây những nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”.	7.47	7.63	7.93	7.51	8.13	8.2	7.66	7.76	8.18	8.63	7.69	8.43	7.68	8.91	10	8.12
B89. “Lãnh đạo địa phương gần gũi, thân thiện, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của cơ sở SXKD”	7.38	7.6	7.9	7.51	8	8.13	7.31	7.76	8.03	8.8	7.6	8.4	7.6	8.79	10	8.05
B90. “Lãnh đạo địa phương tích cực và trực tiếp tham gia điều hành các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp và thực hiện các cam kết đầy đủ và nghiêm túc”	7.42	7.65	8.07	7.5	7.96	8.07	7.31	7.44	8.12	8.54	7.53	8.34	7.57	9.09	9.6	8.01
Tiếp cận đất đai	7.23	7.48	7.89	7.58	7.71	8.03	7.1	7.55	7.3	7.94	7.59	8.48	7.33	8.13	9.82	7.81
B91. Ông/ bà đánh giá thế nào về mức độ khó khăn hoặc thuận lợi để có được địa điểm kinh doanh như hiện tại?	6.62	6.66	7.4	7.11	7.16	7.07	6.29	7.33	7.63	7.17	7.87	8.27	6.91	7.24	9.12	7.32
B92. Rủi ro mặt bằng kinh doanh của ông/ bà bị thu hồi, giải tỏa có cao không?	8.31	7.82	9.1	8.57	9.47	8.53	8.51	8.8	8.72	8.47	9.66	9.2	8.11	9.37	10	8.84
B93. Ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động trong giải quyết các vướng mắc về đất đai gây bức xúc ở địa phương của UBND cấp quận, huyện?	6.88	7.35	8.13	7.38	7.23	8.4	6.42	7.57	6.95	7.77	7.05	8.27	7.55	7.94	9.76	7.64

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	ĐỊA PHƯƠNG															TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vinh Bảo	Huyện Cát Hải	Huyện Bạch Long Vĩ	
B94. “Cơ sở SXKD rất dễ dàng trong việc tiếp cận quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch (cụm CN...)”	7.16	7.68	7.78	7.51	7.2	8	7.09	7.31	6.65	8.03	6.87	8.47	6.93	7.76	9.84	7.62
B95. “Giải phóng mặt bằng nhanh chóng, đúng tiến độ”	7.24	7.6	7.5	7.47	7.51	8	7.14	7.36	7.05	7.97	7.23	8.33	7.2	7.89	10	7.7
B96. “Việc xác minh nguồn gốc đất đai tại địa phương và giải quyết hồ sơ đất đai nhanh chóng và đúng quy định”.	7.33	7.63	7.65	7.56	7.78	8.13	7.26	7.22	7.02	8.23	7.23	8.47	7.25	8.65	10	7.83
B97. “Thẩm định phương án bồi thường rất thỏa đáng”	7.09	7.6	7.68	7.45	7.6	8.07	6.97	7.29	7.11	7.97	7.23	8.37	7.36	8.06	10	7.72
Tổng	7.21	7.34	7.57	7.42	7.35	7.86	7.34	7.78	7.46	7.97	7.24	8.19	7.37	8.3	8.86	7.68



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**



DDCI
HẢI PHÒNG

<https://haiphong.ddci.org.vn/>



 **economica**

P805, số 27 Trần Duy Hưng, Trung Hòa,
Cầu Giấy, Hà Nội

Mail: contact@economica.vn

Tel: +84 24.667.22057

© Economica Vietnam 2021